

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
Số: 47/2023

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚP

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚP
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
TRẦN THỊ TÚ ANH

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com

Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sưu tầm

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 89/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 29/12/2023. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 01/2024

MỤC LỤC

THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
TS. Nguyễn Trọng Tú	Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại Trường Chính trị Trần Phú đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn mức 1 vào năm 2025	2
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Xây dựng văn hoá trong kinh tế và những vấn đề đặt ra đối với xây dựng văn hoá trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	9
Ths. Nguyễn Xuân Bé	Các nhân tố tác động đến sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	15
Ths. Chu Thị Thu Huyền	Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh- Những vấn đề đặt ra	22
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Phát huy vai trò của Trường Chính trị Trần Phú trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	29
Ths. Lê Thị Thùy Dung	Xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn	33
Ths. Phan Chí Quyết	Phát huy giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh trong tình hình mới	37
Ths. Thái Thị Hiền	Phát triển nông nghiệp sinh thái ở Hà Tĩnh - Thực trạng và giải pháp	41
Ths. Nguyễn Thị Lam	Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tinh thần đại hội XIX của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh	46
Ths. Trần Thị Thúy Hương	tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận theo tinh thần Nghị quyết 25-NQ/TW ở Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	50
Ths. Phan Thị An Phú	Nâng cao đạo đức trong kinh doanh, từng bước góp phần xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh hiện nay	55
Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy	Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông nghiệp ở xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn	61
Ths. Nguyễn Thị Lan Anh	Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chí Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đạt chuẩn mức 1	65
Võ Thị Quyên	Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công đoàn Trường Chính trị Trần Phú đáp ứng yêu cầu trường chính trị chuẩn mức 1	68
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Đổi mới mới phương pháp học tập lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh	71
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Một số bất cập trong tổ chức và hoạt động của mô hình chính quyền đô thị hiện nay ở nước ta	75
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Phát huy giá trị truyền thống trong xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn hiện nay	80
Ths. Phan Bá Linh	Dùng khai thác Mỏ sắt Thạch Khê để đảm bảo phát triển bền vững về môi trường	85
Ths. Hồ Thanh	Thực hiện luật xử lý vi phạm hành chính góp phần nâng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay	92
Ths. Trần Thị Bích Thủy	Hồ Chí Minh - Người đặt nền móng cho nền giáo dục vì Nhân dân ở Việt Nam	96
Trần Thị Tú Anh	Rà soát, sàng lọc đảng viên góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong giai đoạn hiện nay	99
Biểu đồ đào tạo, bồi dưỡng năm 2023		103

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 1 VÀO NĂM 2025



TS. NGUYỄN TRỌNG TỨ

UVBCH Đảng bộ tỉnh, Hiệu trưởng

Tóm tắt: Cùng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm góp phần tạo nên vị thế của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Xây dựng, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần hoàn thiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn, phấn đấu đưa Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 theo Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng vào năm 2025 là yêu cầu bức thiết, nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học; tổng kết thực tiễn; trường chính trị chuẩn

Ngày 13/11/2018, Ban Bí thư Trung ương ban hành Quy định số 09-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Một trong những chức năng và nhiệm vụ trọng tâm của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là ”tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập”. Kết luận số 479-KL/HVCTQG, ngày 26/9/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khẳng định: “Cần coi việc xây dựng trường chính trị chuẩn không chỉ là giải pháp trước mắt mà còn là nhiệm vụ có tính chiến lược lâu dài, mang tính đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của hệ thống trường chính trị;

để trường chính trị thực sự là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời là cơ quan nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, hoạch định chủ trương, chính sách và tư vấn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương”.

Để quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của các trường chính trị tỉnh cũng như nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của giảng viên, ngày 21/12/2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, trong đó có Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoạt động nghiên cứu khoa học gồm: nghiên cứu đề án, đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ,

cấp tỉnh, cấp cơ sở (cấp trường), cấp khoa; nghiên cứu biên soạn chương trình, tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng của trường, địa phương; nghiên cứu, biên soạn tập bài giảng tình hình, nhiệm vụ của địa phương; nghiên cứu, biên soạn lịch sử trường, lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử ngành; tham gia hội thảo khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, tọa đàm, sinh hoạt khoa học của khoa; tham gia nghiệm thu đề án, đề tài, tài liệu giảng dạy, học tập; nghiên cứu viết bài công bố trên báo, bản tin, kỷ yếu khoa học, tạp chí in và điện tử, trang thông tin điện tử của trường, địa phương, trung ương, quốc tế; khảo sát thực tế theo kế hoạch phục vụ giảng dạy, học tập, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu đề án, đề tài khoa học; nghiên cứu viết sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập.

Ngày 19/5/2021, Ban Bí thư Trung ương ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, trong đó quy định chi tiết các tiêu chí đối với các trường đạt chuẩn mức 1, mức 2 về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Theo đó, yêu cầu tiêu chí về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được thực hiện thường xuyên, với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu; kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phải được chuyển giao theo quy định bao gồm 6 nội dung: (1) Mỗi năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường, 05 năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; (2) mỗi năm tổ chức được ít nhất 03 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường, 05 năm tổ chức được ít nhất 03 cuộc hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên; (3) kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường được chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Có báo cáo kiến nghị, đề xuất tỉnh ủy, thành ủy trực

thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên; (4) trong 05 năm, xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng); (5) xuất bản được tạp chí hoặc bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” ít nhất 03 kỳ/năm. Tạp chí hoặc bản tin bảo đảm nội dung, đúng quy định luật xuất bản; (6) xây dựng được trang thông tin điện tử của trường, bảo đảm chất lượng, thông tin được cập nhật thường xuyên. Đây được coi là căn cứ pháp lý, là khung tiêu chí quan trọng để các trường chính trị tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả, chất lượng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, tạo động lực phát huy tiềm năng, sức sáng tạo và lan tỏa phong trào nghiên cứu khoa học trong đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Trên cơ sở quy định, quy chế của Ban Bí thư Trung ương và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị Trần Phú đã cụ thể hóa, xây dựng các chương trình, kế hoạch, quy chế, hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần đưa Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025.

Từ 2021 đến nay, việc xây dựng Kế hoạch và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn luôn bám sát Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương cấp huyện, công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn Trường Chính trị Trần Phú nâng lên về chất lượng, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường cũng như tham mưu đề xuất Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong hoạch định, lãnh đạo, điều hành các mặt hoạt động ở địa phương.

Về đề tài khoa học cấp tỉnh và đề tài khoa học cấp trường: Từ 2021 đến nay Nhà trường đã phối hợp với Viện chính sách công, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện Đề tài “Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chủ trương sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tại các địa phương cấp huyện, cấp xã ở Hà Tĩnh”; phối hợp với Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện Đề tài “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”. Riêng năm 2023, nhà trường chủ trì triển khai thực hiện 02 Đề tài cấp tỉnh “Nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay tại Hà Tĩnh” và “Nghiên cứu ảnh hưởng của việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê tới cộng đồng cư dân liên quan”; 04 đề tài cấp trường.

Về hội thảo và tọa đàm khoa học, từ năm 2021 đến nay nhà trường đã chủ trì, phối hợp tổ chức 01 hội thảo cấp học viện, 05 hội thảo cấp tỉnh, 06 hội thảo cấp trường, trong đó năm 2023 tổ chức 01 hội thảo cấp học viện, 04 hội thảo cấp tỉnh, 04 hội thảo cấp trường: Phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Sở Nội vụ tổ chức Hội thảo khoa học “Những vấn đề lý luận chung về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cấp huyện, cấp xã và đổi mới hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”; chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh: “Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh”. Chủ trì tổ chức hội thảo khoa học cấp tỉnh: “Xây dựng và phát triển Hà Tĩnh dưới ánh sáng Đề cương văn hóa Việt Nam”; phối hợp với viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo “Phát

triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Những vấn đề lý luận và thực tiễn”; phối hợp với Viện Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện Hội thảo cấp học viện “Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ cấp xã, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”. Với vai trò là đơn vị Cụm trường Cụm thi đua các trường chính trị Khu vực Bắc Trung bộ, nhà trường đã tổ chức Tọa đàm khoa học “Giải pháp hoàn thiện tiêu chí trường chính trị đạt chuẩn mức 1 tại trường chính trị các tỉnh Khu vực Bắc Trung bộ”. Từ năm 2021 đến nay Nhà trường đã tổ chức 06 hội thảo cấp trường, trong đó năm 2023 tổ chức 04 hội thảo cấp trường.

Về xuất bản sách chuyên khảo, kỷ yếu hội thảo, Thông tin lý luận và thực tiễn: Năm 2021, Trường Chính trị Trần Phú đã biên soạn cuốn sách chuyên khảo “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng - Lý luận và thực tiễn” được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phát hành. Xuất bản cuốn sách “Tập bài giảng Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Hà Tĩnh” và đưa vào giảng dạy từ năm 2022; biên soạn chương trình tài liệu bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới; xuất bản 08 số Thông tin Lý luận và Thực tiễn với hơn 150 bài viết, trong đó năm 2023 xuất bản 04 số. Có hàng trăm bài viết của cán bộ, giảng viên được đăng tải trên các tạp chí của Trung ương và địa phương.

Trang thông tin điện tử (website) của nhà trường thường xuyên được nâng cấp, cập nhật. Từ 2021 đến nay đã đăng tải, cập nhật trên Trang thông tin điện tử của nhà trường gần 500 tin, bài trên tất cả các lĩnh vực và các văn bản liên quan đến các hoạt động của trường, của tỉnh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Cán bộ, giảng viên Nhà trường tích cực tham gia cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: Năm 2022 có 24 bài tham gia cấp trường,

08 bài được lựa chọn tham gia cấp tỉnh, cấp quốc gia. Năm 2023 có 24 bài tham gia cấp trường, 10 bài được lựa chọn tham gia cấp tỉnh tham gia cấp tỉnh, 02 bài được lựa chọn tham gia cấp quốc gia, trong đó có 01 bài đạt giải C.

Về hoạt động nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn, một trong những cách làm mới và sáng tạo của Trường Chính trị Trần Phú là: Đảng ủy, Ban Giám hiệu giao cho các khoa, phòng hình thành các nhóm nghiên cứu, xây dựng và xác định nội dung, địa điểm tổ chức khảo sát, nghiên cứu thực tế, sau đó hình thành các chủ đề để tổng kết thực tiễn và tổ chức hội thảo, tọa đàm tại các địa điểm nghiên cứu có sự tham gia thảo luận và phản biện của lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và nhân dân tại địa phương. Cách làm này, một mặt góp phần giúp địa phương, cơ sở có những căn cứ khoa học để xây dựng chủ trương kế hoạch phù hợp, đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời giúp cho cán bộ giảng viên có cứ liệu thực tiễn sinh động để vận dụng vào bài giảng, bài viết phản ánh đúng tình hình thực tế hiện nay. Mặt khác, Ban Giám hiệu vừa giao nhiệm vụ vừa đặt hàng cho những giảng viên có kiến thức chuyên môn sâu về các ngành, lĩnh vực nghiên cứu, viết bài, đề tài gắn với nội dung dung các phân học, bài học thuộc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả nghiên cứu được nghiệm thu là căn cứ cho việc vận dụng vào từng bài giảng, tiết giảng cụ thể của từng giảng viên.

Về tổ chức nghiên cứu thực tế, ngoài những chuyến nghiên cứu chung, Ban Giám hiệu yêu cầu các nhóm nghiên cứu các đề án, đề tài căn cứ vào nội dung đã xác định chủ động xây dựng kế hoạch và thời gian nghiên cứu thực tế. Kết thúc đợt thực tế phải có sản phẩm và báo cáo kết quả về Ban Giám hiệu.

Một trong những điểm đáng chú ý trong công tác tổng kết thực tiễn được nhà trường chú trọng là sau một số cuộc hội thảo, đặc biệt là đối với hội thảo cấp tỉnh, nhà trường chủ động phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng báo cáo kiến nghị gửi các cấp có thẩm quyền để có cơ sở bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các chủ trương, chính sách gắn với chủ đề hội thảo.

Ngoài những cách làm trên, hàng tháng, hàng quý, Trường đã mời các chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng và các cá nhân điển hình về sáng tạo nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực tham gia giảng dạy và báo cáo thực tế cho cán bộ, giảng viên và học viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Trường Chính trị Trần Phú vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định: Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn vẫn chưa ngang tầm với vị thế, tiềm năng, yêu cầu, nhiệm vụ của Nhà trường; chưa thật sự chủ động trong nghiên cứu và đề xuất kịp thời các nội dung để lãnh đạo Tỉnh làm cơ sở, căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển trên các lĩnh vực đời sống xã hội của địa phương. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học thời gian qua còn ít, quy mô nghiên cứu nhỏ, đề tài khoa học cấp tỉnh chưa nhiều, chưa có đề tài cấp bộ, cấp nhà nước. Một số đề tài nghiên cứu về hiệu quả và tính ứng dụng chưa cao; một số cuộc hội thảo, tọa đàm và việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn của cấp khoa hiệu quả chưa cao. Các bài viết được công bố trên báo, bản tin, kỷ yếu khoa học, tạp chí in và điện tử, trang thông tin điện tử của trường, địa phương, trung ương số lượng chưa nhiều, nội dung chưa sâu. Thời gian dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhiều giảng viên còn ít so với thời gian trực tiếp giảng dạy. Một số giảng viên chưa thật sự nhiệt tình và say mê trong nghiên cứu khoa học; đi nghiên cứu thực tế mang tính hình thức, chưa thực

sự gắn với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, đáp ứng xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025, cần tập trung thực hiện đồng bộ, quyết liệt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên về mục đích, vai trò, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Cán bộ, giảng viên cần phải xác định nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm, bổn phận của mình; từ đó, tích cực, chủ động hơn trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn để nâng cao năng lực tư duy khoa học, khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao uy tín của người giảng viên khi giảng dạy lý luận chính trị. Thay đổi nhận thức từ coi hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ là trách nhiệm, tiêu chí, sự áp đặt khuôn mẫu của giảng viên sang hoạt động tự giác, trở thành niềm đam mê, hăng say sáng tạo của mỗi cá nhân; phải coi hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nguồn nguyên liệu đầu vào hữu dụng cho hoạt động giảng dạy của người giảng viên. Do vậy, trước hết, Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa, phòng phải tiên phong, là tấm gương sáng, mẫu mực trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tạo hiệu ứng, truyền cảm hứng mạnh mẽ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của mỗi cán bộ, giảng viên. Cán bộ, giảng viên chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn hàng năm; không ngừng cầu thị, tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, phương pháp viết bài nghiên cứu khoa học. Đầu tư thời gian, tâm huyết cho công tác nghiên cứu khoa học của bản thân. Trong công tác nghiên cứu, thực hiện đề tài khoa học các cấp cần mạnh dạn đăng ký, có lộ trình thực

hiện rõ ràng, đảm bảo đúng tiến độ, trách nhiệm cao để có những công trình khoa học chất lượng, hiệu quả, có tính khả thi.

Hai là, kịp thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn của Ban Bí thư, các quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về xây dựng trường chính trị chuẩn và các quy định, kế hoạch của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

Cần tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn của Ban Bí thư, Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và các quy định, kế hoạch của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Việc triển khai phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ gắn với quá trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện của các tập thể, cá nhân. Đồng thời, căn cứ Quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các hướng dẫn của Nhà trường về hoạt động nghiên cứu khoa học, bám sát sự vận động của thực tiễn các lĩnh vực của đời sống xã hội ở các địa phương, cơ sở để kịp thời xây dựng nội dung nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn sát hợp, bắt nhịp với sự phát triển của xã hội, có như vậy hoạt động nghiên cứu khoa học mới góp phần bổ sung cơ sở, luận cứ phục vụ việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, chỉ đạo của Ban Giám hiệu và lãnh đạo các khoa, phòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Trường.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đối với các đơn vị khoa, phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường, Nghị quyết Đại hội các chi bộ khoa, phòng và kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm của Trường. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn hàng tháng, hàng quý và cả năm. Đảng ủy, Ban Giám hiệu thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đề ra trong năm đồng thời kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành, không để kéo dài sang năm sau, ảnh hưởng đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của năm tiếp theo. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và đổi mới cách thức tổ chức, quản lý chặt chẽ để có hiệu quả thiết thực hơn trong hoạt động nghiên cứu thực tế hằng năm của giảng viên; gắn kết chặt chẽ giữa việc đi nghiên cứu thực tế với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyên môn giảng dạy của giảng viên và nhà trường; góp phần tháo gỡ những vấn đề thực tiễn đặt ra của địa phương, cơ sở.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo các khoa chuyên môn chọn nội dung đề tài nghiên cứu, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ của trường và yêu cầu thực tiễn của địa phương; đổi mới cách thức nghiệm thu sản phẩm khoa học của giảng viên. Tạo cơ chế bắt buộc, động viên đề giảng viên có động lực và say mê với hoạt động nghiên cứu khoa học. Đặc biệt khuyến khích giảng viên nêu ý tưởng, đề tài nghiên cứu, chủ đề hội thảo khoa học để góp phần phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương thông qua các đề tài, hội thảo.

Bốn là, tạo động lực cho cán bộ, giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Nhà trường tiếp tục tham mưu cho Tỉnh dành một khoản kinh phí tương xứng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tổng

kết thực tiễn cho Trường Chính trị Trần Phú vì đây là một trong 2 chức năng cơ bản của trường chính trị cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐi/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; thực hiện việc hỗ trợ kinh phí cho đề tài, hội thảo khoa học cấp Trường. Cần nghiên cứu xây dựng, bổ sung quy định về chế độ hỗ trợ đối với những cán bộ, giảng viên khi viết và xuất bản sách chuyên khảo; có bài báo khoa học được công bố trên từng tạp chí khoa học cho phù hợp để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Thường xuyên quan tâm, khuyến khích giảng viên mạnh dạn đầu tư thời gian, công sức vào nghiên cứu khoa học. Lấy kết quả nghiên cứu khoa học là một tiêu chí bắt buộc để đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua cuối năm. Đối với những giảng viên đạt vượt quá định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học hàng năm cần được ưu tiên trong việc bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm. Khuyến khích, động viên giảng viên mạnh dạn nêu ý tưởng, đặc biệt là đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; các chủ đề hội thảo khoa học để góp phần phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên thường xuyên đi nghiên cứu thực tế trong và ngoài tỉnh; có cơ chế phối hợp bằng văn bản với các sở, ban ngành, đoàn thể, các huyện, thị xã, thành phố để đội ngũ giảng viên thuận lợi trong việc dự thính các phiên họp, hội nghị, tham gia các đoàn công tác của tỉnh, của các địa phương khi làm việc tại cơ sở. Phối hợp các với huyện, thị xã, thành phố tổ chức thường xuyên các hoạt động nghiên cứu thực tế, tọa đàm, hội thảo khoa học ngay tại cơ sở để tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường đến các địa phương, đơn vị. Đồng thời, góp phần giúp cơ sở có

l luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện các chủ trương, chính sách phù hợp.

Năm là, nâng cao chất lượng công tác tham mưu về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học cần chủ động hơn nữa trong công tác tham mưu cho Ban Giám hiệu về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn như: Về xác định nội dung, chủ đề nghiên cứu, xây dựng và triển khai kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, góp ý bổ sung quy chế nghiên cứu khoa học, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; xác định chủ đề, nội dung, bố trí nguồn nhân lực, xác định nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, phối hợp chặt chẽ với các khoa, phòng, địa phương, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học và triển khai việc ứng dụng các đề tài khoa học được nghiệm thu hiệu quả, thiết thực. Hội đồng Khoa học của Nhà trường cần phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng nội dung, các chương trình, kế hoạch nhằm định hướng nội dung nghiên cứu sát với yêu cầu của thực tiễn; thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu... các bài viết, công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên. Phòng hành chính tiếp tục rà soát và tham mưu hiệu quả cho Ban Giám hiệu nhà trường quan tâm tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài liệu, sách tham khảo cũng như kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Sáu là, cần tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy chế phối hợp bên ngoài, bên trong cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương trong xác định, lựa chọn nội dung nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, đặc biệt, sự phối hợp và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ. Đây được xem là một cơ sở quan trọng để tạo điều kiện cho trường Chính trị nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn từ đó đề xuất với tỉnh cũng như các

địa phương, cơ sở hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương. Tiếp tục rà soát lại quy chế phối hợp giữa các khoa, phòng; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của tất cả các khoa, phòng. Trong đó cần tập trung xây dựng kế hoạch, xác chủ đề, nội dung, bố trí nguồn nhân lực, xác định nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, mối quan hệ phối hợp để thực hiện có hiệu quả. Việc thực hiện nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phải tuân thủ Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị ban hành kèm theo Quy định số 6468-QĐ/HVCTQG của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả những cách làm hay, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại trường; đồng thời nghiên cứu, khảo sát và tham vấn các chuyên gia, các trường chính trị trong khu vực và cả nước để điều chỉnh, bổ sung và tìm ra các giải pháp, cách làm mới đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Bảy là, xây dựng đội ngũ báo viên, giảng viên thỉnh giảng vững mạnh, thường xuyên trao đổi, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn để tạo sự giao lưu, gắn kết và học hỏi kinh nghiệm giữa đội ngũ giáo viên cơ hữu nhà trường với đội ngũ báo cáo viên, giảng viên thỉnh giảng cả về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

Đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là hai nhiệm vụ trọng tâm góp phần tạo nên vị thế của Trường Chính trị Trần Phú. Việc xây dựng và thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả hệ thống các giải pháp nêu trên sẽ giúp nhà trường sớm hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần để Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025./.

XÂY DỰNG VĂN HOÁ TRONG KINH TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN HOÁ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là mối quan hệ biện chứng, cơ bản, đóng vai trò quan trọng trong duy trì sự ổn định kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Với ý nghĩa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển, văn hóa phải dựa trên kinh tế nhưng đồng thời là nhân tố quan trọng quyết định sự bền vững của kinh tế. Một nền kinh tế được bảo đảm bởi văn hóa sẽ phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng theo tinh thần nhân văn vì con người, phục vụ lợi ích của con người và cộng đồng. Quá trình xây dựng văn hoá trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của cộng đồng doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh nói riêng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Từ khóa: Văn hoá trong kinh tế; xây dựng văn hoá doanh nghiệp nhỏ và vừa; Hà Tĩnh.

Bản chất của văn hóa là sự sáng tạo hướng tới các giá trị nhân văn, hướng tới cái tốt, cái đẹp để thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Văn hóa không ở bên ngoài, mà là yếu tố bên trong, là nguồn nội lực của quá trình phát triển kinh tế. Văn hóa phát huy vai trò của mình khi thâm nhập, tác động vào kinh tế, đồng thời kinh tế là điều kiện và nguồn lực cho phát triển văn hóa. Xây dựng văn hoá trong kinh tế là đưa giá trị văn hóa, chuẩn mực ứng xử văn hóa vào trong hoạt động kinh tế của các chủ thể,

nhất là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay. Văn hoá trong kinh tế được thể hiện trong việc hoạch định chính sách kinh tế, văn hóa lao động, văn hóa sản xuất, kinh doanh, văn hóa quản lý kinh tế, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân...

Một trong những nội dung trọng tâm của xây dựng văn hóa kinh tế đó là xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh và văn hóa doanh nhân. Văn hóa doanh nghiệp là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự duy trì hoạt động lâu dài và thành công của doanh nghiệp; là toàn bộ các

giá trị văn hóa được xây dựng trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên và tạo nên sự khác biệt giữa các doanh nghiệp. Văn hóa kinh doanh được hiểu là văn hóa trong hoạt động kinh doanh, bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần, những phương thức và kết quả hoạt động của con người được tạo ra và sử dụng trong quá trình kinh doanh; là sự thâm nhập của văn hoá trong mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh, nhất là trong tổ chức, quản lý kinh doanh, giao tiếp kinh doanh, việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường, tôn trọng các quy phạm đạo đức trong quan hệ xã hội, quan hệ kinh doanh, phẩm chất đạo đức, tài năng và phong cách của nhà kinh doanh... Văn hóa doanh nhân được hiểu là toàn bộ vốn tri thức, kinh nghiệm biểu hiện ở những giá trị, khuôn mẫu ứng xử tích lũy trong một cá nhân và có mối liên hệ chặt chẽ với văn hoá doanh nghiệp, góp phần tạo nên giá trị của một doanh nghiệp với cốt lõi là ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì con người và sự phát triển bền vững đất nước.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế nói chung, văn hóa doanh nghiệp, văn hoá kinh doanh, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh... là quan điểm, chủ trương xuyên suốt qua nhiều kỳ đại hội của Đảng ta. Ngay từ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khóa VIII (1998), Đảng ta đã nhấn mạnh rằng không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Quan điểm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công

bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách phát triển đã từng bước được hoàn thiện và khẳng định trong nhiều nghị quyết của Đảng.

Tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành nghị quyết mới về văn hóa. Cách tiếp cận và nội dung nghị quyết thể hiện sự phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng ta trong xử lý mối quan hệ giữa phát triển văn hoá với phát triển kinh tế. Nghị quyết khẳng định: Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; xây dựng văn hóa trong kinh tế, thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, nhất là sau khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, sự phát triển văn hóa chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đây được xem là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế và nhiệm vụ xây dựng Đảng. Vì vậy, Hội nghị Trung ương 10 khoá IX đã xác định: Cần phải phát triển đồng bộ, gắn kết 3 lĩnh vực, trong đó phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt và không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, xem đây là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Quan điểm này không chỉ khẳng định vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước mà còn khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế. Việc định vị quan điểm văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã

hội nghĩa là phải xác định mỗi lĩnh vực ở đây đều quan trọng như nhau, tùy vào từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nhấn mạnh nhân tố này hay nhân tố khác. Đồng thời khắc phục tình trạng coi nhẹ yếu tố văn hóa so với kinh tế và chính trị.

Như vậy, nhận thức của Đảng ta về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, xây dựng văn hoá trong kinh tế ngày càng được hoàn thiện trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Xuất phát từ nhận thức đó, trong giai đoạn hiện nay, một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc phát triển văn hóa, con người Việt Nam là phải đặt văn hóa trong các mối quan hệ với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong đó có nhiệm vụ xây dựng văn hoá trong kinh tế. Văn hóa không đứng ngoài, mà ở trong kinh tế, mọi hoạt động kinh tế phải hàm chứa tinh thần văn hóa - tinh thần nhân bản, nhân văn, nhân đạo, tất cả vì con người, vì mục tiêu phát triển bền vững. Đảng ta khẳng định: Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, phải coi con người là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Muốn vậy, phải tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hoá doanh nghiệp phải phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bản chất của văn hóa thống nhất với mục tiêu phát triển mà chúng ta hướng tới; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát

triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”⁽¹⁾.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế nhân văn, nền kinh tế vì sự phát triển bền vững của con người. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đem lại cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh nói riêng nhiều cơ hội để phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, cũng có không ít thách thức mà các phải đương đầu, vì áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là xu hướng chạy theo tăng trưởng kinh tế, lợi nhuận kinh tế đơn thuần, coi nhẹ hoặc hy sinh văn hóa, làm tha hóa con người. Vì vậy, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh, việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; chú trọng xây dựng văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp theo hướng nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, thực hiện nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường, tôn trọng chuẩn mực đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, lưu thông, phân phối... không chỉ là phương thức quan trọng giúp các doanh nghiệp Hà Tĩnh tạo ra sự khác biệt để nâng cao lợi thế cạnh tranh, mà còn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và môi trường xã hội, vì mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của Hà Tĩnh.

Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của doanh nghiệp đối với phát triển kinh tế

xã hội của Hà Tĩnh, ngày 22/11/2021, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TU về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, trong đó xác định đổi mới, phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Thực hiện chủ trương của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong những năm vừa qua, trong thời gian vừa qua, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Theo số liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2023 là 733 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký gần 2.917 tỷ đồng, giảm cả về số lượng và tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ (giảm 20% về số lượng và 46% về vốn đăng ký); 253 doanh nghiệp hoạt động trở lại; 420 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; 129 doanh nghiệp giải thể. Như vậy, lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có khoảng 7.750 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó, số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%. Đặc biệt, những năm gần đây cơ cấu theo lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng tăng tỷ lệ các doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, giảm các doanh nghiệp lĩnh vực nông, lâm và thủy sản. Sự chuyển dịch này cũng đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng

(giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể; giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động. Tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2016 - 2020, thu ngân sách từ các doanh nghiệp đạt 15.196 tỷ đồng (chiếm 63% thu nội địa), trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa thu đạt 3.157 tỷ đồng, chiếm 21% trên tổng thu ngân sách của khối doanh nghiệp; giai đoạn từ 2021 đến tháng 7/ 2023, thu từ các doanh nghiệp đạt 10.862 tỷ đồng (chiếm 71% thu nội địa), trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa thu đạt 2112 tỷ đồng, chiếm 19,4% trên tổng thu ngân sách của khối doanh nghiệp.

Bên cạnh những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm khi luôn đồng hành cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng tích cực tham gia giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh... Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã thể hiện rõ nét văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân, góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong cộng đồng xã hội.

Tuy nhiên, theo cách tiếp cận ở trên, việc xây dựng văn hoá trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của cộng đồng doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh nói riêng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trong thời gian tới, để góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, đáp ứng yêu cầu

phát triển bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; để cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của quê hương, cần nhận diện rõ một số vấn đề đang đặt ra trong xây dựng Văn hoá doanh nghiệp dưới đây:

Thứ nhất: Tính tất yếu của việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp phải được định vị trong nhận thức của các doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và cộng đồng xã hội. Cần quán triệt sâu sắc hơn nữa trong nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về mục tiêu phát triển bền vững, về xây dựng văn hoá trong kinh tế mà trọng tâm là văn hoá doanh nghiệp, văn hoá kinh doanh, văn hoá doanh nhân. Từ đó chú trọng hơn nữa việc thực hành văn hoá trong sản xuất, kinh doanh; xây dựng và phát triển hệ thống các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng hiệu quả, bền vững, nhân văn, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Thông qua hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, tiếp tục quán triệt sâu sắc tinh thần của Quyết định số 1846/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày 10/11 hàng năm là Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến nhằm khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn và trong toàn xã hội, góp phần phân xây dựng môi trường sản xuất, kinh doanh đề cao tính nhân văn, chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục, trách nhiệm xã hội và cạnh tranh lành mạnh, góp phần cho sự phát triển bền vững của Hà Tĩnh.

Thứ hai: Bản sắc văn hoá dân tộc, truyền thống của quê hương Hà Tĩnh phải trở thành yếu tố bất biến trong xây dựng văn hoá doanh nghiệp thời kỳ hội nhập. Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đang mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Tĩnh, nhất là cơ hội tiếp cận khoa học quản trị doanh nghiệp, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh phù hợp với sự đa dạng của thị trường... Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt ra những vấn đề mới, những khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là sự du nhập, tác động của nhiều hệ giá trị văn hoá, quan niệm về chuẩn mực trong sản xuất, kinh doanh, trong văn hoá quản lý doanh nghiệp... Trong bối cảnh đó, việc xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hoá doanh nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Tĩnh phải hết sức lưu ý đến phát huy ý thức, tinh thần dân tộc và những đức tính của con người Hà Tĩnh, từng bước xác định, định vị được hệ giá trị văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân Hà Tĩnh, góp phần xây dựng và phát triển các thương hiệu Hà Tĩnh có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thứ ba: Phải tạo ra được lợi thế cạnh tranh từ chính yếu tố văn hoá. “Văn hóa của một doanh nghiệp là cách tư duy và hành động hàng ngày của các thành viên. Đó là điều mà các thành viên phải học và ít nhiều phải tuân theo để được chấp nhận vào doanh nghiệp đó. Văn hóa theo nghĩa này bao gồm một loạt các hành vi ứng xử, các phương thức sản xuất, kỹ năng và kiến thức kỹ thuật, quan điểm về kỷ luật, các thông lệ và thói quen quản lý, các mục tiêu của những người liên quan, cách trả lương, quan điểm về các công việc khác nhau, niềm tin vào tính dân chủ trong các buổi thảo luận và những quy ước, những điều cấm kỵ”⁽²⁾. Như vậy, văn hóa doanh nghiệp

là hệ thống các giá trị, những chuẩn mực, các quan niệm và hành vi của doanh nghiệp. Nó không chỉ chi phối hoạt động của các thành viên trong doanh nghiệp, mà còn tạo ra bản sắc kinh doanh, lợi thế cạnh tranh riêng cho doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, sự khác biệt hóa từ văn hóa doanh nghiệp đã mang lại thành công cho nhiều doanh nghiệp như: Vinamilk, Viettel, Vingroup... Đây là những kinh nghiệm có giá trị tham khảo hữu ích cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh nói riêng trong xây dựng và phát triển.

Thứ tư: Đạo đức và tính nhân văn phải luôn được xem là môi trường văn hoá để doanh nghiệp phát triển. Dù hoạt động với mục tiêu khác nhau, nhưng đạo đức và tính nhân văn trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vẫn luôn là nền tảng để doanh nghiệp tồn tại lâu dài, nhất là trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Thực tế cho thấy, văn hóa có vai trò, tác dụng to lớn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Khi văn hóa kết tinh vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sẽ tạo thành phương thức sản xuất, kinh doanh có văn hóa, bảo đảm tính nhân văn, vì con người, vì cộng đồng, vì mục tiêu phát triển bền vững. Đó là lối sản xuất, kinh doanh có đạo đức, trung thực, an toàn, cạnh tranh lành mạnh, không làm tổn hại đến các giá trị truyền thống và tập quán tốt đẹp của quê hương, dân tộc; là khi các doanh nghiệp để cho đạo đức và tính nhân văn chi phối cách nghĩ, cách làm; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp như đã công bố; luôn giữ chữ tín với khách hàng; kinh doanh trung thực; nói không với “rau hai ruộng, lợn hai chuồng”, với hàng kém chất lượng; kết hợp hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và lợi ích xã hội, với việc bảo vệ môi trường, giúp đỡ người khó khăn, yêu thương, đùm bọc đồng bào dân tộc... Khi doanh nghiệp xác định được

những chuẩn giá trị đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh mới kết hợp được tính hiệu quả cao và sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp.

Thứ năm: Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ giữa lợi nhuận kinh tế và trách nhiệm xã hội. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, hỗ trợ hoạt động doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh còn thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội thông qua công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp hội viên tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội; đưa vào chương trình hành động về công tác từ thiện, nhân đạo là việc làm thường xuyên. Trong năm 2022, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh đã huy động được số tiền hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện như: Hỗ trợ kinh phí giúp đỡ các hộ nghèo, các đối tượng yếu thế được đón Tết cổ truyền vui tươi, đầm ấm; ủng hộ Quỹ học sinh nghèo đạt điểm cao vào Đại học; ủng hộ quỹ người nghèo, xây nhà tình nghĩa, thăm hỏi ngày 27/7; khai thực hiện nhiệm vụ đỡ đầu nông thôn mới theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản 834/QĐ-UBND năm 2022... với tinh thần “tương thân, tương ái”; “Lá lành đùm lá rách”, “Nhớ về cội nguồn”, “Không để ai ở lại phía sau”. Đây là những hoạt động thể hiện rõ tính nhân văn trong ứng xử của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khơi dậy khát vọng vươn lên của mỗi người dân và doanh nghiệp trên quê hương Hà Tĩnh./

Chú thích:

1. Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Báo Nhân dân số ra ngày 16/5/2021.

2. Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 27, tháng 12/2021.

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ

Trưởng phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Trong hệ thống các động lực cho kinh tế Việt Nam phát triển giai đoạn hiện nay, sự hình thành và hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang giữ vai trò hết sức quan trọng. Thực tế cho thấy, hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã và đang tạo ra một cực tăng trưởng khá quan trọng trong mô hình tổng thể nền kinh tế đất nước. Nhận diện đầy đủ các nhân tố tác động đến sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh sẽ góp phần hoạch định và hoàn thiện chủ trương, chính sách thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp này, tạo môi trường để doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển và đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của nền kinh tế.

Trong mọi thời đại, sự phát triển của một quốc gia, dân tộc hay một địa phương, vùng miền trong quốc gia dân tộc đó đều bắt đầu bởi sự hoạch định chiến lược dài hạn về con đường phát triển bởi một nhóm người (Nhóm lãnh đạo, quản lý) hoặc có thể khởi nguồn từ ý tưởng của một cá nhân và sau đó được tập thể hiện thực hóa bằng quá trình tổ chức xây dựng chủ thuyết, thể chế hóa bằng hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách vào đời sống xã hội. Việc xây dựng chủ thuyết thường được giới lãnh đạo xây dựng trên hai trục chính là kinh tế và chính trị. Theo quan điểm của các nhà kinh điển Mác, Ăngghen, Lênin, hoạt động kinh tế xuất hiện trước hoạt động chính trị, hay chính trị chẳng qua là kinh tế cô đọng lại. Do đó, kinh tế giữ vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của xã hội trong bất cứ thời đại nào. Trong hệ thống các động lực cho kinh tế Việt Nam phát

triển giai đoạn hiện nay, sự hình thành (khởi nghiệp) và hoạt động của các doanh nghiệp, trong đó có hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang giữ vai trò hết sức quan trọng. Do đó, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng và đánh giá cao những đóng góp của kinh tế tư nhân nói chung và hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng vào sự phát triển của đất nước.

Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị khóa VI (15/7/1988) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, Đảng ta đã khẳng định: *Kinh tế tư nhân được phát triển không hạn chế địa bàn, quy mô, ngành nghề mà pháp luật không cấm*. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (tháng 3/2002) tiếp tục xác định: *Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân*, phát triển Kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng

lợi nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế tư nhân, với tư cách là một thành phần kinh tế, đã được nâng lên một tầm mới khi Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: Phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, “*thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân...*”⁽¹⁾. Đó là kết quả quan trọng của cả một quá trình đổi mới và phát triển nhận thức của Đảng về thành phần kinh tế này.

Quá trình phát triển kinh tế nói chung, hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng đã và đang tạo ra một cực tăng trưởng khá quan trọng trong mô hình tổng thể nền kinh tế nước ta. Nếu tính cơ học, trong những năm qua tốc độ phát triển của các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ khá nhanh (tính trên tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp). Điều đó chứng minh rõ những tác động tích cực từ các nhân tố góp phần khơi thông dòng chảy doanh nghiệp ở Việt Nam đã phát huy tác dụng.

Đối với Hà Tĩnh, sau khi Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo phát triển doanh nghiệp đến năm 2010 và những năm tiếp theo được ban hành, công tác phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng; nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của phát triển doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, gắn định hướng hoạt động của doanh nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh; tinh thần và phong trào khởi nghiệp được lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân.

Theo số liệu thống kê, 7 tháng đầu năm 2023 thành lập mới 733 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký gần 2.917 tỷ đồng, giảm cả về số lượng và tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ (giảm 20% về số lượng và 46% về vốn đăng ký); 253 doanh nghiệp hoạt động trở lại (giảm 8%); 420 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (tăng 22%); 129 doanh nghiệp giải thể (tăng 26%). Như vậy, lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có khoảng 7.750 doanh nghiệp đang hoạt động; số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký. Về cơ cấu theo lĩnh vực, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%; địa bàn đăng ký, hoạt động của doanh nghiệp phát triển không đồng đều; liên kết, hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng chuỗi giá trị chưa nhiều; hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh sản phẩm chưa cao; chưa có nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với quy mô lớn, làm đầu tàu để dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển; tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 đặt ra mục tiêu: đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân các tỉnh Bắc Trung Bộ, phấn đấu năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước; mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Để hiện thực hóa mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhìn từ động lực của các doanh nghiệp, trong đó có hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong phạm vi bài viết tham gia Hội thảo xin được đề cập đến các nhân tố tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Theo cách hiểu thông thường, sự phát triển của doanh nghiệp là sự gia tăng số lượng doanh nghiệp (thành lập mới) hàng năm. Hiểu một cách đầy đủ, toàn diện hơn, đó là sự tăng lên cả số lượng và chất lượng của doanh nghiệp. Chất lượng có thể kể đến như giá trị kinh tế tạo ra cho xã hội (đóng góp vào nguồn thu ngân sách), giải quyết việc làm cho người lao động, tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong hoạt động, đóng góp phúc lợi xã hội... Từ nội hàm này, chúng ta có thể nhìn nhận đầy đủ và cụ thể hơn về các nhân tố tác động đến sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh.

1. Nhóm các nhân tố bên ngoài

Thứ nhất, sự hỗ trợ từ Chính phủ ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền các cấp của địa phương Hà Tĩnh. Đây là quá trình xây dựng thể chế, chính sách tác động trực tiếp đến hoạt động của hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó các yếu tố có thể kể đến như: chính sách thuế, chính sách đầu tư, chính sách tín dụng, quy hoạch cơ sở hạ tầng và bàn giao mặt bằng sản xuất, kinh doanh hỗ trợ chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực. Tất cả những yếu tố này đều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến “sức khỏe” và khả năng sinh tồn của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh. Như số liệu đã nêu ở trên, 98% các doanh nghiệp ở Hà Tĩnh là doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô vốn ít, chủ yếu là vốn vay, việc tiếp cận nguồn vốn từ chính phủ và địa phương còn gặp không ít bất cập, khó khăn; việc tự thân tiếp cận và mở rộng thị trường không hề dễ dàng, nhất là các doanh nghiệp hoạt động xuất, nhập khẩu. Trong khi đó, sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp quy mô lớn, kinh nghiệm thương trường dày dặn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề hết sức khó khăn. Trong những năm gần đây, chúng ta nhận thấy sự

tác động lớn và trực tiếp từ những chính sách kích cầu, phục hồi kinh tế của Chính phủ và địa phương Hà Tĩnh nói riêng như: chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của Đại dịch Covid -19; chính sách giảm, giảm, gia hạn nợ đọng thuế đối với các doanh nghiệp; chính sách kêu gọi và xúc tiến đầu tư... vào trên địa bàn tỉnh đã góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Mặt khác, nhân tố từ Chính phủ Trung ương và Chính quyền địa phương Hà Tĩnh còn phải kể đến đó là môi trường chính trị ổn định, thủ tục hành chính đơn giản, rút gọn, hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng... Đặc thù của hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa chịu sự tác động, chi phối của môi trường chính trị trong và ngoài nước liên quan đến ngành, lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động. Bất cứ một hoạt động kinh tế nào cũng liên quan đến môi trường chính trị và ngược lại, do đó sự tác động của hai nhân tố này luôn bổ trợ và tạo động lực cho sự phát triển chung của xã hội. Trong thời gian gần đây, tình hình kinh tế, chính trị thế giới nhìn chung vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và xuất hiện thêm các yếu tố, động thái mới liên quan đến cạnh tranh chiến lược và xung đột Nga - Ukraine; giá xăng dầu, nhiên, nguyên vật liệu tăng cao; thiếu hụt lao động; lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia trên thế giới khiến sức mua, tiêu thụ giảm mạnh; kinh tế trong nước, trong tỉnh nhất là khu vực doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19, cần tích lũy để phục hồi trong khi nền kinh tế có độ mở lớn, chịu nhiều tác động bên ngoài; một số quy định của pháp luật và các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... còn thiếu đồng bộ, có sự chồng chéo, gây khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, đầu tư xây

dựng của doanh nghiệp. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu, kết quả PCI và PAPI Hà Tĩnh năm 2021 đã có sự tăng điểm, nhưng thứ hạng lại bị giảm⁽²⁾. Kết quả này cho thấy, doanh nghiệp, người dân chưa thực sự hài lòng và đánh giá cao về hoạt động của cả hệ thống chính trị của tỉnh, vẫn còn tình trạng doanh nghiệp than phiền về các thủ tục hành chính chậm trễ, gây khó khăn, phiền hà, nhất là các lĩnh vực thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, thuế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu về trao đổi thông tin và xử lý thông tin trong thực hiện nhiệm vụ.

Thứ hai, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp là tổng thể các yếu tố bao quanh mà doanh nghiệp phải tự thích ứng để bảo đảm sự tồn tại. Sự biến động thường xuyên của môi trường xung quanh một cách khách quan tác động đến sự điều chỉnh chiến lược hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, nếu không thích ứng kịp thời, doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ rất khó có thể đảm bảo sự tăng trưởng hoặc duy trì kế hoạch của mình.

- Môi trường pháp lý, nhất là việc sửa đổi, bổ sung thay thế các cơ chế chính sách của Chính phủ, HĐND, UBND sẽ làm thay đổi tư duy, cách nghĩ và cách làm của doanh nghiệp. Dự báo, chủ động phương án khi có sự thay đổi chính sách từ Chính phủ và địa phương sẽ giúp doanh nghiệp tránh được những tổn thất không đáng có từ môi trường pháp lý. Có thể coi luật pháp là nhân tố quan trọng khuyến khích hoặc kìm hãm sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, thay đổi chính sách pháp luật hướng đến sự phát triển của doanh nghiệp cần xác định nội hàm của chính sách là tạo điều kiện thuận lợi, tháo bỏ rào cản, rút ngắn quy trình, thủ tục bồi

đắp cơ chế, chính sách hỗ trợ làm đòn bẩy kích thích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng quy mô theo từng nhóm ngành, lĩnh vực hoạt động. Đối với nhân tố này, từ thực tế triển khai ở Hà Tĩnh có thể đánh giá khái quát rằng: Môi trường pháp lý còn nhiều bất cập do việc triển khai Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp vào thực tế còn lúng túng, vướng nhiều vấn đề mới; các bộ, ngành chưa hướng dẫn kịp thời trong các vấn đề, trường hợp cụ thể. Một số vấn đề, nội dung còn chồng chéo giữa các Luật khác nhau dẫn đến khó áp dụng; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTAs) chưa phát huy được hiệu quả. Các vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định FTAs chưa được cơ quan địa phương giải đáp hiệu quả; Tỷ lệ doanh nghiệp biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs chưa cao; Nhiều doanh nghiệp chưa nhìn nhận sự thuận lợi trong việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs.

- Yếu tố vị trí địa lý của địa phương là yếu tố quyết định đến chi phí vận chuyển và kết nối liên vùng, liên khu vực của doanh nghiệp. Đây là yếu tố tự nhiên của các địa phương có từ trong lịch sử phân chia địa giới hành chính và phân vùng lãnh thổ. Đối với Hà Tĩnh nhìn tổng thể có thể thấy: điều kiện về vị trí địa lý xa các cực tăng trưởng của cả nước nên không thuận lợi trong việc thu hút đầu tư, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng để thu hút các doanh nghiệp quy mô lớn làm động lực cho phát triển của tỉnh, đặc biệt hệ thống hạ tầng các Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển và logistics. Do vậy, việc quy hoạch, xây dựng và kết nối các Trung tâm logistics nhằm khắc phục bất lợi này là vấn đề cần được chính quyền địa phương quan tâm triển khai trong tương lai.

- Môi trường văn hóa xã hội, nhất là của địa phương tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môi trường đầu tiên cần kể đến đó là tình trạng việc làm của nguồn lao động tại chỗ. Doanh nghiệp cần tính toán và dự báo kỹ lưỡng nhân tố này khi thu hẹp hay mở rộng quy mô đầu tư, kinh doanh của mình. Trong một điều kiện là tình trạng thất nghiệp trầm trọng, nguồn nhân lực dư thừa sẽ dồi dào, doanh nghiệp có cơ hội lựa chọn và chi phí cho nhân công lao động sẽ thấp, nhưng cầu tiêu dùng giảm. Ngược lại, không có tình trạng thất nghiệp, người lao động lại có nhiều quyền để lựa chọn việc làm, chi phí cho nguồn lao động sẽ tăng, nhưng cầu tiêu dùng lại tăng vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môi trường văn hóa xã hội còn cần tính đến đó là phong tục tập quán, phong cách, lối sống, thị hiếu, tâm lý tiêu dùng hàng hóa và dư luận xã hội của vùng miền... phải được đưa vào trong kế hoạch dự báo của doanh nghiệp để kiểm soát, quản trị rủi ro. Sự thay đổi tư duy, phong cách tiêu dùng thậm chí là những thói quen truyền thống có thể chấm dứt trong thời gian ngắn bởi sự tác động của sự đa dạng về mẫu mã, giá cả hàng hóa của các doanh nghiệp. Việc dự báo và bắt kịp thị hiếu, phong cách và tâm lý đám đông trong tiêu dùng xã hội là yếu tố sống còn đối với việc phát triển thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp. Để định lượng một cách tương đối nhân tố này, doanh nghiệp cần tổ chức nhiều cuộc điều tra phân tích xã hội học để xác định nhóm khách hàng phù hợp với chiến lược kinh doanh của mình.

2. Nhóm các nhân tố bên trong

Nhóm các nhân tố bên trong tác động đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ không chỉ riêng đối với địa phương Hà Tĩnh nó còn là khung lý thuyết chung cho các địa phương khác. Ở

đây, nhân tố bên trong xin được đề cập trên bốn yếu tố sau:

Thứ nhất, trình độ khoa học công nghệ. Trong bối cảnh tác động cả chiều sâu và chiều rộng của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4.0) yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp là thích ứng linh hoạt bằng cách tiếp cận và ứng dụng kịp thời nền tảng này vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh để mở rộng quy mô và tối ưu hóa về thời gian và giá trị sản phẩm, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, do tính chất là quy mô vốn ít, nhân lực quản trị và vận hành trên nền tảng kinh tế số đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hết sức mỏng, vì vậy khả năng này là hết sức khó khăn, không phải doanh nghiệp nào cũng có thể tiếp cận dễ dàng. Trong bối cảnh đó, cần lựa chọn nền tảng công nghệ, kỹ thuật phù hợp với loại hình sản xuất, kinh doanh để đảm bảo tính vừa sức của doanh nghiệp đồng thời phát huy được tính năng ứng dụng trong từng sản phẩm, hàng hóa. Ở Hà Tĩnh số lượng doanh nghiệp phát triển nhanh, nhưng chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ, siêu nhỏ (hơn 98% là doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, trong đó số lượng doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm trên 90%). Do vốn ít, khó có khả năng đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm dẫn đến khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp chưa cao. Doanh nghiệp Hà Tĩnh chưa có nhiều thương hiệu hàng hóa nổi bật. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp; đặc biệt trong đại dịch Covid-19 các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ hai, khả năng tự liên kết và mở rộng chuỗi của doanh nghiệp. Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp chịu sự tác động và xu hướng phát triển của nhiều doanh nghiệp khác, nhất là đối với doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ càng lại chịu sự dẫn dắt của các doanh nghiệp lớn. Chính vì vậy, bản thân doanh nghiệp vừa và nhỏ cần chủ động xây dựng, mở rộng quy mô liên kết doanh nghiệp nhằm tạo chuỗi giá trị trong sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng hàng hóa. Đặc biệt là hình thành mạng lưới nội ngành, lĩnh vực thông qua các hội nghị xúc tiến đầu tư của chính quyền địa phương hoặc các diễn đàn doanh nhân, cà phê doanh nhân... Ở Hà Tĩnh, số lượng doanh nghiệp dẫn đầu, đóng vai trò thúc đẩy sự tăng trưởng của một ngành/lĩnh vực, một chuỗi giá trị hoặc một cụm doanh nghiệp của tỉnh còn rất khiêm tốn (các doanh nghiệp quy mô vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng chiếm khoảng 2% số lượng doanh nghiệp hoạt động). Do đó, thiếu hạt nhân để liên kết nhiều doanh nghiệp nhỏ hơn và dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển. Mỗi liên kết giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, liên kết giữa doanh nghiệp quy mô nhỏ và doanh nghiệp quy mô lớn hơn, liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh và các doanh nghiệp khác và các đối tác nước ngoài còn hạn chế. Trình độ quản trị kinh doanh, văn hóa kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế; sự hợp tác liên kết, tham gia vào hiệp hội, ngành hàng, chuỗi giá trị của doanh nghiệp chưa nhiều; số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học công nghệ, công nghệ cao còn ít; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt thấp. Tiếp cận thị trường khu vực và quốc tế còn hạn chế, thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu chưa ổn định. Đây chính là những yếu tố bất lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế sâu rộng như hiện nay. Nhiều doanh nghiệp còn gặp hạn chế trong phát triển chuỗi cung ứng do chưa tìm kiếm được vùng nguyên liệu chất lượng sản lượng cao với giá thành hợp lý, khó liên kết được với các thị trường đầu ra tiềm năng trong tỉnh và ngoại tỉnh.

Thứ ba, nguồn lao động và năng lực quản trị bên trong doanh nghiệp. Trong quản trị kinh doanh thì quản trị nhân lực luôn được đặt lên hàng đầu. Một doanh nghiệp có vốn lớn, khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thị trường tiềm năng, đa dạng nhưng không đầy đủ nguồn nhân lực chất lượng và xây dựng được hệ thống quản trị điều hành nguồn nhân lực đó thì mọi thứ kể trên đều vô nghĩa, sự phá vỡ những giá trị được coi là lợi thế so sánh có thể diễn ra trong một giai đoạn ngắn. Sức mạnh và sự sinh tồn của doanh nghiệp được tạo dựng bởi sự thay đổi, sáng tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Sự sáng tạo đó không đâu khác chỉ có thể là sự sáng tạo bởi tư duy của con người - nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Chính vì vậy tuyển chọn, đào tạo và quản trị nguồn nhân lực có chất lượng sẽ là yếu tố cốt tử của các doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh sự dịch chuyển nguồn nhân lực từ các doanh nghiệp đang trở thành xu thế lớn của thời đại kinh tế số, quản trị số. Theo đánh giá của chính quyền địa phương Hà Tĩnh, trình độ, năng lực quản lý điều hành, hiểu biết pháp luật của một bộ phận chủ doanh nghiệp còn hạn chế, chưa tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong kinh doanh; nhiều chủ doanh nghiệp còn lúng túng trong việc xác định phương hướng kinh doanh, chưa năng động, sáng tạo và theo kịp với biến động của cơ chế thị trường, dẫn đến phải giải thể doanh nghiệp hoặc ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Bản thân nội tại người đứng đầu và đội ngũ nhân sự làm việc trong các doanh nghiệp tại tỉnh còn hạn chế về trình độ quản trị kinh doanh, khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn vốn, thị trường; thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn; có tư duy ngại đổi mới sáng tạo và chưa linh hoạt trong áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất; chưa chủ động trong tìm hiểu và nắm bắt pháp luật.

Thứ tư, khả năng tiếp cận tài chính. Khả năng tiếp cận tài chính của doanh nghiệp cơ bản được hình thành từ hai nguồn chủ yếu là vốn vay từ các tổ chức tín dụng và khả năng gọi vốn từ các nhà đầu tư khác vào doanh nghiệp. Trong bối cảnh thắt chặt tài chính như hiện nay, doanh nghiệp cần tính đến khả năng huy động vốn dựa trên công thức số lượng huy động nguồn vốn, lãi suất tiền vay với quy mô và tính khả thi trong sản xuất kinh doanh, nhất là thị trường đầu vào, đầu ra, giá cả, nguyên liệu... Hiện nay, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ; địa bàn hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp hạn chế; khả năng huy động nguồn vốn từ bên ngoài, nhất là từ các tổ chức tín dụng để mở rộng sản xuất kinh doanh còn khó khăn; thu hút lao động có trình độ, tay nghề cao còn hạn chế. Mặt khác không chứng minh được tiềm năng, lợi thế và xu hướng phát triển của mình nên nhiều doanh nghiệp cũng rất khó khăn trong kêu gọi đầu tư từ doanh nghiệp khác (góp vốn).

Từ những nhân tố tác động đến sự phát triển của hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ như đã phân tích ở trên, về phía chính quyền cần quan tâm hơn nữa một số vấn đề sau đây:

- Các hoạt động hỗ trợ DNNVV nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, phát triển thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được triển khai hiệu quả thông qua: triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các quy trình công nghệ mới tiên tiến vào sản xuất kinh doanh cho các DNNVV, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm; tổ chức tập huấn đào tạo các kiến thức về sở hữu trí tuệ với hội nhập kinh tế quốc tế, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ cho doanh nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, cụm công nghiệp, khuyến công, xúc tiến thương mại thông qua các lễ hội, hội chợ, hội nghị kết nối sản phẩm trong tỉnh, ngoại tỉnh và với các quốc gia trên thế giới; nâng cấp Sàn Giao dịch thương mại điện tử của tỉnh với công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu về thông tin và thực hiện việc mua, bán sản phẩm của các doanh nghiệp trên Sàn.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng tạo môi trường thuận lợi, đồng hành hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xem xét giải quyết cho vay. Đồng thời, linh hoạt trong việc áp dụng các gói tín dụng ưu đãi cho DNNVV nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid 19, hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai, lũ lụt

- Tổ chức hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh với một số nội dung cụ thể, thiết thực như: Các chính sách đối với hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh; Vấn đề xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp; Đối thoại về vấn đề thủ tục hành chính dành cho doanh nghiệp; Bồi dưỡng pháp luật về Hiệp định CPTTP... và các hoạt động hỗ trợ DNNVV khác./.

Chú thích:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2021, tr 240

2. Năm 2021, Chỉ số PCI Hà Tĩnh đạt 64,87/100 điểm, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố, tăng 0,31 điểm nhưng giảm 6 bậc so với năm 2020; Chỉ số PAPI đạt 45,14/80 điểm, xếp thứ 7/60 tỉnh, thành phố (có 03 tỉnh, thành phố không đưa vào đánh giá), tăng 0,131 điểm nhưng giảm 02 bậc so với năm 2020.

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA



ThS. CHU THỊ THU HUYỀN

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi địa phương. Trên bình diện cả nước, doanh nghiệp là khu vực chủ yếu tạo ra nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, nguồn thu này tăng nhanh là điều kiện quan trọng để đầu tư tái sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động. Sự phát triển của doanh nghiệp là yếu tố quyết định đến tăng trưởng cao và ổn định của nền kinh tế những năm qua, đồng thời còn tác động đến chuyển dịch cơ cấu trong nền kinh tế quốc dân và mỗi địa phương, trong đó có tỉnh Hà Tĩnh. Thực tiễn và phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh trong thời gian vừa qua ở tỉnh ta và những vấn đề cần tiếp tục nhận thức và giải quyết vẫn đề tiếp tục phát huy vai trò của cộng đồng doanh nghiệp đối với sự phát triển của tỉnh

Kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê cho thấy, các doanh nghiệp nước ta chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm trên 97% số doanh nghiệp cả nước, giải quyết việc làm khoảng 36% tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp, thu hút khoảng 32% tổng nguồn vốn, tạo ra doanh thu thuần chiếm khoảng 26% tổng doanh thu thuần của khối doanh nghiệp⁽¹⁾. Trong đó, các doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa là 80%, khu vực kinh tế tư nhân doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 97% xét về vốn và 99% xét về lao động so với tổng số doanh nghiệp của cả nước⁽²⁾. Từ những con số trên có thể thấy, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm một vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung, nó được ví là thanh gươm sắc cho nền kinh tế để nền kinh tế có được sự ổn định bền vững.

Trên địa bàn Hà Tĩnh, theo báo cáo của Sở Kế hoạch đầu tư, đến cuối 2022, toàn tỉnh có gần 8.300 doanh nghiệp đang hoạt

động, vốn đăng ký bình quân 27 tỷ đồng/doanh nghiệp, đạt 6,9 doanh nghiệp/1.000 dân. Trong đó, số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký. Về cơ cấu theo lĩnh vực, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh (trong đó có 52.500 hộ có đăng ký kinh doanh), đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp. Trong 9 tháng đầu năm 2022, Hà Tĩnh đã thành lập mới 1.100 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 7.000 tỷ đồng, tăng 38% về số lượng so với cùng kỳ năm 2021; 297 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 16%.⁽³⁾

Tuy nhiên, trong thời gian qua, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 kéo dài, diễn biến thời tiết cực đoan, tác động bất ổn của địa chính trị thế giới làm giá xăng dầu tăng cao kéo theo giá nguyên liệu, hàng hóa,

nhân công và chi phí vận chuyển... cơ bản đều tăng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như sức mua và tính thanh khoản của thị trường nói chung. Điều này đã đẩy cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh nói riêng vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan”, phải đối mặt với khả năng thu hẹp quy mô sản xuất - kinh doanh ở một số lĩnh vực ngành hàng, tiếp tục hoạt động cầm chừng, thậm chí phải giải thể, phá sản...

Trong bối cảnh đó, với tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp, tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành những chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất nhiều giải pháp quyết liệt về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh như: Cải cách hành chính, tiếp cận vốn, khoa học công nghệ, thị trường, lao động; quy hoạch, xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp nhỏ và vừa... tạo môi trường thuận lợi các doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động. Với quan điểm “*phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; các cấp, các ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp*”,⁽⁴⁾ Hà Tĩnh đã ban hành nhiều chính sách, nghị quyết đi vào cuộc sống nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh và hiệu quả khu vực doanh nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, gắn định hướng hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay việc duy trì và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh gặp không ít khó khăn thách thức,

những vấn đề đặt ra không chỉ đối với cộng đồng doanh nghiệp mà với cả cấp ủy, chính quyền và các cấp, các ngành trong tỉnh.

Thứ nhất, trước những tác động không thuận lợi của các yếu tố khách quan, và chủ quan dẫn đến những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp Hà Tĩnh nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhìn chung quy mô giảm và hiệu quả chưa cao: Công nghiệp tính lũy kế 9 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm khoảng 15% so với cùng kỳ năm trước;⁽⁵⁾ Nông nghiệp đối mặt với chi phí sản xuất đầu vào như xăng dầu, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y... đều tăng cao. Du lịch, dịch vụ vẫn đang chịu áp lực lớn lạm phát, giá cả, chi phí biến động; khả năng cạnh tranh, hội nhập chưa hiệu quả, việc mở rộng thị trường còn khó khăn, thiếu những liên kết, thoả thuận lớn trong việc đảm bảo đầu ra của sản phẩm.

Hai là, nguyên liệu đầu vào và giá cả là một thách thức lớn mà cộng đồng doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh nói riêng đang phải đối mặt. Do sản xuất của các doanh nghiệp trong tỉnh và trong cả nước nói chung đều phụ thuộc vào nguyên, nhiên vật liệu nhập khẩu, khi giá hàng hóa thế giới tăng dẫn đến giá đầu vào dùng cho sản xuất cũng tăng. Trong 6 tháng đầu năm 2022, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 6,04%, mức tăng cao nhất 10 năm qua, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 10,01%, dùng cho xây dựng tăng 9,32%, dùng cho công nghiệp tăng 5,78%.⁽⁶⁾

Bên cạnh khó khăn về nguồn nguyên liệu đầu vào thì một số doanh nghiệp phải đối mặt với việc tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho nhiều nên một số doanh nghiệp sản

xuất cảm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất. Theo kết quả khảo sát tình hình doanh nghiệp do Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV, thuộc Hội đồng Tư vấn Cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) công bố ngày 26/5. Trong gần 10.000 doanh nghiệp tham gia khảo sát, 82,3% doanh nghiệp dự kiến giảm quy mô, tạm ngừng kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh. Với những doanh nghiệp còn trụ lại, 71,2% dự kiến giảm quy mô lao động; 80,7% dự kiến giảm doanh thu. Đây là

thực trạng chung cho tất cả các tỉnh, thành trên cả nước trong đó có Hà Tĩnh.

Vì phải liên tục phải đối mặt với nhiều thách thức, số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể, chấm dứt hoạt động kinh doanh, đăng ký tạm ngừng hoạt động trên địa bàn tỉnh gia tăng. Chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm 2022 trên đại bàn Hà Tĩnh đã có 508 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, tăng 15% so với cùng kỳ 2021. Số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường còn cao, bằng 36,4% doanh nghiệp gia nhập thị trường.

Số TT	Năm	DN đăng kí trên hệ thống	DN ngừng hoạt động và giải thể
1	2020	7.466	433
2	2021	6.443	619
3	2022	7.159	614

Nguồn: Báo cáo của phòng Đăng kí kinh doanh, Sở KH và ĐT Hà Tĩnh

Ba là, nguồn vốn và việc tiếp cận vốn là một rào cản lớn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay. Tình trạng thiếu vốn đang là chuyện phổ biến ở các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu hết là khu vực tư nhân và mới khởi nghiệp vì vậy có nhu cầu về vốn rất lớn. Trong buổi làm việc của Thường trực Chính phủ với Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) Việt Nam ngày 6/7/2023, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết, một kết quả khảo sát 10.000 doanh nghiệp gần đây cho thấy 51,1% cho rằng khó khăn lớn nhất là về tiếp cận vốn⁽⁷⁾. Trong khi hầu hết các doanh nghiệp này đều là những doanh nghiệp mới thành lập với quy mô nhỏ, chưa đáp ứng được điều kiện về tài sản thế chấp, chưa chứng minh được tính khả thi của dự án..., tỷ trọng cho vay không dựa vào bất

động sản tại Việt Nam rất thấp so với nhiều nước đang phát triển trên thế giới, chỉ chiếm 25 - 30%; hơn 70% còn lại là khoản vay có bảo đảm bằng bất động sản⁽⁸⁾. Vì vậy, gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các ngân hàng cũng như từ các tổ chức tín dụng khác, các khoản vay có bảo lãnh cũng thường không đến được với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nguyên nhân chính của tình trạng này là từ chính bản thân doanh nghiệp vì vốn chủ sở hữu rất thấp, ít có tài sản thế chấp, cầm cố, không có người bảo lãnh; không lập được phương án sản xuất, kinh doanh có đủ sức thuyết phục. Trình độ quản lý hạn chế, báo cáo tài chính không đủ độ tin cậy đối với người cho vay... Nhiều doanh nghiệp để hoạt động phải vay vốn từ các tổ chức tài chính phi chính thức, tư nhân, bạn bè, họ hàng và bản thân người lao động trong doanh nghiệp. Hơn nữa, do

hầu hết các khoản vay đều là ngắn hạn với mức lãi suất cao nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho dù có được phép vay vẫn khó tìm được nguồn vốn trung và dài hạn. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có đủ các quy định pháp lý đảm bảo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của ta có thể tiếp cận thường xuyên, nhằm tiến tới khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính bên ngoài một cách rộng rãi và ổn định hơn.

Bốn là, thị trường, đơn hàng là khó khăn mà doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh đang gặp phải. Xuất phát từ nhu cầu và đòi hỏi của khách hàng, thị trường luôn thay đổi liên tục, yêu cầu các doanh nghiệp cần phải “chuyển mình” không ngừng để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Các doanh nghiệp nhỏ thường gặp rất nhiều thách thức trong việc nắm bắt thông tin về thị trường và khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trong tỉnh và trong nước.

Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động chưa cao; chưa liên kết được với nhiều đối tác đầu ra lớn trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp; kết quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn ở mức khiêm tốn, một số chính sách chưa triển khai được mặc dù đã có nguồn lực; cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; công nghệ còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh. Kết quả khảo sát 10.000 doanh nghiệp gần đây cho thấy 59,2% doanh nghiệp cho rằng khó khăn lớn nhất là về đơn hàng.⁽⁹⁾

Năm là, nhân lực cũng là vấn đề nan giải đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên

địa bàn Hà Tĩnh, nhất là sau Đại dịch Covid 19 diễn ra. Việc khủng hoảng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là không thể tránh khỏi khi mà họ phải cạnh tranh trực tiếp với các công ty lớn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, chưa nói đến việc các khu công nghiệp của các tỉnh lân cận và thị trường xuất khẩu lao động ngày càng rộng mở, thu hút khá lớn nguồn lao động trẻ và lao động có đào tạo. Vì vậy, đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thì mức lương, thu nhập, chế độ đãi ngộ thấp, chưa đảm bảo mức sống cho người lao động trong khi nhu cầu cuộc sống ngày càng cao. Bên cạnh đó, môi trường làm việc cũng là một thách thức lớn dẫn đến doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng khó giữ chân lao động có năng lực, có tay nghề. Vì vậy năng suất chất lượng lại càng khó cạnh tranh. Đây là vòng luẩn quẩn mà “cái khó bó cái khôn” của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Tĩnh đang đối mặt.

Thực tế không chỉ tồn tại trên địa bàn Hà Tĩnh mà ở nhiều tỉnh thành trên cả nước và xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, về môi trường pháp lý. Dù đã được cải thiện rất nhiều song nhìn chung hệ thống luật pháp liên quan đến doanh nghiệp vẫn còn nhiều bất cập, môi trường đầu tư kinh doanh vẫn chưa thực sự thông thoáng, không gian cải cách còn rất lớn. Vẫn còn tình trạng chông chéo, xung đột của rất nhiều các quy định pháp luật, giữa văn bản hướng dẫn luật này và văn bản hướng dẫn luật khác vì vậy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa có nguy cơ vi phạm pháp luật; các thủ tục hành chính trùng lặp, mất nhiều thời gian, nhiều loại hồ sơ giống nhau cho các cơ quan Nhà nước khác nhau phát sinh chi phí và thời gian.

Một số chính sách về phát triển doanh nghiệp chưa đồng bộ, chậm được ban hành.

Bên cạnh đó, nguồn lực dành cho hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế trong khi công tác tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp còn mang tính dàn trải, phân tán, cắt khúc và rời rạc. Các doanh nghiệp chỉ nhận được một trong các chương trình hỗ trợ chưa mang tính tổng thể, toàn diện, do đó chưa tạo được tác động cộng hưởng để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững trên cơ sở năng lực cạnh tranh ngày một cao hơn.

Thứ hai, về phía doanh nghiệp. Cộng đồng doanh nghiệp gặp phải khó khăn trên là do phần lớn doanh nghiệp trên địa tỉnh có qui mô nhỏ và siêu nhỏ, trình độ công nghệ lạc hậu, chậm đổi mới, thiếu đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo; năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh thấp. Doanh nghiệp phát triển còn manh mún, thiếu liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác; khả năng tiếp cận nguồn vốn thấp; ít doanh nghiệp lớn có năng lực cạnh tranh cao ở trong nước và quốc tế. Tình trạng sản xuất gây ô nhiễm, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nợ tín dụng quá hạn và nợ thuế kéo dài, nợ bảo hiểm xã hội... còn xảy ra gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh. Một số doanh nghiệp có tâm lý sản xuất cầm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất. Một số dự án đầu tư trên địa bàn chưa triển khai kịp thời, đúng tiến độ gây lãng phí nguồn lực, tài nguyên đất đai và tạo tâm lý thiếu tin tưởng của xã hội đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ ba, về phía người lao động. Trong các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay chưa thực sự chú tâm nghề nghiệp, còn có tâm lý dao động, có xu hướng thích li hương, tìm kiếm cơ hội ở nước ngoài hay các khu công nghiệp lớn nên không muốn gắn bó với nghề. Số còn lại tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp, kỹ năng, tay nghề, thể lực và tác phong lao động công nghiệp còn yếu nên năng suất chất lượng chưa cao, khả năng cạnh tranh thấp. Một bộ phận khá lớn công nhân năng lực thực hành, khả năng làm chủ công nghệ sản xuất còn yếu, năng suất lao động thấp, sinh hoạt tùy tiện, ý thức chấp hành pháp luật và kỷ luật lao động còn thấp. Tình trạng vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động còn khá phổ biến.

Để hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ngày càng hiệu quả, góp phần vào việc tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 08-NQ/TU và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX đề ra trước mắt cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau:

1. Về phía tỉnh Hà Tĩnh

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cả hệ thống chính trị về vị trí vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà và tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nhanh, đầy đủ, chính xác các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh. Làm tốt công tác tuyên truyền đến người dân và cộng đồng doanh nghiệp về Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với các nội dung của Hội nghị công bố Quy hoạch và xúc tiến đầu tư của tỉnh; tập trung tuyên truyền chuyển đổi số, để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TU.

- Quan tâm hơn nữa đến việc tháo gỡ khó khăn đồng hành cùng doanh nghiệp;

triển khai có hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trong đó bao gồm các đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa được chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo các chính sách tại Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 216/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ hội để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên đại bàn tiếp cận vốn nhanh, đơn giản hoá các chính sách cho vay hỗ trợ doanh nghiệp với lãi suất ưu đãi; đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm hành chính công của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân đến giải quyết các thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại các sở, ngành, địa phương; công khai, minh bạch thông tin; hỗ trợ pháp lý và tiếp nhận phản ánh của doanh nghiệp, người dân;

- Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm, quảng bá thương hiệu; thủ tục hải quan cũng như thủ tục đăng ký kinh doanh.

- Hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phát triển, coi việc tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp chính quyền để các doanh nghiệp có đủ điều kiện trong chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm đầu tư sản xuất, kinh doanh. Trong đó, tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp được xem là giải pháp hiệu quả, là kênh thông tin quan trọng để lãnh đạo tỉnh kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trên địa bàn.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin dữ liệu về DN hoạt động cùng ngành hàng về thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ; Hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh doanh minh bạch, công bằng, lành mạnh.

2. Về phía cộng đồng doanh nghiệp

- Chủ động duy trì và phát triển doanh nghiệp theo hướng đổi mới tư duy, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn; tích cực nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý; ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, xây dựng uy tín, thương hiệu để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

- Các doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong tỉnh và trong nước, tái cơ cấu mặt hàng và thị trường, tránh tình trạng lệ thuộc vào một số thị trường nhất định; thúc đẩy liên kết các doanh nghiệp, sử dụng hàng hóa của nhau, giữ vững và chiếm lĩnh thị trường trong tỉnh và trong nước.

- Cần chủ động nắm bắt, tận dụng từng cơ hội, đồng thời có các phương án thích ứng với những biến động trong tương lai; đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Sẵn sàng chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến, tri thức mới, công nghệ hiện đại trên thế giới; quan tâm đến việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chế độ giữ chân người lao động, tái cấu trúc lao động để thích ứng và đón đầu các xu hướng mới của thị trường.

- Khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy cho sự phát triển như: các giải pháp hỗ trợ từ nhà đầu tư trong và ngoài nước; các chính sách, kế hoạch hỗ trợ của Nhà nước về nguồn vốn, tài chính, công

nghệ, quản trị, kinh doanh... liên doanh, liên kết với các DN kinh doanh, hoạt động cùng ngành nghề, nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Các doanh nghiệp chủ động phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số, tận dụng tối đa các cơ sở đào tạo trên địa bàn như Đại học Hà Tĩnh, Trường trung Cấp nghề số 5, trường Kỹ Nghệ Hà Tĩnh, Trường dạy nghề Việt Đức...

- Doanh nghiệp chú trọng công tác chuyển đổi số, để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TU, “phần đầu trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử”.

- Quan tâm chăm lo cuộc sống của người lao động, tạo môi trường làm việc tốt để thu hút và giữ chân lao động, để người lao động yên tâm lao động, sản xuất cống hiến năng lực, trí tuệ vì doanh nghiệp.

- Cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh cũng cần đoàn kết, chia sẻ, gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau vì mục tiêu cùng phát triển bền vững. Đồng thời thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các cuộc vận động thực hiện các chính sách xã hội của chính quyền tỉnh, địa phương.

3. Về phía người lao động

- Người lao động muốn có vị trí việc làm tốt, thu nhập ổn định thì phải chủ động nâng cao tay nghề, đào tạo và tự đào tạo để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Nâng cao ý thức kỷ luật lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh, tự rèn luyện có tác phong công nghiệp, qua đó khẳng định được uy tín cá nhân cũng như thương hiệu tập thể. Ngược lại, muốn nâng cao chất lượng lao động, người lao động cần thực hiện tốt kỷ luật lao động, định hướng cách thức làm

việc có hiệu quả ngay từ khi bắt đầu thực hiện công việc, với tinh thần trách nhiệm cao. Kỷ luật lao động là cơ sở để họ biết rõ các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như các chế tài cho việc vi phạm những nghĩa vụ đó.

- Người lao động cần chú trọng nâng cao ý thức chấp hành quy định của doanh nghiệp về an toàn vệ sinh lao động và hiểu biết về bảo hộ lao động và chấp hành tốt các quy định của doanh nghiệp để tránh tổn thất về kinh tế và sức khỏe của chính người lao động và doanh nghiệp./.

Chú thích:

1. <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-khac/2023/05/doanh-nghiep-nho-va-vua-co-the-dong-gop-nhieu-cho-cong-nghiep-ho-tro/>

2. <https://luatduonggia.vn/doanh-nghiep-vua-va-nho-la-gi-vai-tro-va-cach-xac-dinh/>

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư. CV2759/SKHĐT-DNĐT. báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2022

4. Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư. CV2759/SKHĐT-DNĐT. báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2022

6. <https://baochinhphu.vn/quyet-liet-thao-go-rao-can-ho-tro-toi-da-cho-doanh-nghiep-phat-trien-102220907091123674.htm>

7. <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/thao-go-kho-khan-giup-doanh-nghiep-vuot-qua-thach-thuc-641313.html>

8. <https://thanhnien.vn/70-doanh-nghiep-vua-va-nho-kho-tiep-can-vay-von-185230316161658602.htm>

9. <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/thao-go-kho-khan-giup-doanh-nghiep-vuot-qua-thach-thuc-641313.html>.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC



ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm, là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước. Đấu tranh phòng chống tham nhũng là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Với chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị, nhất là cấp cơ sở, Trường Chính trị cấp tỉnh nói chung, Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh nói riêng có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Trường Chính trị Trần Phú là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy Hà Tĩnh, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Trong những năm qua, trên cơ sở các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy Đảng các cấp, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, tiêu cực và nhận

thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tuyên truyền, giảng dạy nội dung phòng chống tham nhũng, tiêu cực đối với học viên thuộc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại Trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền về phòng chống tham nhũng; lồng ghép, đưa nội dung này vào giảng dạy với mục tiêu: Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của Nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; đội ngũ cán bộ, đảng viên kỷ cương, liêm chính.

Với nhận thức xem công tác tuyên truyền, đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh

công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, cụ thể hóa có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là Luật phòng, chống tham nhũng, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương và Tỉnh ủy Hà Tĩnh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí hàng năm đến toàn thể cán bộ, giảng viên và toàn bộ học viên thuộc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

Trước khi có Chỉ thị số 10/CT-TTg, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã chủ động chỉ đạo, lãnh đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng vào chuyên đề Báo cáo thực tiễn tại các chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính, bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và chuyên viên chính và một số các chương trình bồi dưỡng khác tại Nhà trường. Gắn công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí với thực hiện việc Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm xây dựng lối sống trong sáng, giản dị, đức tính cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, nâng cao ý thức tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên, và học viên. Hàng năm, Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo đưa việc tổ chức thực hiện và giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vào một trong những nội dung đánh giá, tổng kết năm; qua đó rút kinh nghiệm để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả hơn nội dung này.

Đặc biệt, từ khi có Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 về đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, ngay từ năm học 2013-2014 và các quyết định về quy chế đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn thực hiện chương trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, nội dung phòng, chống

tham nhũng được đưa vào trong chương trình giảng dạy các lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính và trung cấp lý luận chính trị, việc giảng dạy, tuyên truyền về phòng chống tham nhũng được thực hiện bài bản, khoa học hơn. Nhà trường đã kịp thời triển khai, phân công Khoa Xây dựng Đảng cùng với Khoa Nhà nước và pháp luật phối hợp thực hiện việc giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng; lựa chọn, cử giảng viên chuyên ngành, có kinh nghiệm giảng dạy chuyên đề. Giảng viên phải chuẩn bị bài giảng đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và thông qua Hội đồng khoa học nhà trường trước lúc lên lớp. Theo đó, từ 2014 đến nay, chuyên đề về Phòng chống tham nhũng được đưa vào giảng dạy ở 110 lớp với 7.448 học viên¹.

Bên cạnh chuyên đề mang tính chất chuyên sâu, vấn đề phòng, chống tham nhũng, tiêu cực còn được lồng ghép trong tất cả các chuyên đề giảng dạy có nội dung liên quan cũng như trong sinh hoạt chuyên đề với các nội dung nhận diện đấu tranh, phòng, chống các biểu hiện suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong học tập và công tác; nâng cao chất lượng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với nhiệm vụ học tập và công tác... Từ đó, giúp học viên nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng chống tham nhũng, tiêu cực; tạo sự chuyển biến tích cực về trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, học viên đối với nhiệm vụ này, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Cùng với việc giảng dạy, lồng ghép vào trong các chuyên đề bài giảng, nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực còn được Nhà trường chú trọng trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Hàng năm, có hàng chục bài viết của cán bộ, giảng viên,

học viên được đăng trên *Thông tin Lý luận và thực tiễn*, trang thông tin điện tử Nhà trường và các báo, tạp chí ở địa phương và trung ương về nội dung này. Tuy nhiên, việc tuyên truyền, giảng dạy, lồng ghép nội dung này ở Trường Chính trị Trần Phú hiện nay đang gặp những hạn chế, khó khăn nhất định như: Thời lượng của bài giảng về nội dung này ít (4 tiết) nên việc phân tích, đánh giá sâu về thực trạng hay thực hành các bài tập tình huống có liên quan đến nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực khó thực hiện; giảng viên tham gia giảng dạy chuyên đề còn mỏng; một số học viên chưa dành nhiều thời gian cho việc học, còn bị chi phối bởi những việc khác nên hiệu quả tiếp thu bài và chuyển biến về nhận thức chưa cao...

Để phát huy hiệu quả hơn vai trò của Trường Chính trị Trần Phú với công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên, học viên về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Công tác tuyên truyền cần tập trung vào các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị quyết Đại hội XVIII, XIX của Đảng bộ tỉnh về nội dung phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kế hoạch, chương trình của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí hàng năm. Tích cực tuyên truyền, lan tỏa nội dung, giá trị tác phẩm “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững*

mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến toàn thể cán bộ, giảng viên và học viên.

Thứ hai, đề xuất Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tăng cường thời lượng cho chuyên đề phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Khác với các chuyên đề khác, học viên có thể đã được tiếp cận và tham gia nhiều trong các chương trình đào tạo, thi chuyên đề phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiêu cực là chuyên đề có tính chất cá biệt và thời sự hơn nên ít được đưa vào hệ thống các chương trình đào tạo. Do vậy cần một dung lượng thời gian đủ để học viên nắm bắt được ý nghĩa, khung lý thuyết, hệ thống quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đặc biệt là những vấn đề thực tiễn rất nóng về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay cũng như kỹ năng và các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong tình hình mới.

Thứ ba, căn cứ vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của cấp có thẩm quyền ban hành và yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo, bồi dưỡng, hàng năm, Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hay lồng ghép nội dung này vào giảng dạy tại các lớp; lựa chọn, bố trí đội ngũ giảng viên chuyên sâu về lý luận, nhuần nhuyễn về phương pháp, sâu sát về thực tiễn giảng dạy các chuyên đề, nhất là các báo cáo viên cấp tỉnh công tác tại khối nội chính. Khoa chủ quản cần phải thường xuyên tổ chức dự giờ, sinh hoạt chuyên môn trao đổi về kinh nghiệm, những vấn đề cần quan tâm khi giảng dạy chuyên đề về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để việc giảng dạy, lồng ghép đạt hiệu quả cao, sức lan tỏa lớn.

Thứ tư, tăng cường công tác nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn gắn với nội dung này. Trong chương trình nghiên cứu thực tế, tổ chức cho cán bộ, giảng viên,

học viên nghiên cứu thực tế, nghe báo cáo về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các địa phương, đơn vị; từ đó có báo cáo, kiến nghị đề xuất cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả hơn công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương, đơn vị. Với đối tượng học viên đặc thù, chúng ta có thể cho họ tìm hiểu sâu hơn về hệ thống dữ liệu thực trạng đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực qua các vụ án lớn và nóng thông qua số liệu, tham gia phiên tòa xét xử, thẩm trại giam... nhằm nâng cao nhận thức và có tác dụng răn đe. Trong chương trình học tập các chuyên đề và nghe thời sự nên thiết kế và mời các báo cáo viên chuyên sâu về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay để cung cấp cho học viên một bức tranh thực trạng đầy đủ và sát thực nhất về vấn nạn tham nhũng, tiêu cực trong và ngoài nước.

Thứ năm, phát huy vai trò của học viên trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Học viên trường chính trị cấp tỉnh nói chung, Trường Chính trị Trần Phú nói riêng là những chủ thể quan trọng, chủ yếu trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, đơn vị. Với vai trò là đảng viên, học viên trước hết phải gương mẫu chấp hành, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần “đảng viên đi trước”. Đồng thời, học viên trường chính trị cấp tỉnh nói chung, Trường Chính trị Trần Phú nói riêng cũng là hạt nhân trong tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; làm cho chủ trương của Đảng về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được lan tỏa trong xã hội. Với vai trò là cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị - là công bộc của nhân dân; tích cực phòng, chống tham nhũng, tiêu

cực không chỉ là hoàn thành nghĩa vụ của bản thân mà góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Với học viên là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội,... vừa phải gương mẫu không tham nhũng, vừa phải nêu cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, đơn vị, cơ quan, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách; chỉ đạo xử lý kiên quyết, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng, tiêu cực; mặt khác, cũng phải tự giác nhận trách nhiệm khi để địa phương, đơn vị, cơ quan, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Do vậy, qua việc phát huy vai trò của học viên sẽ góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Thứ sáu, tăng cường sự phối hợp giữa Trường Chính trị Trần Phú với cấp ủy, chính quyền trong quản lý học viên, đặc biệt chú trọng việc theo dõi, đánh giá ý thức, thái độ của học viên nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập của học viên. Đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị chức năng chuyên sâu trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, qua đó lựa chọn báo cáo viên, mô hình, điển hình hiệu quả về nội dung này./.

Chú thích:

1. Trường Chính trị Trần Phú; Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐẠT CHUẨN



ThS. LÊ THỊ THÙY DUNG

Khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Xây dựng trường chính trị chuẩn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là việc chuẩn hóa các điều kiện của trường chính trị, cũng như chuẩn hóa quá trình hoạt động của trường nhằm hướng đến chuẩn hóa kết quả đầu ra. Xây dựng trường chính trị theo mô hình chuẩn là biện pháp quan trọng để các trường chính trị khắc phục những hạn chế hiện có, tạo bước đột phá trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, giúp các trường chính trị hoàn thành nhiệm vụ được giao với chất lượng, hiệu quả tốt nhất. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên không chỉ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoàn thành các tiêu chí của Trường Chính trị đạt chuẩn.

Ngày 19/5/2021, Ban Bí thư ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn xác định: “Trường chính trị chuẩn là trường chính trị đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định và được cấp có thẩm quyền công nhận”. Nhằm lãnh đạo triển khai xây dựng và phát triển Trường Chính trị Trần Phú trong giai đoạn mới, ngày 9/01/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành Đề án số 02-ĐA/TU, xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Việc xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ở mức độ 1 cần đạt được một số tiêu chí cụ thể về: Thể chế, quy định; đội ngũ cán bộ, viên chức; hoạt động đào tạo bồi dưỡng; hoạt động nghiên cứu khoa học tổng kết thực tiễn; xây dựng văn hóa trường Đảng; cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính.

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, của tỉnh và Hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về xây dựng trường chính trị chuẩn, Trường Chính trị Trần Phú đã rà soát các tiêu chí, đánh giá mức độ của trường để phân đầu xây dựng đạt trường chính trị chuẩn mức độ 1 trong thời gian tới, đặc biệt là tập trung xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trước tình hình nhiệm vụ mới, đồng thời góp phần quan trọng hoàn thiện các tiêu chí trong xây dựng trường chuẩn.

Trong những năm vừa qua, cùng với tập trung phát triển nguồn nhân lực tại trường, kiện toàn tổ chức, bộ máy gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới, nhà trường luôn động viên

và tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị; chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chứng chỉ sư phạm và từng bước hoàn thiện các quy định về chế độ chính sách cho các đối tượng đi học.

Hiện nay, trường Chính trị Trần Phú có 29 giảng viên trên tổng số 41 cán bộ viên chức, nhân viên, người lao động của nhà trường (tỉ lệ 70,7%), trong đó: Có 23 giảng viên chính (tỉ lệ 79,3%), 01 giảng viên là chuyên viên cao cấp; 100% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy (trong đó có 02 đồng chí có trình độ tiến sĩ, 27 đồng chí thạc sĩ); 100% giảng viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên (trong đó có 26 đồng chí có trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị, 03 đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị); 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực; có 14 giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (tỉ lệ 42,3%).

Chất lượng đội ngũ giảng viên đã có chuyển biến mạnh mẽ theo hướng tích cực. Đa số giảng viên luôn tự nhận thức vị trí, vai trò của mình trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Vì vậy, việc chuẩn bị soạn giáo án, đến bài giảng đều tiến hành đúng quy định, có hệ thống, phù hợp với từng đối tượng học viên. Nội dung bài giảng đã đổi mới, cập nhật thường xuyên các quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới học viên một cách sinh động và dễ hiểu nhất. Đặc biệt, trong những năm gần đây, các giảng

viên tích cực tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp khoa, cấp trường, cấp tỉnh, cấp học viện với tư cách là chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên; một số giảng viên tham gia biên soạn sách, giáo trình, lịch sử Đảng bộ địa phương phục vụ công tác giảng dạy. Hằng năm, thông qua các đợt nghiên cứu thực tế, các giảng viên tham gia tích cực viết tin, bài cho bản Thông tin Lý luận và thực tiễn, trang thông tin điện tử của Nhà trường và các cơ quan báo chí khác của Trung ương và địa phương; tham gia cuộc thi Chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Chất lượng đội ngũ giảng viên nhà trường ngày càng được nâng cao, góp phần quan trọng vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh nhà nói chung cũng như từng bước hoàn thiện các tiêu chí xây dựng trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức độ 1.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú đáp ứng yêu cầu trường chính trị chuẩn theo quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư vẫn còn một số, khó khăn, hạn chế như: Cơ cấu đội ngũ giảng viên chưa đảm bảo theo đúng quy định của Học viện, cũng như theo tiêu chuẩn trường chính trị chuẩn mức 1 (hiện nay, số lượng giảng viên Nhà trường chỉ chiếm 70,7% trên tổng số cán bộ, viên chức của Trường trong khi theo quy định số 11-QĐ/TW đội ngũ giảng viên phải chiếm ít nhất 75%); số lượng giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giữ ngạch giảng viên chính vẫn chưa đạt so với yêu cầu tiêu chí đặt ra; một số giảng viên trẻ thiếu kiến thức chuyên sâu; thiếu kiến thức thực tiễn; sự

kết hợp giữa lý luận và thực tiễn còn chưa nhuần nhuyễn nên khi vận dụng vào các bài giảng, tiết giảng nhiều lúc chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của người học... Bên cạnh đó, một số giảng viên chưa thực sự quan tâm đến công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế còn mang tính hình thức, chất lượng các công trình nghiên cứu chưa cao. Những hạn chế này đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy, chất lượng nghiên cứu khoa học của mỗi giảng viên nói riêng, và từ đó ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cả trường nói chung cũng như quá trình hoàn thiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn.

Trong thời gian tới, để xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu các tiêu chí trường chính trị chuẩn, thiết nghĩ, trường Chính trị Trần Phú cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, quán triệt và thực hiện có hiệu quả các quy định của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác trường chính trị nói chung và việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên nói riêng. Đảm bảo thực hiện đúng Quy định 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên tinh thần đó bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy hợp lý, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2025 đội ngũ giảng viên (giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm) chiếm tỷ lệ ít nhất 75% trên tổng số cán bộ, viên chức. Đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức, thực hiện hiệu quả Đề án số 02-ĐA/TU, Xây dựng Trường Chính trị

Trần Phú đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Thứ hai, kiến nghị Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện và có các cơ chế, chính sách cụ thể, có nguồn lực đầu tư hợp lý xứng đáng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trường chính trị, đáp ứng với yêu cầu của trường chuẩn và nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, phương pháp giảng dạy và kinh nghiệm thực tiễn. Quan tâm việc cử giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phấn đấu đến năm 2025 ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ giảng viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế trong nhà trường góp phần nâng cao khả năng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên nhằm tích lũy kinh nghiệm công tác, tạo điều kiện thuận lợi đáp ứng yêu cầu học tập nghiên cứu đạt hiệu quả khi tham gia các khóa đào tạo nâng cao và chuyên sâu. Xây dựng kế hoạch cử giảng viên đi nghiên cứu thực tế, ngắn hạn, dài hạn; tạo điều kiện cho giảng viên tham dự các hội, hội nghị triển khai, quán triệt, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy và các cuộc hội thảo để phục vụ công tác giảng dạy. Kiến nghị cấp ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện để giảng viên tham gia một số cuộc họp

hội đồng nhân dân các cấp, các đoàn công tác cấp cơ sở nhằm tích lũy kiến thức thực tế nâng cao chất lượng giảng dạy, gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình lên lớp. Bên cạnh đó, cần tích cực tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông tin chuyên đề tham quan trao đổi kinh nghiệm, khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, đưa hoạt động này thành nền nếp, phát triển ngang tầm nhiệm vụ.

Thứ tư, Đảng ủy, Ban Giám hiệu cần có chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng kịp thời cho những giảng viên có ý thức quyết tâm cao trong học tập, nâng cao trình độ, tạo động lực cho giảng viên, viên chức tích cực hơn nữa trong quá trình tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa chức danh đạt chuẩn và trên chuẩn.

Thứ năm, mỗi giảng viên cần nhận thức sâu sắc và đầy đủ về vị thế, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Trường Chính trị đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh nói chung và trách nhiệm của bản thân mình với tư cách là giảng viên trong xây dựng trường chính trị chuẩn nói riêng. Phải nêu cao tinh thần tự học tập, nghiên cứu, tự mình trau dồi, tích lũy kiến thức lý luận, thực tiễn ở mọi nơi, mọi lúc.

Đối với công tác giảng dạy, mỗi giảng viên phải luôn nêu cao trách nhiệm học hỏi, nghiên cứu nâng cao trình độ, trao đổi về nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo giờ giảng có chất lượng, có ý thức về công việc được giao và làm gương cho học viên noi theo. Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cần chú trọng đổi mới phương pháp, ứng dụng các phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong việc thiết kế bài giảng, công nghệ thông tin nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy. Phải nắm bắt được nhu cầu thực tế

của từng đối tượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, từ đó xây dựng cho mình phương pháp giảng dạy phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau.

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, bản thân mỗi giảng viên cần phải quyết tâm đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu khoa học thông qua việc nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; phải thực sự trách nhiệm, dám đổi mới để tham mưu cho Ban Giám hiệu định hướng và hoạch định chiến lược phát triển toàn diện hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng thiết thực và hiệu quả; phải chủ động đề xuất các ý tưởng nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên môn, với các vấn đề đang đặt ra từ thực tiễn của các địa phương thông qua đăng ký các đề tài; hội thảo cấp bộ, cấp tỉnh, cấp trường, cấp khoa, phòng; mở rộng hoạt động nghiên cứu chuyên đề theo từng lĩnh vực, từng địa bàn cụ thể theo hướng sâu địa bàn, sát lĩnh vực, phát hiện được vấn đề, đề xuất được giải pháp.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trường chính trị đáp ứng các tiêu chí trường chính trị chuẩn là một nhiệm vụ, định hướng lâu dài, đòi hỏi phải có lộ trình, kế hoạch cụ thể. Vì vậy, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ là một trong những cơ sở quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo chất lượng, số lượng góp phần đưa Trường Chính trị Trần Phú tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn trong thời gian tới./.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI HÀ TĨNH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI



ThS. PHAN CHÍ QUYẾT

Khoa Xây Dựng Đảng

Tóm tắt: Hà Tĩnh là một vùng đất nằm trên dải đất miền Trung, dù không được thiên nhiên ưu đãi, nhưng được coi là nơi “Địa linh nhân kiệt”. Trong khó khăn gian khổ, con người Hà Tĩnh đã vươn lên tạo dựng được đời sống tinh thần phong phú, để lại cho muôn đời sau nhiều giá trị văn hoá truyền thống. Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn, gìn giữ, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh, góp phần tạo tiền đề, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Văn hóa luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội nói chung, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh nói riêng. Vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa và con người được Đảng ta nhấn mạnh trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930. Đến năm 1943, “Đề cương văn hóa Việt Nam” của Đảng lại chỉ rõ “Mặt trận văn hóa... là mặt trận quan trọng”. Sau ngày thống nhất đất nước, nhất là hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, quan điểm về văn hóa, xây dựng con người tiếp tục được Đảng ta kế thừa, phát triển. Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII “về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã đề ra các nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: Chiến

lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”⁽¹⁾.

Trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, “Nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu mới, nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực”⁽²⁾. Trong các hoạt động văn hóa thì bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, con người luôn có giá trị lớn về mặt tinh thần trong đời sống của Nhân dân. Phát huy giá trị văn hóa, con người sẽ

góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh.

Hà Tĩnh được coi là vùng đất có bề dày truyền thống văn hóa, địa linh nhân kiệt. Trên địa bàn hiện có hơn 1.800 di tích lịch sử - văn hóa; có nhiều lễ hội văn hóa dân gian, làn điệu dân ca, diễn xướng dân gian độc đáo (hát sắc bùa, hò chèo cạn...). Trong đó, có những di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc được UNESCO ghi danh ở nhiều hạng mục, như: Dân ca ví, giặm, ca trù, mộc bản trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ... Người Hà Tĩnh yêu quê hương, đất nước nồng nàn, kiên cường, dũng cảm; khắc phục, chế ngự thiên nhiên; hiếu học; chịu thương, chịu khó, sống cương trực, chân tình; luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, kết nối vì cộng đồng...

Hòa cùng dòng chảy của văn hóa dân tộc, Hà Tĩnh đã tạo dựng nên diện mạo một vùng đất vừa mang hồn cốt chung của dân tộc Việt Nam, vừa mang sắc thái riêng. Với quan điểm coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, Hà Tĩnh thường xuyên chú trọng xây dựng và phát huy nguồn lực con người; coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, phát triển nhân lực, thu hút chất xám, đào tạo nhân tài, từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Công tác giáo dục, đào tạo phát triển đồng đều ở các ngành học, bậc học; giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đạt chuẩn quốc gia phổ cập trung học cơ sở; giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề được đầu tư và phát triển tương đối vững chắc. Môi trường văn hóa phát triển lành mạnh, tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi; phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được chú trọng; các hoạt động văn hóa, thông tin, văn học, nghệ thuật có chuyển biến tích cực. Những vấn đề bức xúc về xã hội được chỉ đạo giải quyết trên quan điểm tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiên bộ và công bằng xã

hội; công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; đời sống các đối tượng chính sách được cải thiện một bước... Đến nay hầu hết các tổ chức đảng đã xây dựng chương trình hành động; các huyện, thành, thị ủy đều ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển văn hóa gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh và các địa phương, đơn vị; công tác tuyên truyền về nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa tiếp tục được đẩy mạnh; những nội dung định hướng về xây dựng con người được cụ thể hóa thành chương trình hành động phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, từng đơn vị và từng đối tượng bằng các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả. Từ đó, góp phần xây dựng con người Hà Tĩnh với cốt cách thủy chung, nhân nghĩa, cần cù, hiếu học, trọng nghĩa tình, đoàn kết, tương thân, tương ái. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa con người đã được gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh.

Trong giai đoạn hiện nay, Hà Tĩnh xác định mục tiêu chung trong phát triển văn hóa là: Xây dựng và phát triển văn hóa của tỉnh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phù hợp với xu thế thời đại, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chăm lo xây dựng con người Hà Tĩnh có nhân cách, lối sống tốt đẹp, yêu nước, đoàn kết, dũng cảm, năng động, cần cù, sáng tạo, nhân ái, nghĩa tình, hòa hiếu, khoan dung. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra nhiệm vụ: “Phát triển văn hóa, xây dựng, bồi đắp hình ảnh vùng đất, con người Hà Tĩnh bản lĩnh, nhân ái, thủy chung, văn minh, thân thiện trở thành nền tảng và động lực phát triển. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn, tạo điều kiện cho người dân được thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống Nhân dân. Xây dựng chuẩn mực văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, văn hóa công

sở, văn hóa doanh nghiệp. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, xây dựng văn hóa pháp luật của người dân. Chú trọng phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, tiêu cực, tệ nạn xã hội...”⁽³⁾.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hiện nay, Hà Tĩnh còn nhiều khó khăn nhất định về kinh tế; nguồn kinh phí dành cho hoạt động văn hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; cùng với đó, tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, quá trình đô thị hóa... làm cho nền tảng văn hóa truyền thống, không gian, kiến trúc, môi trường sinh hoạt văn hóa truyền thống một số nơi từng bước bị biến động, thay đổi; cơ chế, chính sách liên quan đến việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa còn hạn chế; việc gắn kết giữa phát triển văn hóa, con người với tăng cường quốc phòng, an ninh một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, nhất là công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội trong một số lĩnh vực chưa chú trọng kết hợp với quốc phòng, an ninh; trong đầu tư xây dựng, triển khai các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên một số vùng lãnh thổ, địa bàn chiến lược trọng điểm đã có những tác động, ảnh hưởng không tốt đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; việc nghiên cứu, đầu tư phát triển một số ngành trong lĩnh vực công nghiệp mang tính lưỡng dụng còn những hạn chế... nên chưa tạo được động lực, thu hút toàn xã hội tham gia.

Để góp phần phát huy giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay cần tập trung một số giải pháp sau:

Một là, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước; tính chủ động, sáng tạo; ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân; quyết vượt

lên chính mình, khắc phục tư tưởng tự ty hoặc tự mãn, bằng lòng với những gì đã làm, trung bình chủ nghĩa; trái lại, phải có ý chí và quyết tâm cao hơn nữa, quyết không cam chịu đói nghèo, thua kém các tỉnh khác, vùng khác. Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, sự liên kết, hợp tác, giúp đỡ của các địa phương trong cả nước, nhất là các tỉnh Bắc trung bộ để phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững hơn, giàu có, trù phú hơn; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để vượt qua những khó khăn, thách thức và phát huy tốt hơn nữa tiềm năng, lợi thế to lớn vốn có của Hà Tĩnh.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về cơ sở khách quan và sự cần thiết phải gắn bó giữa kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội. Chú ý nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện việc kết hợp trong các ngành, các cấp, và các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Bám sát định hướng phát triển con người toàn diện và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. “Phát triển văn hóa, xây dựng, bồi đắp hình ảnh vùng đất, con người Hà Tĩnh bản lĩnh, nhân ái, thủy chung, văn minh, thân thiện trở thành nền tảng và động lực phát triển. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn, tạo điều kiện cho người dân được thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống Nhân dân. Xây dựng chuẩn mực văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, xây dựng văn hóa pháp luật của người dân.

Chú trọng phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, tiêu cực, tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”⁽⁴⁾.

Ba là, Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025”. Chú trọng phát triển văn hóa để trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, con người được đặt vào vị trí trung tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển. Tăng cường giáo dục truyền thống, khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước; giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức, xã hội lành mạnh, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống tinh thần cho nhân dân. Ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội, góp phần cải thiện môi trường, điều kiện cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh,

Bốn là, Nâng cao chất lượng toàn diện việc xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa thông qua đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, cụ thể hóa kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến văn hóa, nghệ thuật, đảm bảo hài hòa mối quan hệ phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế và củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Coi trọng việc bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp; khuyến khích tổ chức lễ

hội truyền thống; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, kiểm tra thường xuyên nhằm chấn chỉnh kịp thời các hoạt động, dịch vụ văn hóa không lành mạnh, gắn trách nhiệm của cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa. Chỉ đạo các cơ quan quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Phát huy giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ quan trọng, bao quát toàn bộ các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Vì vậy, việc nhận thức đầy đủ các quan điểm, nội dung, phương thức và giải pháp để chủ động, tự giác thực hiện sự kết hợp một cách nghiêm túc ngay từ đầu và ở mọi khâu, mọi bước trong suốt quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của tỉnh thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh”./.

Chú thích:

1, 2. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 33-34; tr. 64.

3, 4. Báo cáo chính trị của ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025, tr.37, 38.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở HÀ TĨNH THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP



ThS. THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm đến vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xem nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, xác định rõ vai trò và hướng đi của nền nông nghiệp Việt Nam, chúng ta đang không ngừng nỗ lực để hướng tới mục tiêu xây dựng nền “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

Nền nông nghiệp sinh thái được hiểu là một phương pháp tiếp cận tổng hợp chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế của các hệ thống lương thực, thực phẩm thông qua việc áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ thông minh và thân thiện với môi trường; sử dụng hợp lý vật tư đầu vào, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ít phát thải, không tác động xấu đến sức khỏe con người; phát huy tính đa dạng, giá trị văn hóa của hệ thống để nâng cao giá trị nông sản nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững.

Hiện nay, nông nghiệp sinh thái đang là hướng đi nhận được sự quan tâm chú trọng trên toàn cầu và là hướng đi cần thiết để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Bởi vì nông nghiệp sinh thái cân bằng mối quan hệ giữa con người và hành tinh, thúc đẩy cả ba khía cạnh của phát triển bền vững là: xã hội, kinh tế và môi trường. Các mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái là những giải pháp chính để thâm canh nông nghiệp dài hạn, hạn chế chuyển đổi đất rừng sang đất trồng trọt, hạn chế sử dụng vật tư, giảm thiểu khí thải nhà kính từ nông nghiệp và

góp phần tăng lưu trữ các-bon thông qua tăng mùn trong đất, tăng thảm thực vật che phủ ở các diện tích bỏ hoang hóa tạm thời hoặc sử dụng lớp bồi.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nền nông nghiệp Việt Nam trong những năm tới, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, của Hội nghị Trung ương 5, Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tiếp tục khẳng định vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hóa theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Ở Hà Tĩnh, tính đến ngày 31/12/2021, tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Hà Tĩnh là 599.445,02ha; trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 498.717,59ha; chiếm 83,20% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh (Đất sản xuất nông nghiệp 138.613,46ha; chiếm 23,12%. Đất lâm nghiệp 352.137,57ha; chiếm 58,74%. Đất nuôi trồng thủy sản 5.446,18ha; chiếm 0,91%. Đất làm muối 384,26ha; chiếm 0,06%. Đất nông nghiệp khác 2.116,12ha; chiếm 0,35%⁽¹⁾). Với tỷ lệ rất lớn diện tích đất nông nghiệp, trong những năm qua trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Trung ương, Hà Tĩnh đã sớm xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách nhằm cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả việc phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh⁽²⁾. Năm 2018, tỉnh Hà Tĩnh xây dựng hệ thống các đề án, quy hoạch, chính sách khá đồng bộ, gồm 28 quy hoạch, 18 đề án và hệ thống các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới năm 2019. Thực hiện Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND, ngày 13/01/2018, của HĐND tỉnh Hà Tĩnh, ngày 18/3/2019, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND, về “Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2020 và những năm tiếp theo” với mục tiêu là phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh, cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX đề ra mục tiêu: Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công

nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ, đến năm 2025 là tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. Hà Tĩnh xác định chương trình đầu tiên trong 5 chương trình trọng điểm của nhiệm kỳ Đại hội mới là: Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, cải thiện toàn diện đời sống nhân dân, xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. Ngày 18/11/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo nhằm mục đích chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất tập trung, quy mô diện tích lớn, công nghệ cao; phát huy vai trò, tạo sự liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân để tổ chức sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, công nghệ cao theo chuỗi giá trị; gắn kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ, chuyển đổi số, phát triển thị trường và thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng Nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, ngày 16/12/2021 về quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, gia đình, cá nhân có các hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo quản, chế biến, thương mại, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Nhờ có những chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay, cho nên nông nghiệp, nông thôn và nông dân Hà Tĩnh có sự khởi sắc và đạt được nhiều thành tựu quan trọng cả về quy mô, năng lực sản xuất, cơ cấu kinh tế. Trên

địa bàn toàn tỉnh đã có nhiều mô hình nông nghiệp sinh thái được hình thành như: Mô hình sản xuất rau củ quả công nghệ cao theo hướng hữu cơ của HTX thanh niên Thành Sen tại xã Đồng Môn (TP Hà Tĩnh), HTX Gia Phúc tại huyện Can Lộc; Mô hình Sản xuất rau quả công nghệ cao tại xã Thạch Hạ (TP Hà Tĩnh). Mô hình lúa - tôm, lúa - cá, lúa - rươi, kết hợp dịch vụ du lịch tại xã Thạch Hạ (TP Hà Tĩnh), xã Quang Vĩnh, Yên Hồ, Bùi La Nhân (huyện Đức Thọ)... Mô hình nông lâm kết hợp được triển khai ở các huyện miền núi như Hương Sơn, Vũ Quang. Mô hình trồng cỏ nuôi bò, thả gà đồi, trồng cây ăn quả có múi và trồng keo nguyên liệu ở thôn Bình Phong, xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang. Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học như: chăn nuôi bò nhốt chất lượng cao, nuôi tôm 3 giai đoạn, nuôi cua 5 giai đoạn...

Mặc dù đạt được nhiều kết quả nổi bật, nhưng nhìn vào thực tế việc phát triển nông nghiệp sinh thái ở Hà Tĩnh hiện nay vẫn cho thấy còn nhiều hạn chế, bất cập, cụ thể: Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại tại tỉnh Hà Tĩnh mới chỉ là bước đầu, đang chủ yếu ở diện mô hình, chưa tạo được sự lan tỏa trên diện rộng, sản xuất của đại bộ phận hộ nông dân vẫn phát triển chậm; tăng trưởng ngành chưa vững chắc, chủ yếu tăng về chiều rộng, chưa đi vào chiều sâu chất lượng, tăng giá trị gia tăng. Nông nghiệp tăng trưởng không đồng đều giữa các lĩnh vực, sản phẩm lợi thế. Đòi hỏi tổ chức sản xuất trong nông nghiệp chưa nhiều, vẫn đa số là hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ lẻ, phân tán, thiếu liên kết, hợp tác; số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản, nhất là doanh nghiệp phát triển liên kết sản xuất còn ít (doanh nghiệp hoạt động trong nông nghiệp chỉ chiếm 13% tổng doanh nghiệp toàn tỉnh, trong đó khoảng 10% doanh nghiệp có liên kết sản xuất); mối liên kết giữa doanh nghiệp với người dân còn thiếu bền vững, thường dễ phá vỡ hợp đồng, nhất là khi bị tác động

bởi thị trường. Quy mô các dự án đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp còn nhỏ, số vốn đăng ký mới chỉ chiếm 3,7% tổng số vốn các dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư toàn tỉnh... Các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học ứng dụng thành công ở một số mô hình, sản phẩm, nhưng việc nhân ra diện rộng còn chậm, nhất là đối với sản xuất quy mô nhỏ lẻ của các hộ nông dân; trình độ công nghệ sản xuất nhiều sản phẩm vẫn còn thấp và lạc hậu. Sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ còn khó khăn, giá cả không ổn định. Hơn nữa, tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng thường xuyên, kèm với dịch bệnh diễn biến khó lường, đã tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh nhà.

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những khó khăn, thách thức đang đặt ra, để phát triển ngành nông nghiệp đáp ứng mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền làm thay đổi nhận thức của người sản xuất, người chế biến, người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp sinh thái. Cùng với tư duy về liên kết và sản xuất theo chuỗi giá trị, tư duy sản xuất có trách nhiệm cũng cần phải được người nông dân hiểu và chuyển đổi theo. Việc sản xuất có trách nhiệm chính là thực hiện sản xuất theo các tiêu chuẩn bền vững, hoặc hướng tới bền vững và không làm ảnh hưởng tới môi trường. Muốn vậy, trong sản xuất nông nghiệp, người nông dân cần phải hạn chế sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; đẩy mạnh sản xuất theo các tiêu chuẩn bền vững như VietGAP hay các tiêu chuẩn thế giới.

Cùng với sản xuất có trách nhiệm, thì việc chế biến tiêu dùng cũng cần đổi mới tư duy. Các doanh nghiệp chế biến phải đảm

bảo những yêu cầu tiêu chuẩn chế biến, các tiêu chuẩn để đáp ứng yêu cầu của thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, người tiêu dùng cũng phải có trách nhiệm thúc đẩy việc tiêu thụ những sản phẩm an toàn, có tiêu chuẩn, có chứng nhận, có xuất xứ rõ ràng. Đồng thời, sẵn sàng chi trả một chi phí tương xứng cho những sản phẩm này. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy cho người sản xuất, người chế biến và người tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp sinh thái.

Thứ hai, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, tăng cường chia sẻ tri thức nhằm hướng tới nền nông nghiệp bền vững, có trách nhiệm. Khuyến khích nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và áp dụng các giống cải tiến thích ứng tốt hơn với tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai, đồng thời, chú trọng công tác thu thập, bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trồng, vật nuôi quý bản địa làm vật liệu chọn tạo giống cả bằng hình thức tại nông hộ và ngân hàng gen; hỗ trợ người nông dân gìn giữ các giống cây, con quý thông qua hỗ trợ phát triển các loại giống ở địa phương thành sản phẩm đặc sản, nâng cao giá trị kinh tế sản xuất, giúp người dân gắn bó với sản xuất nông nghiệp. Có chính sách và chương trình hỗ trợ kỹ thuật để khuyến khích áp dụng các hệ thống sản xuất sinh thái bền vững. Tuyên truyền, quảng bá những kỹ thuật mới, kết hợp với các kiến thức bản địa để nâng cao hiệu quả sản xuất, nhưng không làm mất đi những kinh nghiệm, kỹ thuật địa phương.

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá nông nghiệp sinh thái. Cần phải có những tiêu chí về nông nghiệp sinh thái để đánh giá hệ thống sản xuất hiện tại, trên cơ sở đó, chính quyền địa phương phải tìm kiếm, định hướng phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương mình hay từng vùng và từng loại sản phẩm. Việc xây

dựng chỉ tiêu này, trước hết tập trung ở cấp hộ, sau đó có thể phát triển ra một số vùng, xã hay huyện.

Thứ tư, xây dựng chính sách hỗ trợ người sản xuất chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp sinh thái. Để phát triển nông nghiệp theo các nguyên tắc nông nghiệp sinh thái, có thể sẽ làm giảm năng suất và hiệu quả trước mắt. Vì thế, cần phải có những chính sách hỗ trợ người dân trong việc chuyển đổi hệ thống sản xuất. Theo đó, bên cạnh các chính sách về đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho nông dân nhằm hướng tới mục tiêu cao nhất trong tái cơ cấu chính là tích tụ ruộng đất, nâng cao đời sống của người dân nông thôn, thì cũng cần có chính sách hỗ trợ về giống, về kết nối chuỗi, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sinh thái, hay có chính sách ưu đãi tín dụng hỗ trợ cho nông dân phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ năm, hoàn thiện chính sách liên kết và thúc đẩy liên kết trong chuỗi giá trị, đặc biệt cho sản phẩm nông nghiệp sinh thái. Các địa phương cần xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ cho các hộ liên kết sản xuất theo mô hình nông nghiệp sinh thái. Hỗ trợ các doanh nghiệp bao tiêu đầu ra cho doanh nghiệp thông qua chính sách ưu đãi tín dụng, thuê, hỗ trợ đào tạo, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

Thứ sáu, hỗ trợ phát triển, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sinh thái, tiến tới chứng nhận, dán nhãn và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sinh thái. Để phát triển nông nghiệp sinh thái, cần phải có thị trường cho sản phẩm. Do đó, cần đẩy mạnh tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với sản phẩm nông nghiệp sinh thái; hình thành vùng chuyên canh tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn và được cấp chứng nhận bền vững, được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ. Các vùng chuyên canh được tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm của thị trường trong nước và xuất khẩu. Chính quyền địa phương và các sở, ngành cần hỗ

trợ tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp sinh thái bằng cách tiếp tục xây dựng thương hiệu sản phẩm, đẩy mạnh chuyển đổi số để xây dựng các trang thương mại điện tử nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp sinh thái tới người tiêu dùng.

Thứ bảy, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để tạo điều kiện thuận lợi cho hình thành các vùng nông nghiệp sinh thái. Để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp sinh thái, việc tích tụ, tập trung đất đai là một trong những giải pháp tiên quyết tạo tiền đề cho phát triển sản xuất nông nghiệp trên quy mô lớn. Qua đó, nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, hiệu quả sản xuất.

Theo mục tiêu của Nghị quyết 06-NQ/TU, đến năm 2025, toàn tỉnh phải tập trung, tích tụ đạt 15.000 ha; từ 2025 - 2030 đạt 30.000 ha. Theo thống kê của Sở TN&MT, đến nay, có 10/13 đơn vị cấp huyện có số liệu báo cáo về kế hoạch thực hiện công tác tập trung, tích tụ đất đai với 122 đơn vị cấp xã, diện tích 16.059,39 ha. Trong đó, năm 2023 tập trung, tích tụ 5.106,86 ha; năm 2024 là 3.652,57 ha; năm 2025 là 3.227,58 ha; sau năm 2025 là 4.073,2 ha.

Để làm được điều đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến tận cán bộ, nhân dân để hiểu sâu rộng mục tiêu của nghị quyết 06; nâng cao trách nhiệm của cán bộ cũng như sự đồng thuận của người dân, đảm bảo chuyển đổi ruộng đất một cách khách quan, minh bạch, thống nhất. Các địa phương cần căn cứ trên đặc điểm tình hình để lựa chọn thôn xóm, phạm vi diện tích phù hợp; những vùng ruộng bằng phẳng, tập trung ưu tiên làm trước tạo mô hình; vùng địa hình không bằng phẳng, ruộng bậc thang, xa, xấu tổ chức làm sau để xây dựng phương án chuyển đổi theo lộ trình nhằm giảm thiểu khó khăn, chi phí trong công tác thực hiện; tập trung vùng nào thì hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ cấp đổi quyền sử dụng đất. Đây là cơ sở để tuyên truyền, vận động người dân chuyển

đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp sinh thái.

Trên cơ sở Nghị quyết 51/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về quy định chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025... các địa phương phải vận dụng ban hành các cơ chế, chính sách riêng để hỗ trợ chính sách, đưa chủ trương phá bỏ bờ thửa nhỏ, tập trung, tích tụ ruộng đất trở thành cuộc cách mạng lớn, nhằm tạo phong trào rộng lớn, chuyển đổi bước đột phá trên đồng ruộng; lồng ghép các chính sách khuyến khích Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh đang là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này, cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trong đó chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cư dân nông thôn trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp thực sự bền vững trên địa bàn Hà Tĩnh./.

Chú thích:

(1) Báo cáo số 159/BC-UBND, ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Kết quả thống kê đất đai năm 2021.

(2) Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 19/5/2009, của Tỉnh ủy Hà Tĩnh “Về NN, ND, NT Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 định hướng đến 2020”; Quyết định số 2165/QĐ-UBND, ngày 16/7-2009, của UBND tỉnh, “Về việc ban hành kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện NQ số 08-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về NN, ND, NT Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 định hướng đến 2020”; Quyết định số 1230/QĐ-UBND, ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh, về “Kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách NN, NT và xây dựng NTM năm 2018 theo NQ số 32/2016/NQ-HĐND, ngày 15/12/2016, của HĐND năm 2018”.

THÁO GỠ KHÓ KHĂN, VƯỞNG MẮC CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO TÌNH THẦN ĐẠI HỘI XIX CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN THỊ LAM

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã có nhiều giải pháp khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Thực hiện nghị quyết của Đại hội, thời gian qua Hà Tĩnh đã từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo động lực cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển. Vì vậy, hoạt động của các doanh nghiệp đã có những khởi sắc, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế của tỉnh nhà, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, tham gia cùng với cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai, bão, lụt, dịch bệnh. Đội ngũ doanh nhân từng bước phát triển đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Hơn 35 năm đổi mới, doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có những bước tiến vượt bậc trong việc khẳng định vai trò, vị thế của mình trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh. Nhiều doanh nghiệp đã dần khẳng định được vị thế không chỉ trong tỉnh mà còn vươn ra ngoài tỉnh. Để phát triển kinh tế tư nhân, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Đại hội đại biểu lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh xác định: “xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập các doanh nghiệp tư nhân, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân đầu tư, phát triển sản xuất; thực hiện quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản, quyền tiếp cận thông tin, các loại thị trường và các dịch vụ xã hội; xoá bỏ các rào cản, chính sách, các biện pháp hành chính gây bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, nhất là vốn và đất đai”; “Thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tôn vinh

doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động, tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác xã hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp”¹.

Quán triệt quan điểm Đại hội đại biểu lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh, thời gian qua, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tăng nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình, quy mô, hiệu quả hoạt động, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn. Đội ngũ doanh nhân có bước phát triển, thích ứng với cơ chế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Với tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp, thời

gian qua, tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành những chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Theo đó, UBND tỉnh đã đồng ý gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, thực hiện khoan nợ, xóa nợ theo Nghị quyết 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Đồng thời, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19... Ngày 22/11/2021, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành nghị quyết 08 về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Năm 2022, xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; tiếp tục tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hồ sơ, thủ tục; triển khai các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, kịp thời thông tin, tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Hệ thống chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã tạo động lực cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển. Các doanh nghiệp đã nêu cao tinh thần vượt khó, tự lực, tự cường, nỗ lực thích ứng với tình hình mới, duy trì sản xuất kinh doanh và việc làm cho người lao động. Toàn tỉnh có gần 8.300 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân 27 tỷ đồng/doanh nghiệp, đạt 6,9 doanh nghiệp/1.000 dân. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh (trong đó có 52.500 hộ có đăng ký kinh doanh), đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa. 9 tháng đầu năm thành lập mới 1.100 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 7.000 tỷ đồng, tăng 38%

về số lượng so với cùng kỳ năm 2021; 297 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 16%. Qua số liệu đăng ký kinh doanh cho thấy, số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường gấp 2,75 lần số doanh nghiệp rút khỏi thị trường; Tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử tăng cao, chiếm khoảng 76% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021.²

Cộng đồng doanh nghiệp đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà: tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể; giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động. Cùng với những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, trong thời gian qua các doanh nghiệp đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thời gian qua góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội, được chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh phải đối mặt với nhiều khó khăn:

- Sức cạnh tranh còn yếu. Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; trình độ công nghệ thấp và chậm đổi mới; trình độ quản trị, năng lực tài chính, năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, chất lượng sản phẩm và sức cạnh

tranh thấp; tham gia chủ yếu ở phân khúc thị trường có giá trị gia tăng thấp.

- Thiếu liên kết; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tính biệt lập, thiếu liên kết với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI nên không khắc phục được hai điểm yếu hiện hữu là trình độ công nghệ và khả năng mở rộng thị trường.

- Phát triển không đồng đều. Cơ cấu ngành nghề còn bất hợp lý, chưa có sự liên kết hiệu quả với các thành phần kinh tế khác và được phân bố không đồng đều trong các khu vực, địa giới hành chính trong toàn tỉnh

- Tính tuân thủ pháp luật không cao. Vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khá phổ biến. Tình trạng sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn diễn ra nghiêm trọng, phức tạp, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

- Một số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn phải thu hẹp sản xuất kinh doanh giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động, (Năm 2020, có 508 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, tăng 15% so với cùng kỳ 2021), người lao động bị mất việc làm, đời sống của người dân bị ảnh hưởng, khó khăn nhất định. Một số đơn vị sản xuất bị chậm tiến độ do thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, thiếu lao động, một số không tiêu thụ được sản phẩm do khó khăn trong lưu thông hàng hóa.

Để phát triển kinh tế ở doanh nghiệp nhỏ và vừa - một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, thời gian tới cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về đổi mới và phát triển doanh nghiệp nói

chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Tập trung tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về đổi mới, phát triển doanh nghiệp; khẳng định vai trò, vị trí của doanh nghiệp nhỏ và vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền để doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế của tỉnh và các địa phương.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 09/6/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 197/KH-UBND về hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2022. Nội dung hỗ trợ: Tư vấn chiến lược, tư vấn triển khai để doanh nghiệp tự động hoá quy trình sản xuất, kinh doanh, quản trị, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh (tư vấn về chuyển đổi số); hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ, ứng dụng các giải pháp trên nền tảng số. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ sản phẩm gắn với nhãn hiệu tập thể của địa phương, trong đó quan tâm sản phẩm chủ lực đặc thù, sản phẩm OCOP. Phát triển chuỗi liên kết các ngành hàng nông sản thế mạnh của tỉnh; hoàn thiện chuỗi liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân. Tăng cường hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, phát triển các mô hình kinh tế hiệu quả. Tăng cường các hoạt động tư vấn, hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ thuế, kế toán, pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng, nhất là các doanh

ng nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyên đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án khởi nghiệp; triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ, phục hồi sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau dịch bệnh Covid-19. Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, đảm bảo các doanh nghiệp đủ điều kiện đều được thụ hưởng chính sách.

Thứ ba, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cơ cấu lại nền kinh tế, dịch chuyển từ phát triển các lĩnh vực như khai thác tài nguyên, bất động sản,... sang các lĩnh vực sản xuất công nghệ, nông nghiệp và dịch vụ mà Hà Tĩnh có thế mạnh, cần tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp tham gia vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, tham gia rộng rãi vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, hướng các ưu đãi về lãi suất, vay vốn, đào tạo, thuế, thuê mặt bằng, thủ tục hành chính... khi tham gia vào những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mới. Hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực, để các nguồn lực được huy động và sử dụng có hiệu quả cao, nhất là các nguồn lực của Nhà nước, cần có những giải pháp đột phá để chấm dứt cơ chế xin - cho trong phân bổ nguồn lực Nhà nước; quản lý ngân sách Nhà nước một cách chặt chẽ, minh bạch từ Trung ương tới địa phương và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện các dự án phát triển của Nhà nước; công khai minh bạch trong quá trình đấu thầu, tránh việc lợi dụng các quan hệ thân hữu để đạt được gói thầu, vay vốn nhà nước; đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong khoa học, thực hiện cải cách hệ thống và nội dung giáo dục một cách cơ bản theo hướng gắn với thực tiễn; hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất.

Thứ tư, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường thực thi thể chế, pháp luật. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính,

đẩy nhanh xây dựng chính phủ điện tử, thực hiện đăng ký và quản lý doanh nghiệp bằng công cụ số, Internet. Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, hoàn thiện các thể chế về triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp theo phân cấp quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; đối thoại tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Đưa pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đi vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ năm, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý cho đội ngũ doanh nhân của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện hình thành những doanh nhân có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; hình thành đội ngũ doanh nhân đủ khả năng lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp vươn lên tầm cao mới, bắt kịp với khu vực Bắc Trung bộ và trong nước. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao./.

Chú thích:

1 Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Tr 34

2 Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2022.

TĂNG CƯỜNG VÀ ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN THEO TÌNH HÌNH NGHỊ QUYẾT 25-NQ/TW Ở HÀ TỈNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Hội nghị lần thứ bảy, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết 25-NQ/TW về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”. Nghị quyết đã đưa ra những quan điểm về đường lối đổi mới công tác dân vận của Đảng trong tình hình mới. Việc nghiên cứu, vận dụng những quan điểm của Nghị quyết 25-NQ/TW vào thực tiễn đổi mới công tác dân vận ở Hà Tĩnh có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Cử tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém, dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”⁽¹⁾. Quán triệt quan điểm trên, Đảng ta luôn coi trọng công tác dân vận và xác định dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta; là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Những chủ trương vận động và tập hợp quần chúng đã được xác định ngay từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Bước vào thời kỳ đổi mới, trong điều kiện hội nhập quốc tế càng đòi hỏi phải phát huy cao độ khối đoàn kết và sức mạnh toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Đảng tiếp tục quan tâm và đổi mới công tác dân vận, ban hành nhiều văn bản của Đảng liên quan đến công tác dân vận. Đặc

biệt trong đó, Nghị quyết số 25-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” với 5 quan điểm, 7 nhiệm vụ tiếp tục khẳng định vai trò hết sức quan trọng của công tác dân vận, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ hội nhập, phát triển nhanh và bền vững đất nước. Nghị quyết chỉ rõ: “Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt”⁽²⁾. Có thể nói, Nghị quyết 25-NQ/TW về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình

hình mới” là hệ thống những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ta hết sức quan trọng đối với công tác dân vận trong thời gian qua.

Thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, và 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Hà Tĩnh đã quán triệt, triển khai Nghị quyết, Kết luận của Trung ương một cách nghiêm túc nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân. Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể đã kịp thời ban hành khá đồng bộ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác dân vận trong tình hình mới. Hà Tĩnh đã ban hành 164 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 117 văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành, 76 văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận, cùng nhiều văn bản khác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị - xã hội nhằm triển khai và thực hiện nghị quyết, kết luận về công tác dân vận gắn với đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường thu hút, tập hợp đoàn viên, hội viên; hướng hoạt động về cơ sở; vận động nhân dân tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động góp phần phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở địa phương. Vì vậy, công tác dân vận trên địa bàn Hà Tĩnh trong 10 năm qua đã đạt được nhiều kết quả to lớn đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Nội dung đã bám sát yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn phát triển kinh tế - xã

hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Phương thức vận động quần chúng có nhiều đổi mới, sát thực, hiệu quả; gắn tuyên truyền, vận động với chăm lo lợi ích thiết thực của Nhân dân. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được các cấp ủy, tổ chức Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trong đó, chú trọng công tác tự phê bình và phê bình; chủ động đấu tranh ngăn chặn, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác định hướng chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ được quan tâm đúng mức. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao. Thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ, thận trọng, ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền, tạo môi trường cho cán bộ rèn luyện, cống hiến, trưởng thành và tạo nguồn cán bộ kế cận. Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được tăng cường, đẩy mạnh thực hiện dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch.

Công tác dân vận của các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước được tăng cường đổi mới. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết số 25-NQ/TW, Kết luận số 43-KL/TW và các văn bản về công tác dân vận; ban hành và triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực hiện tốt hơn vai trò giám sát; có nhiều đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tiếp xúc cử tri; nâng cao ý thức, trách nhiệm của đại biểu hội đồng nhân dân trong việc tiếp nhận, phản

ánh ý kiến của cử tri; thực hiện dân chủ ở cơ sở được mở rộng, phát huy. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân, đặc biệt là đối thoại trực tiếp của người đứng đầu chính quyền các cấp với Nhân dân được quan tâm đúng mức. Các ban, sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo về công tác dân vận; trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được nâng lên rõ rệt.

Công tác dân vận của lực lượng vũ trang được thể hiện rõ nét trong tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác về âm mưu “diễn biến hòa bình”, “tự chuyển hóa”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch gắn với phát động mạnh mẽ phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Nắm chắc tình hình Nhân dân, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội, phối hợp làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở; tổ chức hành quân dã ngoại làm công tác dân vận; tổ chức thành công Hội thi “Dân vận khéo” của khối quân sự; xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình “Đơn vị dân vận tốt”, góp phần củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với Nhân dân.

Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hướng về cơ sở, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân được nâng cao. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên luôn quan tâm tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân. Chủ động nắm tâm tư, nguyện vọng và tập hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri

và Nhân dân. Chú trọng công tác giám sát, phản biện xã hội, nhất là giám sát và phản biện hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh, của địa phương. Tham gia tích cực hiệu quả vào các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của các địa phương, nhất là trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh... Mặt trận và các đoàn thể đã tích cực duy trì và nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; thực hiện tốt vai trò cầu nối và trực tiếp triển khai công tác an sinh xã hội.

Trong thời gian qua, công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được cấp ủy, chính quyền Hà Tĩnh đã giải quyết được nhiều vấn đề tồn đọng, khó khăn, vướng mắc ở cơ sở; đồng thời đây cũng là kênh quan trọng để các cấp chính quyền tuyên truyền, phổ biến đưa các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh vào cuộc sống; tạo mối quan hệ gần gũi, gắn kết với Nhân dân.

Công tác phối hợp giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh góp phần khẳng định công tác dân vận của hệ thống chính trị đã được triển khai thực hiện khá đồng bộ và hiệu quả theo tinh thần Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010, Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị và Quyết định 202-QĐ/TU, ngày 15/7/2011, Quyết định số 269-QĐ/TU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Qua đó, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác dân vận được nâng lên, góp phần phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, giúp tỉnh nhà vượt qua khó khăn, thách thức, duy trì được ổn định và phát triển.

Trong 10 năm qua, toàn tỉnh đã xây dựng và nhân rộng thành công 19.340 mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực, trong đó lĩnh vực kinh tế có 7.986 mô hình; văn hóa - xã hội có 5.839 mô hình; an ninh - quốc phòng có 3.328 mô hình; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có 2.187 mô hình⁽³⁾. Qua đây, đã khơi dậy và phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân; tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; giải quyết hiệu quả các vấn đề khó khăn, vướng mắc thực tiễn đặt ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân vận trên địa bàn Hà Tĩnh sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW vẫn còn những tồn tại hạn chế: Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa coi trọng đúng mức việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác dân vận; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ làm công tác dân vận, công tác vận động quần chúng có nơi chưa được quan tâm đúng mức, chưa ngang tầm với yêu cầu tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; công tác dân vận các cơ quan nhà nước tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến chuyển biến chưa đồng đều giữa địa phương, lĩnh vực, việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại một số địa phương, đơn vị chưa thật sự hiệu quả; phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng” chưa được phát huy đầy đủ; một số vấn đề vướng mắc, tồn đọng ở cơ sở chậm được chỉ đạo giải quyết dứt điểm; vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số địa phương chưa rõ nét; một số phong trào thi đua yêu nước gắn với phong trào “Dân vận khéo” chưa rộng khắp; hiệu quả phối hợp vận động nhân dân thực hiện

các nhiệm vụ chính trị, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh ở cơ sở giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền tại một số địa phương chưa rõ nét; công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, Kết luận ở một số địa phương, đơn vị chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 43-KL/TW của Ban Bí thư, Hà Tĩnh cần quán triệt và thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân vận. Tăng cường công tác tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, đường lối của Đảng, tạo sự chuyển biến đồng bộ về cả nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị đối với công tác dân vận. Xác định công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Quan tâm lãnh đạo về tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực phụ trách công tác dân vận, giữ chức vụ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; phát huy công tác dân vận của lực lượng vũ trang. Trong đó, chính quyền các cấp tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận thành các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Tiếp tục phát huy lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận, giúp đỡ Nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phòng

chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Đây mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân; tham gia thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với Nhân dân.

Thứ ba, phát huy tốt hơn nữa vai trò hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác dân vận. Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động góp phần quan trọng thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đa dạng hóa các hình thức thu hút, tập hợp đoàn viên, hội viên; sâu sát cơ sở, nắm bắt tâm tư nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Tham gia giám sát, phản biện xã hội theo tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư, nhất là giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chính sách của tỉnh có tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, vận động Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương, trọng tâm là: thực hiện Đề án xây dựng tỉnh đạt nông thôn mới, công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; giải quyết các vấn đề tồn đọng, vướng mắc ở cơ sở; thực hiện chính sách an sinh xã hội, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; công tác đảm bảo an ninh trật tự, công tác tôn giáo, dân tộc và các vấn đề nhạy cảm, phức tạp thực tiễn đặt ra. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phối hợp các chức sắc tôn giáo trong phát động, triển khai các phong trào thi đua yêu nước.

Thứ năm, quan tâm củng cố tổ chức bộ máy Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quân chúng các cấp, đội ngũ cán bộ phụ trách công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang; khối dân vận phường, xã, thị trấn đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu theo quy định. Tăng cường số lượng, đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng, phương pháp công tác dân vận cho cán bộ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở cơ sở nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới.

Có thể thấy, công tác dân vận là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong thời điểm hiện nay khi mà đất nước có nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Tăng cường đổi mới công tác dân vận được Đảng ta nhận thức và thực hiện có hiệu quả suốt thời gian qua. Niềm tin của nhân dân với Đảng vẫn luôn son sắt là bền chặt đó là nền tảng vững chắc. Do vậy, trong thời gian tới đòi hỏi cả hệ thống chính trị cần tăng cường hơn nữa đổi mới công tác dân vận nhằm xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng./.

Chú thích:

1 CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 234.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI), Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.

3 Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Báo cáo Số 317-BC/TU ngày 29 tháng 8 năm 2023 về Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 05 năm thực hiện Kết luận số 43-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH, TỪNG BƯỚC GÓP PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở HÀ TĨNH HIỆN NAY



ThS. PHAN THỊ AN PHÚ

Phòng TC, HC, TT, TL

Tóm tắt: Trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh muốn tận dụng các thời cơ, đủ sức vượt qua thách thức để duy trì sự tồn tại và phát triển thì điều cốt lõi là phải phát huy được vai trò của văn hóa trong kinh doanh. Văn hóa, đạo đức kinh doanh sẽ là chìa khóa cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ mở ra những cơ hội mới, tranh thủ được các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để từng bước xây dựng nên thương hiệu hướng đến sự phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định: “Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động”⁽¹⁾. Việc phát huy tốt vai trò của thành phần kinh tế tư nhân trong đó phải kể đến vai trò của những doanh nghiệp vừa và nhỏ là một trong các yếu tố đã, đang tạo ra những bước chuyển mình lớn đối với tình hình kinh tế tỉnh Hà Tĩnh. Hà Tĩnh hiện nay đã hình thành, phát triển một số doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực kinh doanh đa ngành có chiều hướng phát triển thành những doanh nghiệp lớn đã có những ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì thế, bên cạnh tinh thần đổi mới trong kinh doanh, khát vọng vươn lên

thì đội ngũ doanh nhân làm chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Tĩnh cần chú trọng nâng cao đạo đức trong kinh doanh, từ đó từng bước xây dựng được thương hiệu, hướng đến phát triển bền vững.

2. Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh.⁽²⁾ Đó là vận dụng đạo đức vào trong các khâu của hoạt động kinh doanh, tạo nền tảng đem lại trạng thái hài hòa giữa những hành vi hợp pháp của doanh nghiệp cùng với việc duy trì lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác. Tùy theo cách thức tổ chức, quản lý sản xuất khác nhau của từng công ty mà lựa chọn cho đơn vị phương pháp thực hiện những hành vi đạo đức kinh doanh theo nhiều cách khác nhau.

Đạo đức kinh doanh gắn liền với nghề nghiệp cụ thể có tính đặc thù là đi cùng yếu tố kinh doanh và lợi nhuận. Nhưng đó cũng là một bộ phận của đạo đức xã hội nên nó

vẫn chịu sự chi phối, ảnh hưởng từ hệ giá trị, chuẩn mực xã hội chung. Vì vậy, đạo đức kinh doanh vừa thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với xã hội vừa biểu thị triết lý kinh doanh, giá trị cốt lõi của một doanh nghiệp từ đó lựa chọn cách thức để doanh nghiệp xây dựng nên thương hiệu của mình.

Các nguyên tắc và chuẩn mực cơ bản của đạo đức kinh doanh là tính trung thực; sự tôn trọng con người; gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích khách hàng và xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội; bí mật và trung thành với các trách nhiệm đặc biệt. Trong đó tính trung thực đòi hỏi một mặt chủ thể kinh doanh không sử dụng những các thủ đoạn gian xảo hoặc phi pháp để đạt lợi nhuận, không cạnh tranh thiếu lành mạnh với các đối thủ trong kinh doanh. Mặt khác, chủ thể kinh doanh phải giữ chữ tín trong kinh doanh cụ thể là doanh nghiệp, doanh nhân luôn giữ chữ tín trong quan hệ, bảo đảm thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết với đối tác, với khách hàng và người tiêu dùng; không sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng gây độc hại đến sức khỏe con người, quảng cáo sai sự thật, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn mác và xuất xứ hàng hóa. Chủ thể kinh doanh phải chấp hành nghiêm luật pháp của Nhà nước, theo đó doanh nghiệp, doanh nhân không trốn thuế, lậu thuế, sản xuất kinh doanh những mặt hàng quốc cấm. Đối với xã hội, chủ thể kinh doanh không có các hoạt động làm ô nhiễm môi trường tự nhiên như xả thải độc hại ra môi trường, tàn phá hệ sinh thái cũng không có các hoạt động gây môi trường xã hội như kinh doanh những hàng hóa hay dịch vụ có hại cho thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng đến giáo dục con người, thực hiện các trách nhiệm xã hội. Nguyên tắc tôn trọng con người đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải tôn trọng phẩm giá, quyền lợi chính đáng từ lương, bảo hiểm, hưu trí, các

chế độ chính sách; bảo đảm an toàn lao động; tạo điều kiện phát triển về thể lực và trí tuệ của đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp; mở rộng dân chủ và khuyến khích phát huy sáng kiến, cải tiến công nghệ; tôn trọng nhu cầu, sở thích và tâm lý khách hàng; cạnh tranh lành mạnh và công bằng với đối thủ cạnh tranh, thúc đẩy không khí vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh; gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội, coi trọng hiệu quả kinh doanh gắn với trách nhiệm xã hội.

Đạo đức kinh doanh có đối tượng điều chỉnh là chủ thể hoạt động kinh doanh bao gồm tất cả các chủ thể của các quan hệ và hành vi kinh doanh, trong đó có doanh nhân và tổ chức kinh doanh như hộ gia đình, công ty, xí nghiệp, tập đoàn cũng như đối tác và khách hàng. Phạm vi đạo đức kinh doanh rất rộng vì có thể áp dụng cho tất cả các thể chế xã hội, tổ chức và cá nhân liên quan hay tác động đến hoạt động kinh doanh như thể chế chính trị, chính phủ, công đoàn, nhà cung ứng, khách hàng, cổ đông, chủ doanh nghiệp, cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp,...

Việc thực hiện đạo đức kinh doanh giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của những chủ thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh - các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự phát triển về sản xuất và tốc độ tăng trưởng cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào đạo đức kinh doanh, vào sự tăng trưởng về lợi nhuận thu được gắn liền với việc thực hành đạo đức kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là một bộ phận cấu thành quan trọng nhất của văn hóa kinh doanh, là yếu tố nền tảng tạo nên sự tin tưởng của đối tác, của khách hàng và người tiêu dùng đối với doanh nghiệp. Để xây dựng niềm tin, sự đoàn kết và trung thành của tất cả các bộ phận thuộc doanh nghiệp, bảo đảm thống nhất từ lãnh đạo đến toàn thể cán bộ, người lao động

trong doanh nghiệp có những ứng xử đúng chuẩn mực đạo đức, qua đó không ngừng nâng cao hình ảnh, uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp thì cần lấy đạo đức kinh doanh chính làm cơ sở, là gốc rễ. Sự tồn vong, phát triển cũng như lợi nhuận của doanh nghiệp chính là do người tiêu dùng quyết định, do đó doanh nghiệp muốn đạt được tỷ suất lợi nhuận cao và thành công bền vững thì phải xây dựng được nền tảng đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp mình. Việc hình thành, nâng cao chất lượng thực thi đạo đức kinh doanh là nhân tố đem lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp.

3. Từng bước tạo dựng thương hiệu xuất phát từ đạo đức trong kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Tĩnh

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thương hiệu của doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng đối với việc khẳng định vị trí, vai trò của mình trong lĩnh vực kinh doanh cũng như đánh giá hiệu quả kinh tế. Đó cũng là nền tảng để doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục phát triển trở thành doanh nghiệp lớn trong tương lai. Mục tiêu của mỗi doanh nghiệp ngoài lợi nhuận thu lại thì thương hiệu là tài sản vô hình có giá trị lớn, bảo đảm cho thành công của doanh nghiệp. Khi tự mình khẳng định được thương hiệu thì doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi như dễ dàng mở rộng khả năng tiếp cận thị trường; thiết lập nhiều cơ hội chiếm lĩnh thị trường cho các thương hiệu mạnh. Những sản phẩm mang thương hiệu uy tín được khách hàng lựa chọn nhiều hơn và có lợi thế cạnh tranh về giá so với các hàng hóa tương tự nhưng mang thương hiệu nhỏ. Sức lan tỏa của thương hiệu tỷ lệ thuận với doanh số bán hàng ngày càng tăng cao nhờ sức mạnh từ tuyên truyền và phổ biến kinh nghiệm của người tiêu dùng.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ khi đã xác lập thương hiệu sẽ có những thế mạnh nhất định trong quá trình kinh doanh và cung cấp dịch vụ của công ty đồng thời sẽ mở ra nhiều yếu tố thu hút nguồn vốn đầu tư, mở rộng các mối quan hệ liên minh, hợp tác cùng kinh doanh. Đối với các công ty hợp tác, đầu tư thì việc xác định được tiềm năng của doanh nghiệp đã có thương hiệu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh sẽ là điều kiện hạn chế mức rủi ro ở mức tối thiểu. Vì thế, thương hiệu cũng là yếu tố quan trọng giúp phía đối tác sẽ chủ động, tự tin cùng liên kết để phân nào giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp.

Đạo đức kinh doanh và tạo dựng thương hiệu là hai vấn đề quan trọng, có mối quan hệ gắn bó, ảnh hưởng qua lại tác động trực tiếp đến sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp nào xác định tôn chỉ kinh doanh dựa trên nền tảng đạo đức; lấy chữ tín, tôn trọng khách hàng; gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích khách hàng thì lâu dần sẽ tạo nên dấu ấn và có niềm tin của khách hàng đến doanh nghiệp mình. Khi tạo được thương hiệu, thu được nhiều lợi nhuận thì doanh nghiệp lại có thêm nguồn lực để thực hiện tốt hơn trách nhiệm của mình đối với cộng đồng. Lợi nhuận là mục đích quan trọng, đảm bảo sự sống còn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhưng nếu doanh nghiệp đặt lợi nhuận trong kinh doanh lên hàng đầu để bỏ qua các chuẩn mực, giá trị, nguyên tắc hoạt động và chất lượng sống của cộng đồng thì sớm muộn cũng bị người tiêu dùng, thị trường quay lưng. Ngược lại, quá trình kinh doanh của doanh nghiệp tôn trọng những giá trị đạo đức của cộng đồng, tuân theo những chuẩn mực của xã hội, từ đó hình thành nên thương hiệu - tên tuổi của mình, thì việc kinh doanh của doanh nghiệp mới thực sự hiệu quả. Nhiều bài học cho thấy, khi doanh nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận, bắt

chấp những hậu quả về mặt đạo đức đối với cộng đồng thì việc kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thậm chí dẫn tới phá sản. Vì vậy, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp phải xác định đạo đức kinh doanh là nền tảng giá trị, là phần không thể tách rời các hoạt động của doanh nghiệp. Để doanh nghiệp phát triển bền vững, đạo đức kinh doanh phải thực sự được áp dụng trong mọi mối quan hệ giữa doanh nghiệp và đối tác, khách hàng và toàn xã hội. Mối quan hệ đó càng được chứng minh rõ hơn ở những bối cảnh nền kinh tế có nhiều thay đổi.

Trong những năm vừa qua, tỉnh Hà Tĩnh đã có những quan tâm, chỉ đạo cụ thể góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp tư nhân nói chung, doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng. Tuy vậy, từ đầu năm 2022 đến 06 tháng đầu năm 2023, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Hà Tĩnh diễn ra trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức như sự bùng phát Dịch Covid -19; tác động xung đột Nga - Ukraine làm giá xăng, dầu, nguyên vật liệu biến động thiếu ổn định; sản xuất ngành công nghiệp bị ảnh hưởng do cung thị trường thép tiêu thụ chậm đã kéo theo sự sụt giảm về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực; lãi suất ngân hàng tăng cao trong những tháng cuối năm; trong sản xuất nông nghiệp chịu tác động bởi dịch bệnh, thời tiết diễn biến khó lường; lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; hầu hết các nước vẫn thắt chặt chính sách tiền tệ; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của người dân và doanh nghiệp. Theo báo cáo của cục thống kê Hà Tĩnh, tính đến ngày 20/12/2022, toàn tỉnh thành lập mới 1.380 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký gần 10.000 tỷ đồng (tăng 27,07%

về số lượng) giảm 24,61% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 7,2 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2021 là 12,21 tỷ đồng); đã hỗ trợ đào tạo trên 1.000 lượt người về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp; có trên 400 doanh nghiệp tái gia nhập thị trường, tăng hơn 18% so với năm trước; 100% doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức đã áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ; có 475 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động (tăng 12,29% so với cùng kỳ năm 2021), 192 doanh nghiệp giải thể (tăng 34,26% so với cùng kỳ năm 2021). Theo số liệu mới nhất tính đến ngày 12/7/2023, toàn tỉnh có 620 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký gần 2.530 tỷ đồng, giảm 11% số lượng và 51% số vốn; 234 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 8%; 108 doanh nghiệp giải thể, tăng 38%; 396 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 22%; doanh nghiệp kê khai phát sinh thuế đạt 41% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động (cùng kỳ năm 2022 là 44%). Lũy kế đến nay toàn tỉnh có gần 11.000 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động (đạt 73% chỉ tiêu Nghị quyết 08/NQ-TU), đóng góp 50% thu ngân sách nội địa (đạt 77% chỉ tiêu Nghị quyết), 45% tổng vốn đầu tư (đạt 75% chỉ tiêu Nghị quyết).⁽³⁾

Đổi diện với không ít trở ngại nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả tích cực. Hà Tĩnh đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; tiếp tục tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hồ sơ, thủ tục; triển khai

các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, kịp thời thông tin, tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Chỉ đạo thành lập Tổ công tác đặc biệt theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ để hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu đầu tư, thực hiện dự án. Tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp nhằm đối thoại trực tiếp, nắm bắt các khó khăn vướng mắc liên quan đến việc tiếp cận vốn vay ngân hàng để kịp thời có giải pháp xử lý, tháo gỡ. Làm việc với đoàn công tác của Chính phủ để tháo gỡ các khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu. Vì thế, mặc dù khoảng thời gian đại dịch Covid-19 diễn ra và sau đó đã gây không ít trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng các doanh nghiệp đã hình thành được văn hóa, đạo đức kinh doanh tạo nền tảng vững chắc để vượt qua khó khăn, gây dựng được thương hiệu và đồng hành cùng Nhân dân tỉnh nhà vượt qua nạn dịch. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ dần chuyển mình thích ứng với tình hình mới vừa chung tay giúp đỡ người nghèo, những người đang ở tuyến đầu chống dịch. Sự hy sinh vì lợi ích quốc gia của các doanh nghiệp đã để lại ấn tượng tốt, từ đó trở thành cơ sở để xây dựng thương hiệu cho chính các doanh nghiệp. Cụ thể như năm 2021, Công ty CP D&N Group đã tài trợ hệ thống ô-xy khí nén trị giá 1,1 tỷ đồng cho Bệnh viện Đa khoa Hà Tĩnh, đóng góp hơn 7 tỷ đồng, Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh hỗ trợ tỉnh 1,35 tỷ đồng; Công ty CP Dược Hà Tĩnh đóng góp hơn 400 triệu đồng cho các hoạt động phòng, chống COVID-19, hỗ trợ học sinh hoàn cảnh khó khăn, hoạt động chăm lo cho người nghèo... Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng thường xuyên có các hoạt động

ý nghĩa, quan tâm hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn, trích lợi nhuận kinh doanh để hỗ trợ vật tư y tế, những suất cơm, nhu yếu phẩm cho các khu cách ly... để góp sức cùng tỉnh nhà vượt qua khó khăn dịch bệnh và chia sẻ, tiếp thêm sức mạnh, niềm tin cho những người có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Đây là những hành động vừa hướng tới cộng đồng, thể hiện đạo đức kinh doanh, đồng thời góp phần xây dựng thương hiệu. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp sai phạm lợi dụng dịch bệnh để kiếm tiền, đi ngược với đạo đức kinh doanh để găm hàng, đẩy giá nhưng đều đã bị các cơ quan chức năng phát hiện, xử lý kịp thời.

4. Một số giải pháp nâng cao đạo đức kinh doanh, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hà Tĩnh

Thứ nhất, đội ngũ doanh nhân cần thường xuyên trau dồi bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp và văn hóa, đạo đức người kinh doanh; hoạt động sản xuất, kinh doanh tuân thủ đúng pháp luật, quy định của Nhà nước. Mỗi doanh nhân lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ phải nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về doanh nhân, về vị trí, vai trò của doanh nhân trong công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước. Tự nỗ lực phát huy tinh thần kinh doanh, khát vọng làm giàu chân chính trong xã hội với triết lý kinh doanh “kinh doanh gắn với trách nhiệm xã hội”. Dựa trên những đặc trưng riêng của doanh nghiệp, để thấm nhuần các nguyên tắc đạo đức kinh doanh, từ đó trở thành động lực dẫn dắt doanh nghiệp thực hiện.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp cần hình thành nên những nguyên tắc đạo đức kinh doanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và triển khai thực hiện nghiêm túc trong nội bộ doanh nghiệp. Trong những nguyên tắc đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp cần thể hiện được những yêu cầu

thực hiện đạo đức của doanh nghiệp; cam kết và trách nhiệm của doanh nghiệp với chính quyền, nhân viên và cộng đồng; đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm mà nhân viên phải thực hiện đối với đồng nghiệp, lãnh đạo, khách hàng; và các phương án giải quyết các vướng mắc liên quan đến đạo đức trong doanh nghiệp. Đồng thời, cũng có những chế tài giám sát, xử lý những vi phạm đi ngược lại những quy tắc đạo đức mà công ty đã đặt ra và khen thưởng những tấm gương điển hình trong thực hiện.

Thứ ba, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh doanh minh bạch, công bằng, lành mạnh nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Và hỗ trợ giải đáp doanh nghiệp vừa và nhỏ những vấn đề vướng mắc về luật pháp, đăng ký kinh doanh. Cần có cơ chế bảo vệ, tạo điều kiện, khuyến khích, động viên, khen thưởng xứng đáng những doanh nghiệp kinh doanh chân chính, có đóng góp lớn đối với tỉnh nhà và kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm minh những doanh nghiệp, doanh nhân đi ngược lại quy định của pháp luật gây thiệt hại cho địa phương.

Thứ tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực phát triển, cùng tham gia thực hiện các dự án, công trình, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hình thức hợp tác công - tư. Chú trọng việc đẩy mạnh thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong đầu tư, khai thác, sử dụng, kinh doanh các dự án, công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Thực hiện nghiêm túc việc giám sát, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư, việc vận hành và thu hồi vốn của các dự án kết cấu hạ tầng để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

5. Kết luận

Đạo đức kinh doanh là yếu tố cần thiết cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà

Tĩnh xây dựng thương hiệu, nhất là trước những khó khăn của nền kinh tế hiện nay. Đây cũng là nền tảng cơ bản, là nguồn sức mạnh nội sinh giúp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh tiếp tục phát triển thành những doanh nghiệp có quy mô lớn. Khi mỗi doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc theo tôn chỉ kinh doanh gắn với các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức không những củng cố, khẳng định vai trò của thương hiệu mà còn tiến tới xây dựng nên đội ngũ doanh nhân Hà Tĩnh năng động, dám nghĩ, dám làm, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thành công ở các loại hình kinh doanh.

Nâng cao đạo đức kinh doanh là quá trình bổ sung thêm những giá trị, sức mạnh mềm, tạo uy tín, lợi thế trong hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp vừa và nhỏ. Quá trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng sâu rộng thì đạo đức kinh doanh trở thành yếu tố tạo ra sự khác biệt, tạo nên những đặc sắc riêng của mỗi một doanh nghiệp đối với cộng đồng, khách hàng. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp chủ động xây dựng văn hóa kinh doanh, xây dựng thương hiệu tạo động lực cho sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp. Sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh là một trong những yếu tố thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nhà hiện nay và những giai đoạn tiếp theo./.

Chú thích:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 130.
2. PGS.TS. Hoàng Văn Hải, TS. Đặng Thị Hương (Đồng chủ biên), (2022), Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trang thông tin điện tử UBND tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023, <https://hatinh.gov.vn/vi/chi-dao-dieu-hanh/tin-bai/16321>, truy cập vào 12/8/2023.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP Ở XÃ THẠCH HẠ, THÀNH PHỐ HÀ TĨNH THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN



ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước nói chung và mỗi địa phương nói riêng. Để phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện. Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, cấp uỷ, chính quyền xã Thạch Hạ, Thành phố Hà Tĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương đạt được nhiều kết quả tích cực.

Nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ngày 16/6/2022 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng của nông nghiệp; đồng thời nêu bật những thành tựu to lớn của toàn Đảng, toàn dân ta sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW. Quan điểm của Nghị quyết số 19-NQ/TW nêu rõ: Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương,

tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo... Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hoà, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và cư dân nông thôn, bảo đảm quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nhất là các địa bàn chiến lược trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững...

Quán triệt quan điểm và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 19-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh đã biết tận dụng ưu thế “nhất cận thị, nhị cận giang”, khắc phục những hạn chế của mình để phát triển kinh tế nông nghiệp. Thạch Hạ là một xã ven đô nằm về phía bắc của Thành phố Hà Tĩnh, có tổng diện tích tự nhiên là 726 ha, với hơn 8000 nhân khẩu, trong đó có 60% đồng bào có đạo. Hiện tại, Thạch Hạ có tốc độ tăng trưởng và thu nhập bình quân đầu người khá

cao so với mức bình quân chung của tỉnh. Trong những năm qua, được sự quan tâm hỗ trợ của Thành phố, sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, chủ động của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, nhân dân và doanh nghiệp, xã Thạch Hạ đã đạt được những kết quả tích cực trên lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể như sau:

Về phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng: Thạch Hạ đã biết cách khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp, lợi thế của vùng, miền, phát triển mạnh giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua triển khai các mô hình sản xuất như: đưa giống lúa ST25 vào sản xuất thử tại vùng tích tụ ruộng đất Vùng Học và Vùng Ghè, đây là giống lúa chất lượng cao được sản xuất theo hướng hữu cơ và đang từng bước xây dựng thương hiệu gạo ST25 của Hợp tác xã dịch vụ Liên Nhật. Bên cạnh trồng lúa hợp tác xã này đã kết hợp thêm nuôi trồng thủy sản và phát triển dịch vụ du lịch tạo thành mô hình nông nghiệp sinh thái tuần hoàn “3 trong 1” phù hợp theo định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, bền vững của ngành nông nghiệp và của Thành phố Hà Tĩnh. Ngoài ra, trong việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao hơn, xã Thạch Hạ đã xây dựng thành công mô hình HTX Trồng dưa lưới trong nhà màng 20.000 m²; xây dựng công viên nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái; các mô hình nuôi trồng thủy sản như nuôi cua trong hộp nhựa, nuôi tôm 3 giai đoạn công nghệ cao; thực hiện các mô hình như rau thủy sinh ở Đập Học, rau muống Tiên Vua, cây đu đủ đực, cây dừa mật; mô hình trồng sen cao sản Bách Diệp ở thôn Liên Thanh; có nhiều mô hình sản xuất được nhân rộng và phát triển với doanh thu trên 20 tỷ đồng; hàng chục

mô hình phát triển kinh tế doanh thu từ 1 tỷ đến 10 tỷ đồng, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động... Thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, hiện Xã Thạch Hạ có sản phẩm Bún sạch An Tâm được đánh giá đạt tiêu chuẩn Ocop 3 sao. Ngoài ra xã đẩy mạnh việc tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại với kết quả đạt được lũy kế đến nay 41,06/67,2ha, đạt 61,1%KH.

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn: Thông qua việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, môi trường chính trị ổn định, môi trường văn hóa phù hợp, môi trường pháp lý rõ ràng, minh bạch, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận với các thủ tục, văn bản pháp lý của nhà nước do vậy đã thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, xã Thạch Hạ đã xây dựng quy hoạch khu du lịch dịch vụ sinh thái ven sông tại vùng Đồng Ghè được UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời tập trung phát triển nơi đây thành điểm nhấn đặc trưng của địa phương và của Thành phố, gắn với phát triển tổ hợp nhà hàng dịch vụ ẩm thực đặc sản mang thương hiệu Thạch Hạ. Xây dựng vùng ẩm thực Đồng Ghè đã giải quyết bài toán khép kín từ khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nuôi trồng thủy sản của xã. Ngoài ra, nơi đây còn phục vụ vui chơi giải trí, tạo không gian xanh, vừa phát triển thương mại dịch vụ, du lịch nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu nhằm phát triển kinh tế - xã hội và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Để góp phần thực hiện quảng bá các sản phẩm của vùng, xã Thạch Hạ đã tổ chức các hoạt động như “Phiên chợ quê”, “Giải đua thuyền truyền thống và các trò chơi dân gian” thu hút đông đảo các tầng lớp người dân và du khách thập

phương về tham gia lễ hội, trải nghiệm, từ đó góp phần khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông sản, đặc sản của xã Thạch Hạ nói riêng, các sản phẩm OCOP của tỉnh nói chung. Đặc biệt Xã mở các lớp tập huấn chế biến các món ăn đặc sản và kỹ năng kinh doanh, bán hàng cho người dân để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng tốt nhất, đẩy mạnh cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Để đạt được kết quả như trên, cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu tại xã Thạch Hạ đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình, thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo một cách sâu sát, kịp thời, đồng thời triển khai thực hiện, ban hành và cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cấp ủy, chính quyền xã Thạch Hạ luôn bám sát định hướng chỉ đạo, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, lấy 5 tiêu chí làm đích hướng tới: lấy quy hoạch là tiền đề, lấy phát triển sản xuất là gốc, lấy việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân làm mục tiêu, lấy lợi ích mang lại cho người dân và cộng đồng là động lực, lấy sự hài lòng của người dân là bí quyết của thành công.

Bên cạnh đó, nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, Thạch Hạ đã đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn. Với đặc thù của địa bàn có đông giáo dân, xã đã vận động linh mục, các chức sắc, chức việc tôn giáo có uy tín, có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng và xã hội vào cuộc cùng đồng hành với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền cho các đối tượng bằng cả hình thức trực tiếp và gián tiếp. Đề từ đó

người dân đồng lòng, đoàn kết ủng hộ các chủ trương mà cấp chính quyền đưa ra.

Bên cạnh những kết quả nổi bật đạt được trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Thạch Hạ vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định như sau:

Cơ chế pháp lý, chính sách, pháp luật về đất đai cho phát triển nông nghiệp vẫn còn nhiều bất cập, ruộng đất manh mún, phân tán vẫn là rào cản lớn trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Cơ chế, chính sách về quản lý, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang mục đích khác có nhiều vướng mắc, nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn như các chính sách quy định về hạn điền, thời hạn thuê đất...

Nguồn lực tài chính của xã vẫn còn hạn hẹp, thiếu kinh phí cho đầu tư, duy tu kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp trên bàn như hạ tầng giao thông, công trình thủy lợi, kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng nông thôn mới... Một phần lý do nguồn ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, phụ thuộc nhiều vào nguồn bổ sung cân đối từ cấp trên, nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất, trong khi tỷ lệ phân bổ nguồn vốn từ nguồn tiền đất được bố trí cho xã quá thấp, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Thành phố Hà Tĩnh theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố còn hạn chế.

Về nguồn nhân lực, phần đông nông dân eo hẹp về nguồn lực tài chính, lao động chủ yếu là người già và phụ nữ lớn tuổi, thiếu kiến thức về sản xuất hàng hóa, thiếu hiểu biết về kinh tế thị trường, chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm, phong trào. Trong khi ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và đưa vào thị trường theo chuỗi đòi hỏi nông dân có một trình độ kiến thức nhất định về công nghệ thông tin. Với nông dân trẻ, đây là điều không quá khó, còn với những nông thế hệ trước, phải trải qua đào tạo tập huấn lâu dài mới có thể tiếp thu và thực hiện được. Chính vì vậy, việc tiếp thu các kiến thức, quy trình công nghệ mới còn hạn chế.

Việc tích tụ ruộng đất để chuyển đổi mô hình sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật còn đạt kết quả chưa cao do một số người dân còn chưa đồng tình, mang nặng tư tưởng giữ đất chờ đền bù, thà bỏ hoang nhưng không muốn cho thuê, chưa mạnh dạn đầu tư các mô hình sản xuất đảm bảo qui mô để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Công tác chỉ đạo của một số ban ngành trong quản lý Nhà nước trên một số mặt vẫn còn bị động, lúng túng và thiếu quyết liệt. Việc phối kết hợp giữa các ngành, trong giải quyết các nhiệm vụ, đặc biệt là các nhiệm vụ tồn đọng, vướng mắc hiệu quả chưa cao.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, chuyển định hướng từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, chính quyền địa phương cần tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và địa phương về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh. Kịp thời rà soát các cơ chế, chính sách đang vướng mắc cần tháo gỡ nhằm hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao giá trị ngành nông nghiệp. Trong đó, cần tập trung tham mưu, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với thẩm quyền của địa phương để giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp của xã.

Thứ hai, tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thông tin, truyền thông, tập huấn về các cơ chế, chính sách, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, gắn với các phong trào cụ thể “làm dân thầy, nói dân nghe, tuyên truyền bằng hành động” để nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy của người dân. Phát huy vai trò chủ thể của nông

dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đặc biệt là các doanh nghiệp nông nghiệp tham gia phát triển kinh tế nông nghiệp. Công tác tuyên truyền cần phải thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau và thông tin đến với nhân dân phải được bảo đảm đầy đủ, rộng rãi qua các phương tiện truyền thông và hiện đại.

Thứ ba, tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở địa phương nhằm nâng cao trình độ tay nghề, từng bước “trí thức hóa nông dân”, có cơ chế, chính sách đãi ngộ tạo việc làm tại chỗ cho thanh niên nông thôn, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về phục vụ khu vực nông thôn. Cần đề cao tinh thần hướng nghiệp, khởi nghiệp và lập nghiệp để thúc đẩy người lao động ở nông thôn đổi mới sáng tạo. Quan tâm, chú trọng mở rộng, phát triển một số nghề truyền thống để mang lại hiệu quả kinh tế đồng thời thu hút, giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động ở nông thôn.

Thứ tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, công chức địa phương có năng lực, có trình độ hiểu biết về quản lý kinh tế trên các lĩnh vực, có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, liêm chính đáp ứng yêu cầu về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thứ năm, kiến nghị về các quy định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các chính sách tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất nông nghiệp như: hạn mức sử dụng đất nông nghiệp; lĩnh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; quy định mở rộng đối tượng được nhận chuyển nhượng đất trồng lúa./.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TỈNH ĐẠT CHUẨN MỨC 1



ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH

Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Ban Bí thư Trung ương đã ban hành Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 về trường chính trị chuẩn, trong đó xây dựng đội ngũ giảng viên là nhiệm vụ hàng đầu, có vai trò quyết định trong xây dựng trường chính trị tỉnh đạt chuẩn. Việc đánh giá thực trạng, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên tại Trường Chính trị Trần Phú đáp ứng yêu cầu chuẩn mức 1 là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong giai đoạn hiện nay, để Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức vào năm 2025.

Ngày 19/5/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Quyết định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, quy định cụ thể yêu cầu chuẩn hóa toàn diện các mặt công tác của trường chính trị, là cơ sở quan trọng để triển khai thực hiện công tác trường chính trị theo hướng đồng bộ, hệ thống, khoa học, chuẩn mực, nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện các mặt công tác trường chính trị, xây dựng trường chính trị cấp tỉnh trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trung tâm nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ở địa phương, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; cung cấp luận cứ phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách của địa phương. Để đạt mục tiêu này, các trường chính trị cấp tỉnh cần được chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, giảng viên; chuẩn hóa các điều kiện phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; chuẩn hóa về mô hình tổ chức và hoạt động của trường theo 2 mức: chuẩn mức 1 và chuẩn mức 2. Trong đó yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, giảng viên là

một yêu cầu bắt buộc, vừa có tính cấp bách, trước mắt vừa có tính chiến lược, lâu dài.

Xuất phát từ yêu cầu chung như trên, trong những năm qua, Trường Chính trị Trần Phú luôn quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các phòng, khoa chuyên môn của nhà trường đã có nhiều giải pháp khoa học, phù hợp để từng bước nâng cao chất lượng mọi mặt cho đội ngũ giảng viên. Vì vậy, đội ngũ giảng viên của nhà trường đã có sự chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt, sau khi Thường trực Tỉnh ủy Hà Tĩnh khóa XIV có chủ trương cho phép Trường Chính trị tỉnh tiếp nhận giảng viên là những sinh viên trẻ tốt nghiệp từ các trường đại học không phải các trường thuộc hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và có thể chưa phải là đảng viên, ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường đã tăng nhanh về số lượng.

Hiện nay, Trường Chính trị Trần Phú có 29 giảng viên, trong đó có 11 giảng viên kiêm nhiệm, 02 giảng viên có trình độ tiến

sỹ, 27 giảng viên có trình độ thạc sỹ, có 21 giảng viên chính, 01 chuyên viên cao cấp. Nhìn chung đội ngũ giảng viên của Trường chính trị Trần Phú có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn có ý thức khắc phục khó khăn, không ngừng phấn đấu học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Một số giảng viên tuy tuổi đời còn trẻ nhưng khá chững chạc, nghiêm túc, tâm huyết trong nghề nghiệp. Đại bộ phận giảng viên có phong cách, đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Trong những năm qua nhà trường đã có 07 giảng viên được công nhận là giảng viên dạy giỏi toàn quốc, trong đó có 03 giảng viên đạt loại xuất sắc; có 21 giảng viên đạt giảng viên dạy giỏi cấp trường.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản trên, đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị Trần Phú vẫn còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém như: Một số giảng viên còn thiếu kiến thức thực tiễn, nhất là thực tiễn ở cơ sở xã, phường, thị trấn, do vậy, một số bài giảng còn nặng về lý luận, chưa gắn lý luận với thực tiễn, chưa hướng mạnh vào việc giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; tính tích cực, chủ động, yêu nghề, tự tin trong giảng dạy của một bộ phận giảng viên còn hạn chế; phương pháp giảng dạy của một số giảng viên còn nặng về truyền thụ một chiều, hiệu quả áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực vẫn còn một số hạn chế nhất định. Nhìn chung, so với yêu cầu nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ xây dựng Trường đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025 thì trình độ, năng lực của đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị Trần Phú, đáp ứng tiêu chí về đội ngũ giảng viên của trường chính trị đạt chuẩn

mức 1 vào năm 2025, trước mắt cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, kiên quyết thực hiện việc đưa giảng viên đi thực tế tại cơ sở theo tinh thần Nghị quyết 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVI. Có thể thấy rõ rằng đội ngũ giảng viên trẻ của Trường Chính trị Trần Phú có thể mạnh là được đào tạo cơ bản, 100% giảng viên là thạc sỹ, nhưng cũng có điểm yếu là vốn kiến thức thực tiễn của cơ sở còn mỏng. Do đó, trong quá trình giảng dạy còn có biểu hiện thiếu tự tin, thiếu kiến thức thực tiễn. Vì vậy, chủ trương đưa giảng viên đi thực tế tại cơ sở là cơ hội thuận lợi để nhà trường nhanh chóng giúp đội ngũ giảng viên trưởng thành. Với đặc thù là những giảng viên trẻ, chưa có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn tại cơ sở, theo chúng tôi không nên đưa giảng viên về làm cán bộ ở cơ sở, mà nên lựa chọn mỗi năm 3 đến 4 giảng viên “biệt phái” về làm chuyên viên theo dõi các xã, phường, thị trấn tại các ban Đảng hoặc phòng, ban của UBND huyện, thị trong thời gian ít nhất là 9 tháng đến 01 năm. với chế độ, chính sách như vẫn ở tại trường.

Thứ hai, nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế tạo thuận lợi để giảng viên được đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và nghiên cứu kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cao cấp lý luận chính trị, để đến cuối năm 2025 có 100% số giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và chính trị. Đồng thời tích cực vận động, tạo thuận lợi để giảng viên đủ tiêu chuẩn được xét hoặc thi thăng hạng giảng viên đúng niên hạn.

Thứ ba, tăng cường công tác thao giảng, dự giờ, sát hạch, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, xếp loại giảng viên theo định kỳ hàng tháng, trên cơ sở đó không bỏ trí những giảng viên chưa đảm bảo tiêu chuẩn,

trình độ, phẩm chất đạo đức, lối sống lên lớp. Đối với đội ngũ giảng viên nói chung, giảng viên trẻ nói riêng rất cần sự đánh giá một cách khách quan, trung thực, chân thành của lãnh đạo nhà trường, của đồng nghiệp, của học viên. Đây vừa là một giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn vừa là nguồn động lực lớn giúp cho giảng viên vươn lên trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Trong thời gian tới nhà trường cần quan tâm đúng mức hơn, thực chất hơn các hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên môn, đúc rút, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, sát hạch giảng viên và đánh giá xếp loại cho giảng viên theo từng thời gian cụ thể.

Thứ tư, là có cơ chế, chính sách phù hợp để đội ngũ giảng viên tiếp cận được những thông tin mới của hoạt động lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh và được đi tham quan, học hỏi ở nước ngoài để mở rộng tầm hiểu biết của mình. Bên cạnh việc tiếp nhận những sinh viên từ các trường đại học về trường, cũng cần quan tâm lựa chọn những cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp đảm bảo tiêu chuẩn về giảng dạy tại trường chính trị tỉnh.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, nâng cao trình độ, kỹ năng nghiên cứu của giảng viên. Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường đã có chuyển biến mạnh mẽ, bám sát nhiệm vụ chính trị, tập trung vào những vấn đề lý luận và thực tiễn mới của địa phương đang đặt ra. Trong thời gian tới, các hoạt động nghiên cứu khoa học cần tiếp tục được triển khai nghiêm túc, bài bản, bảo đảm quy trình, tiến độ, chất lượng, hiệu quả; phải chú trọng hơn về tính thực tiễn; coi trọng tính ứng dụng, xã hội hóa kết quả nghiên cứu, trên quan điểm lấy chất lượng, tính khả thi và hiệu quả làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh

giá kết quả hoạt động khoa học. Tuyển chọn một số cán bộ, giảng viên có đủ năng lực, điều kiện để tham gia các nhóm chuyên gia của Học viện; tham gia các đề tài nghiên cứu, viết bài tham luận hội thảo khoa học do Học viện chủ trì; tham gia xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu bồi dưỡng; tham gia các hội đồng nghiệm thu, đánh giá, thẩm định. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác nghiên cứu khoa học với công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học phải làm tiền đề, thúc đẩy, tạo đà cho chất lượng giảng dạy.

Thứ sáu, đối với từng giảng viên cần phát huy tính chủ động, sáng tạo của mình, coi trọng nghề nghiệp đã lựa chọn, không ngừng học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng, phương pháp sư phạm, đạo đức lối sống, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong chuyên môn cũng như trong cuộc sống để không ngừng vươn lên đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Đây chính là động lực bên trong của việc nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên nhà trường.

Trường chính trị tỉnh là nơi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, Nhà nước, là nơi “huấn luyện” cán bộ, với những đặc trưng, đặc thù và yêu cầu khác hơn các trường học khác, vì vậy, đội ngũ giảng viên của trường cũng sẽ có những tiêu chuẩn, yêu cầu cao hơn, khắt khe, toàn diện hơn. Điều đó đòi hỏi mỗi một giảng viên phải phấn đấu không ngừng vừa nâng cao trình độ lý luận vừa nâng cao kiến thức thực tiễn và rèn luyện tác phong, lối sống chuẩn mực, tạo dựng được “hình ảnh” người giảng viên trường Đảng vừa mang dấu ấn truyền thống vừa phát huy được thế mạnh trẻ trung, năng động, là tấm gương để “huấn luyện” cán bộ cho Đảng và Nhà nước. Nếu đội ngũ giảng viên thực hiện tốt các nội dung nêu trên, chúng ta tin tưởng đến cuối năm 2025, Trường Chính trị Trần Phú sẽ được công nhận là trường chính trị đạt chuẩn mức 1./.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 1



VÕ THỊ QUYÊN

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Trong những năm vừa qua, Công đoàn Trường Chính trị Chính trị Trần Phú đã đạt nhiều kết quả nổi bật trên các mặt hoạt động, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của nhà trường. Trước yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, việc tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công đoàn Trường là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh, đồng thời góp phần xây dựng Trường Chính trị Trần Phú phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu Trường chính trị đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025.

Công đoàn Trường Chính trị Trần Phú hiện nay có 41 đoàn viên, trong đó, có 22 nữ và 35 đảng viên. Về trình độ chuyên môn: Đại học trở lên 37/41 đoàn viên (90,24%), trong đó 02 tiến sĩ; 30 thạc sĩ; trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp lý luận chính trị 26 đồng chí, trung cấp lý luận chính trị 10 đồng chí; giảng viên có 29 đồng chí, trong đó: Giảng viên cao cấp 01 đ/c; giảng viên chính, chuyên viên chính 21 đồng chí.

Trong những năm qua, Công đoàn Trường Chính trị Chính trị Trần Phú đã đạt nhiều kết quả nổi bật trên các mặt công tác. Ban chấp hành Công đoàn đã chủ động tham mưu với cấp ủy, phối hợp với chuyên môn tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động (CBVCNLĐ) hàng năm đảm bảo thời gian quy định, đúng quy trình và đầy đủ các nội dung. Việc tổ chức Hội nghị đã phát huy vai trò dân chủ trực tiếp của cán bộ đoàn viên trong việc thảo luận các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện chuyên môn, ký kết giao ước thi đua, tham gia góp ý điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường phù hợp với tình hình thực tế và bảo đảm với quyền

lợi của cán bộ, viên chức, người lao động. Công đoàn đã phát huy tốt vai trò trong đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho cán bộ đoàn viên; việc giám sát kiểm tra thực hiện Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách liên quan đến cán bộ đoàn viên như nâng lương, chuyển ngạch, thanh toán các chế độ BHYT, BHXH, chăm lo cải thiện điều kiện làm việc cho CBVC đảm bảo công khai, dân chủ. Ban Chấp hành Công đoàn thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống, việc làm, tư tưởng, tâm trạng và thăm hỏi, động viên cán bộ đoàn viên kịp thời khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Ban Thanh tra Nhân dân triển khai giám sát thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan và các hoạt động của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng trong phân phối vật chất, quyền lợi về chính trị cho cán bộ, viên chức và người lao động.

Hưởng ứng phong trào đền ơn đáp nghĩa, hàng năm Công đoàn phối hợp với Đảng ủy, Ban Giám hiệu tổ chức tặng quà, thăm hỏi bố, mẹ đoàn viên thuộc diện thương binh, mẹ liệt sỹ, gia đình chính sách trong cơ quan nhân ngày 27/7 (mỗi suất quà 300.000đ); tổ

chức dâng hương tại khu mộ đồng chí Trần Phú, nghĩa Trang liệt sỹ Núi Nài và khu di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc. Tổ chức phát quà cho các cháu là con cán bộ, viên chức và người lao động trong cơ quan nhân ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu. Công tác hiếu, hỉ được quan tâm thực hiện tốt. Tổ chức chương trình tết cho cán bộ, đoàn viên như nấu bánh chưng xanh, trao quà cho đoàn viên ăn tết gồm gạo, nếp, dầu ăn, dò me, nước mắm... Hoạt động được đoàn viên ghi nhận và đánh giá cao. Thực hiện việc nộp quỹ “Mái ấm công đoàn” và “Quỹ hỗ trợ đặc biệt khó khăn” đúng và đủ theo quy định của cấp trên.

Công đoàn đã phối hợp với Đảng ủy và Công đoàn cơ sở Khối Đảng tổ chức cho cán bộ, đoàn viên học tập, nghiên cứu đầy đủ, kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tổ chức nghiên cứu, học tập Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, chuyên đề toàn khóa và hằng năm gắn với việc thực hiện Chỉ thị 35, Kết luận 05 - KL/TU, Chỉ thị 20 -CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kết luận 05-KL/TU ngày 29/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp, tinh giản biên chế bộ máy, nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của các cơ quan đơn vị; Quyết định 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 22/11/2017 về Ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục nhân kỷ niệm ngày thành lập Đảng, “mừng Đảng, mừng Xuân”, các ngày lễ lớn của đất nước, của nhà trường; phối hợp với chuyên môn tổ chức ký Bản cam kết thực hiện các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và xây dựng nếp sống văn hóa giao thông; cam kết thực hiện DSKHHGD và nói không với các tệ nạn xã hội; phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao “Xây dựng nếp

sống văn hóa” đã tạo ra những sân chơi bổ ích, thu hút được sự quan tâm của đông đảo CBVCLĐ và học viên tham gia, như: Tổ chức giải bóng chuyền truyền thống Trường chính trị nhân kỷ niệm thành lập trường; phong trào dự giờ, thao giảng chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam. Tổ chức gặp mặt đầu, rằm ngày 20/11; thực hiện tốt việc đỡ đầu xây dựng NTM tại xã Sơn Trà, xã Trường Sơn huyện Đức Thọ và xã Hòa Hải, huyện Hương Khê; Thôn Nam Hà, xã Điền Mỹ, huyện Hương Khê tổng tiền hỗ trợ 256.000.000đ. Hằng năm BCH công đoàn đã phối hợp với nhà trường tặng từ 20 - 30 suất quà tết cho người nghèo với tổng giá trị 15 triệu đồng.

Hằng năm, Công đoàn cùng chuyên môn thực hiện ký giao ước thi đua và quy chế phối hợp Công đoàn và Ban Giám hiệu nhằm động viên đoàn viên thi đua hoàn thành tốt nhất kế hoạch nhiệm vụ đề ra; động viên cán bộ, công chức, viên chức và lao động hằng hái, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua: “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Xây dựng cơ quan văn hóa, ngày làm việc 8 giờ chất lượng, hiệu quả”, thi đua “Dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt”; phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ cán bộ, viên chức gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Chỉ thị 35/2008, Kết luận 05/2011, Chỉ thị 20/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 33/2011, Quyết định 31/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ với mục tiêu xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức, lao động “Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”. Công đoàn động viên đoàn viên tham gia đầy đủ và có trách nhiệm các đề tài khoa học cấp tỉnh, viết bài Thông tin Lý luận và Thực tiễn, bài đăng trang website nhà trường, Hội thảo khoa học cấp tỉnh, cấp Học viện và cấp Trường; tổ chức hoạt động dự giờ, thao giảng góp ý, rút kinh nghiệm cho các đoàn viên là giảng viên, nâng cao chất lượng bài giảng; động viên cán bộ,

đoàn viên tham gia viết tài liệu nông thôn mới, xuất bản sách chuyên khảo...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của Công đoàn Trường Chính trị Trần Phú vẫn còn một số hạn chế: Việc chủ động phát hiện, đề xuất về chế độ, chính sách cho đoàn viên công đoàn có thời điểm chưa kịp thời; công tác tuyên truyền vận động đoàn viên công đoàn học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là tham gia học nghiên cứu sinh chưa đạt yêu cầu; chưa chủ động trong việc tổ chức thực hiện một số phong trào thi đua về xây dựng tác phong hình ảnh, thực hiện văn hóa công sở; một số tổ công đoàn chưa duy trì được nề nếp sinh hoạt thường xuyên, còn kết hợp với buổi sinh hoạt của chuyên môn, còn mang tính hình thức; chưa tổ chức cho chị em nghe, tư vấn nhiều các chuyên đề về giới, người phụ nữ hiện đại; phong trào thể dục thể thao, câu lạc bộ tạo sân chơi cho đoàn viên nữ còn hạn chế; chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, viên chức và người lao động.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công đoàn Trường Chính trị Trần Phú, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Một là, Ban Chấp hành Công đoàn cần nâng cao tinh thần trách nhiệm, chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ công đoàn; học tập và vận dụng những bài học kinh nghiệm trong hoạt động công đoàn. Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện sổ sách quản lý, tổ Công đoàn theo quy định.

Hai là, kịp thời tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, sự phối kết hợp với Ban Giám hiệu để xây dựng kế hoạch toàn khóa hàng năm của Công đoàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường và tâm tư nguyện vọng của đoàn viên.

Ba là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật, việc chấp hành nội quy, quy chế làm việc cho CBCCVCLĐ. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực

hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Bốn là, tăng cường nâng cao năng lực hoạt động của Ban Chấp hành Công đoàn. Đổi mới, nâng cao chất lượng tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động để thực sự là đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của ĐVCD và người lao động; chủ động và tích cực trong việc triển khai thực hiện các chế độ, chính sách liên đến người lao động. Thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.

Năm là, Chỉ đạo Ban Nữ công hoạt động hiệu quả các phong trào, tổ chức nhiều hoạt động thu hút đoàn viên tham gia như tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề “Vai trò của phụ nữ trong công tác bình đẳng giới”, “Người phụ nữ hiện đại”, “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” nâng cao hiểu biết và tinh thần cho đội ngũ cán bộ nữ. Tạo sân chơi bổ ích để cán bộ nữ vui chơi, gắn kết

Sáu là, tiếp tục phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức tốt dự giờ, thao giảng, đánh giá chất lượng giảng viên, gắn với phong trào thi đua “*dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt*”, thực hiện nghiêm túc và chất lượng Hội thi Giảng viên dạy giỏi, tham gia đầy đủ các hoạt động nghiên cứu khoa học mà nhà trường đã đề ra.

Bảy là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, chất lượng hoạt động; nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát chuyên môn gắn với các hoạt động của tổ chức Công đoàn.

Tám là, phối hợp với các bệnh viện đầu ngành tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho CBVCNLD. Hoạt động này nhằm kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, viên chức và người lao động để có sự điều chỉnh công việc phù hợp, đồng thời giúp phát hiện sớm nhất những dấu hiệu bất thường, nguy cơ phát triển thành bệnh lý nguy hiểm./.

ĐỔI MỚI MÔI PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH



ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trường khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: *Nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ trong tình hình hiện nay đang là sự đòi hỏi cần thiết và cấp bách. Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 04/6/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý nêu rõ quan điểm: Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý là nhiệm vụ quan trọng của Đảng. Mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, gắn học tập với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tư cách người cách mạng. Quan điểm trên đặt ra những yêu cầu mới đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc đổi mới phương pháp học tập lý luận chính trị, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.*

Qua hơn 35 năm đổi mới, Đảng ta đã hình thành được hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mặc dù vậy, vẫn còn không ít vấn đề lý luận chưa được luận chứng khoa học thấu đáo, sức thuyết phục chưa cao, còn nhiều ý kiến khác nhau, ảnh hưởng không chỉ đến hiệu quả lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước mà còn tới sự thống nhất nhận thức, hành động trong Đảng và toàn xã hội. Để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, làm cho Đảng ngang tầm nhiệm vụ, cần phải đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu ý luận một cách khoa học, phát huy cao độ dân chủ trong công tác tư tưởng, lý luận, khuyến khích

tìm tòi, sáng tạo, tự do tư tưởng, để làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề lý luận có tầm quan trọng chiến lược lâu dài và cả những vấn đề lý luận cấp thiết đang đặt ra.

Học tập nói chung và học tập lý luận chính trị nói riêng thực chất là quá trình phát triển nhận thức sinh động của người học. Trong quá trình đó bằng việc vận dụng các phương pháp, kỹ năng, kỹ xảo, người học chuyển hóa, biến những tri thức phong phú của nhân loại trở thành hiểu biết của bản thân. Vì vậy, việc học tập đòi hỏi người học phải có tính tích cực tìm kiếm tri thức, xây dựng các phương pháp, kỹ năng học tập hiệu quả để lĩnh hội tri thức khoa học. Các môn lý luận trang bị cho học viên những tri thức lý luận chính trị cơ bản, từ đó hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, hình thành tính tích cực tham gia

vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước. Song, thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị còn nhiều bất cập, nhất là bệnh lười học lý luận chính trị trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Vấn đề này đòi hỏi các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải nhận diện được các biểu hiện lười học chính trị, xây dựng giải pháp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, khắc phục tình trạng lười học của học viên các lớp thuộc chương trình trung cấp lý luận chính trị.

1. Căn cứ của việc đổi mới phương pháp học tập lý luận chính trị.

Thứ nhất, việc đổi mới phương pháp học các môn khoa học lý luận chính trị, trước hết xuất phát từ tư duy, quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Đối với Đảng ta, kiên trì, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có tính nguyên tắc, là điểm xuất phát của tư duy chính trị mới. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin là nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh nước ta, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã xác định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”⁽¹⁾. Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đại hội X của Đảng, một lần nữa, khẳng định sự nhất quán trong tư duy: Đổi mới nhưng không đổi màu, đổi mới nhưng không thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác

- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm về mục tiêu và con đường đạt mục tiêu của cách mạng của nước ta là rõ ràng. Bởi vậy, việc đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, đổi mới một khâu trong đó phương pháp dạy và học, đòi hỏi cũng phải xuất phát từ tư duy, quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Nghị quyết Trung ương 5, Khóa IX về công tác tư tưởng, lý luận, nhấn mạnh: “Cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả... Phát huy tính chủ động sáng tạo của người học, dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự đọc các tác phẩm lý luận và văn kiện của Đảng”.

Trên cơ sở đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, toàn diện nhằm tạo bước chuyển biến cơ bản về phát triển giáo dục và đào tạo; xuất phát từ thực trạng công tác giáo dục, đào tạo thời gian qua, từ yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, Đại hội X của Đảng khẳng định: “Ưu tiên hàng đầu việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên. Coi trọng bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, gắn liền lập nghiệp bản thân với tương lai của cộng đồng, của dân tộc, trau dồi cho học sinh, sinh viên bản lĩnh, phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại”⁽²⁾.

Thứ hai, xuất phát từ thực trạng học các môn khoa học lý luận chính trị trong hệ thống các trường chính trị tỉnh. Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị bao gồm 05 khối kiến thức, trang bị cho

học viên hệ thống lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng và đường lối của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Quản lý hành chính nhà nước và kỹ năng lãnh đạo, quản lý; thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương. Đây là khối kiến thức cơ bản nhằm trang bị thể giới quan, phương pháp luận khoa học để hình thành bản lĩnh chính trị, lập trường giai cấp công nhân, mục tiêu, động cơ học, từ đó hình thành niềm tin khoa học và lý tưởng cách mạng trong sáng cho người học. Đây cũng là khối kiến thức vô cùng quan trọng, không thể thiếu để hình thành phương pháp tư duy, phương pháp nhận thức và hành động cũng như nhân cách của đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị, bên cạnh những thành công không thể phủ nhận, cũng còn nhiều bất cập trong tổ chức dạy, học và đánh giá, kiểm tra, thậm chí không ít người hoài nghi về khối kiến thức này, từ đó có những quan niệm không đúng, đòi huỷ bỏ các môn học này hoặc cắt giảm thời gian học.

Việc đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị đã có bước chuyển đáng kể. Có không ít trường đã từng bước hình thành giáo trình, giáo án điện tử và áp dụng khá phổ biến các thiết bị kỹ thuật hiện đại vào dạy học các môn khoa học lý luận chính trị. Song nhìn chung, phương pháp dạy và học ở nhiều trường cũng vẫn chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ, giảng dạy vẫn chủ yếu bằng phương pháp thuyết trình, độc thoại. Trong quá trình giảng dạy, đôi khi thầy có đặt câu hỏi để buộc người học tập trung vào bài giảng của thầy, nhưng thực chất vẫn chưa huy động được học viên tham gia tích cực để “thầy, trò cùng nhau chinh phục chân lý”. Hầu hết vẫn chưa

thoát khỏi tình trạng, việc giảng là của thầy, việc nghe, ghi chép để thi theo bài giảng của thầy là nhiệm vụ của trò, gần như hai quá trình tách biệt.

Về tâm lý, cả thầy và trò đều chưa sẵn sàng thực hiện quá trình dạy và học theo phương pháp tích cực... Thực tế này cho thấy, đã đến lúc cần phải nêu thành những nguyên tắc và phương pháp sử dụng các thiết bị kỹ thuật. Kết hợp chặt chẽ phương pháp mới và phương tiện để nâng cao chất lượng bài giảng và nâng cao hiệu quả việc dạy và học các môn khoa học lý luận chính trị.

Thứ ba, đổi mới phương pháp học các môn khoa học lý luận chính trị cần xuất phát từ mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ đủ đức tài. Lịch sử ngàn năm văn hiến của dân tộc ta đã chứng minh: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, khi nguyên khí mạnh thì đất nước thịnh, khi nguyên khí yếu thì đất nước suy. Đào tạo hiền tài cho đất nước đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đòi hỏi sự nghiệp giáo dục và đào tạo phải xây dựng cho được đội cán bộ thông minh, năng động, sáng tạo, bản lĩnh, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đột phá, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Sự nghiệp đổi mới sởi dĩ thu được những thành công to lớn và có ý nghĩa lịch sử, trước hết là sự trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam. Điều đó chỉ có được trên cơ sở tăng cường giáo dục phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cùng với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trên tinh thần phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học nắm thực chất, “linh hồn” không phải là câu chữ.

Đội ngũ cán bộ cần được trang bị toàn diện cả những kiến thức khoa học chuyên môn, cả kỹ năng thực hành và tình cảm, thái độ cách mạng khoa học. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tự chủ, sáng tạo của người học, sẽ giúp người học nắm thực chất vấn đề và kỹ năng thao tác nghề cũng như thái độ, trách nhiệm đối với nghề và với vận mệnh của đất nước.

2. Một số giải pháp nâng cao ý thức và phương pháp học tập lý luận chính trị tại các trường chính trị tỉnh

Một là, muốn học tốt lý luận chính trị, trước tiên học viên nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của lý luận chính trị, nhận thức sâu sắc lời giáo huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: do “kém về lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông, nhiều cán bộ, đảng viên của ta mắc phải bệnh chủ quan, gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử lý cho khéo, không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”⁽³⁾. Từ đó có ý thức, tinh thần động cơ thái độ học tập đúng đắn.

Hai là, phải xác định đúng động cơ, mục đích học tập. Đây là yếu tố quan trọng, nó tác động trực tiếp đến quá trình học tập, rèn luyện của học viên, tác động trực tiếp đến kết quả học tập (*không ai có thể học giỏi nếu không muốn học*). Xác định đúng mục đích học tập lý luận chính trị, “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”⁽⁴⁾. Nếu học tập lý luận chính trị xác định mục đích không đúng đắn, không trong sáng, tinh thần thái độ học tập lệch lạc, học để vì tư lợi cá nhân, lấy bằng cấp, thăng tiến, để đáp ứng tiêu chuẩn được đề bạt, bổ nhiệm lên những vị trí cao hơn thì việc học tập không thể có chất lượng,

hiệu quả. Khi học viên xác định đúng mục đích của học trung cấp lý luận chính trị mới có đủ quyết tâm để giải quyết các khó khăn, sắp xếp thời gian hợp lý cho việc học. Để làm được điều này cần phải có sự tác động từ nhiều phía như bản thân học viên, tác động của lãnh đạo đơn vị nơi học viên công tác và từ phía nhà trường. Đồng thời, mỗi học viên khi lên lớp phải có đầy đủ tài liệu, giáo trình, phương tiện và chủ động trong quá trình học tập. Học, đọc bài cũ và bài mới trước khi đến lớp là khâu quan trọng không thể thiếu, nó giúp cho người học nắm vững, ôn lại những kiến thức đã học và hình dung được tổng quan bài học mới, nhờ đó khi nghe giảng không bỏ ngỡ với những nguyên tắc, quy luật, khái niệm, phạm trù... mà giảng viên truyền đạt trên lớp.

Ba là, người học lý luận chính trị phải siêng đọc sách, báo nói chung mà nhất là những tài liệu về lý luận chính trị nói riêng. Hiện nay, hệ thống thư viện của các trường chính trị tỉnh có rất nhiều đầu sách các loại giúp cho việc học tập của học viên tốt hơn. Ngoài kiến thức đã được giảng viên truyền đạt tiếp thu tại lớp, học viên có thể mượn, đọc và nghiên cứu tài liệu trong các giờ giải lao, thời gian nghiên cứu... để nắm bắt tiếp thu nhiều hơn, trang bị khối kiến thức lý luận cần thiết phục vụ tốt cho môn học và phần học đó.

Bốn là: khi lên lớp nghe giảng học viên phải tập trung tư tưởng, tránh bị phân tán. Phải nghiêm túc khi học tập trên lớp và biết kết hợp tốt nghe, nhìn, hiểu và ghi chép. Việc nghe giảng rất quan trọng, giúp người học hiểu vấn đề, luyện được kỹ năng ghi nhớ trên lớp, tích lũy kiến thức. Việc ghi chép bài giúp cho người học thêm một lần nữa rèn luyện khả năng ghi nhớ, nên ghi theo cách hiểu. Học viên cần

Xem tiếp trang 102

MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ HIỆN NAY Ở NƯỚC TA



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Chính quyền địa phương là bộ phận cấu thành hữu cơ của hệ thống chính quyền nhà nước, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân, là cầu nối giữa Đảng Nhà nước và Nhân dân. Trong thời kỳ đổi mới, chính quyền địa phương đã có bước phát triển mới về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động. Tuy nhiên, những đổi mới, cải cách về cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương thời gian qua mới chỉ là bước đầu, còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục điều chỉnh, cải cách, sắp xếp lại cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và trình độ năng lực cán bộ công chức.

Trong thời gian qua, sau khi Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015 được sửa đổi năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, tổ chức bộ máy hành chính địa phương đã có nhiều thay đổi phù hợp hơn với đặc điểm, đặc thù điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của từng vùng miền khác nhau. Những thay đổi này đã góp phần làm cho chính quyền địa phương hoạt động có hiệu quả hơn, đóng góp thiết thực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các địa phương. Tuy nhiên, những đổi mới, cải cách về cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương thời gian qua mới chỉ là bước đầu, còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục điều chỉnh, cải cách. Tổ chức bộ máy chính quyền ở đô thị và ở nông thôn chưa có sự phân biệt, nên quản lý của chính quyền đô thị có nhiều bất cập kém hiệu quả. Sự phân định chức năng cũng như khả

năng phối kết hợp trong điều hành quản lý giữa các bộ phận còn khá lúng túng dẫn tới một số vấn đề xã hội mới phát sinh chưa được xử lý kịp thời, khó khăn trong bố trí con người và các nguồn lực xã hội.

Luật tổ chức Chính quyền địa phương được sửa đổi bổ sung năm 2019 đã tiếp tục hoàn thiện về thể chế, khung pháp lý để sớm hình thành các mô hình chính quyền địa phương một cách phù hợp giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn. Tuy nhiên, việc triển khai thí điểm xây dựng mô hình chính quyền đô thị mới chỉ thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh, và thí điểm thực hiện tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng với hai mô hình chính quyền đô thị là chính quyền đô thị một cấp ở Thành Phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng và Chính quyền đô thị hai cấp tại Thành Phố Hà Nội. Sau một thời gian thực hiện việc thí điểm xây dựng mô hình chính

quyền đô thị đã bộc lộ một số bất cập và hạn chế sau:

Thứ nhất, về thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chính quyền đô thị (cả của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) chưa có những đổi mới, điều chỉnh cơ bản cho phù hợp với vai trò, chức năng của Nhà nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ở nhiều nơi vẫn còn trực tiếp can thiệp vào nhiều hoạt động của thị trường, quyết định nhiều công việc không phải là của chính quyền, gây khó khăn, trở ngại cho hoạt động tự do kinh doanh của các chủ thể kinh tế, trong khi nhịp sống sôi động, khẩn trương ở các đô thị đòi hỏi các chủ thể kinh tế phải rất khẩn trương, năng động, chủ động, nhanh nhạy trong công việc kinh doanh của mình. Chính sự ôm đồm, bao biện của chính quyền một số nơi vào các hoạt động kinh tế - xã hội cụ thể theo cơ chế cũ, với quan hệ còn mang kiểu xin - cho đã làm giảm năng lực và hạn chế hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị.

Chức năng, thẩm quyền của các cấp chính quyền đô thị, theo quy định của pháp luật hiện hành, còn chưa thật sự sát hợp với đặc điểm, tính chất của đô thị và của quản lý nhà nước ở đô thị, mà nhìn chung, vẫn còn giống với của các cấp chính quyền vùng nông thôn. Mặc dù Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã có những tiến bộ nhất định trong việc phân biệt sự khác nhau về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị với chính quyền nông thôn, nhưng trên thực tế, vẫn chưa đủ rõ, cụ thể, chưa hoàn toàn phù hợp với đặc điểm, tính chất của quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công trên địa bàn. Có thể nhận thấy, những nhiệm vụ cụ thể của quản lý đô thị, theo quy định của pháp luật hiện hành

đang còn khá mờ nhạt, chưa đủ cụ thể và chưa xác định rõ định lượng, định tính của từng nhiệm vụ, chưa rõ chế độ trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền, mỗi cơ quan và mỗi cá nhân trong bộ máy đó. Kết quả là một việc, nhất là những việc liên quan trực tiếp đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng, xây dựng, nhà đất, môi trường nhưng lại có nhiều cấp chính quyền, nhiều cơ quan trong bộ máy chính quyền cùng tham gia, cùng chỉ đạo, cùng cho ý kiến, nhưng lại không rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc giải quyết. Từ đó, xảy ra sự nhập nhằng, lẫn lộn, chậm trễ, tranh công, đổ lỗi, khi giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội ở đô thị.

Việc giải quyết vấn đề phân cấp, phân quyền giữa chính quyền cấp trên với chính quyền đô thị cũng đang còn nhiều bất hợp lý, nhất là trong các lĩnh vực như quy hoạch - kiến trúc, xây dựng, kết cấu hạ tầng, ngân sách, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức... Chính quyền cấp trên vẫn nắm giữ một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, có tính tác nghiệp, làm hạn chế không nhỏ đến quyền chủ động, sáng tạo của chính quyền đô thị trong việc giải quyết các vấn đề cụ thể của quản lý. Chính sự bất hợp lý, chưa rõ ràng, thiếu mạch lạc trong phân cấp, phân quyền, ủy quyền liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung ứng dịch vụ công giữa các cấp chính quyền trong nội bộ đô thị đang làm hạn chế, cản trở việc nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị hiện nay. Quá trình phát triển các khu đô thị mới, khu dân cư đô thị với tính tự quản cao về an ninh, trật tự, quản lý nhân khẩu; tính thống nhất, liên thông về kết cấu hạ tầng đô thị điện, nước, giao thông, vệ sinh môi trường..., đòi hỏi cần có cơ chế quản lý phù hợp.

Thứ hai là, về cơ cấu tổ chức. Tổ chức bộ máy chính quyền đô thị vẫn còn nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối dẫn đến phân tán quyền lực và nguồn lực, chưa bảo đảm nguyên tắc tập trung, thống nhất. Theo pháp luật hiện hành, mỗi loại hình đơn vị hành chính nội bộ (quận, phường) đều là những cấp chính quyền hoàn chỉnh gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giống như ở các vùng nông thôn. Hội đồng nhân dân cấp quận, phường, với vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, nhưng do đặc điểm, tính chất của đô thị, không thể quyết định được các vấn đề về quy hoạch, chiến lược, chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn mà phải do hội đồng nhân dân cấp thành phố, thị xã mới quyết định được. Ủy ban nhân dân các quận, phường, trong khi có vai trò là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, nhưng do tính hình thức của hội đồng nhân dân nên việc Ủy ban nhân dân chấp hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của hội đồng nhân dân cũng mang tính hình thức; trên thực tế Ủy ban nhân dân chỉ đóng vai trò là cơ quan thực thi một số nhiệm vụ cụ thể của quản lý hành chính và cung ứng một số dịch vụ công trên địa bàn. Sự bất hợp lý, nhiều tầng nấc, phân tán, cắt khúc về mô hình tổ chức chính quyền đô thị là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những yếu kém trong quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị; đồng thời, lại gây ra những rối rắm, trì trệ trong quản lý điều hành và là nguyên nhân chính, trực tiếp làm hạn chế việc nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả điều hành của chính quyền đô thị. Do những đặc trưng của đô

thị, việc thành lập các cơ quan chuyên môn cần bảo đảm tính bao quát, tổng hợp, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Tuy nhiên, việc thành lập các sở, phòng, ban chuyên môn của chính quyền các đô thị vẫn tồn tại những hạn chế nhất định, quản lý còn chồng chéo, thiếu sự phối hợp trong công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với các quy hoạch về phát triển ngành, quy hoạch không gian đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý dự án đầu tư...

Ba là, về phương thức hoạt động. Cơ chế vận hành bộ máy hành chính đô thị chưa thống nhất, thông suốt, nhanh nhạy, chưa bảo đảm tính hệ thống và tập trung mà còn bị cắt khúc thành từng đoạn, theo từng cấp hành chính trong nội bộ đô thị. Cơ chế điều hành hành chính mang tính chất tập thể kiểu ủy ban trong nền hành chính nước ta chứa đựng nhiều bất hợp lý, cũng đang là trở ngại đáng kể đối với việc nâng cao năng lực của chính quyền nhà nước nói chung và nhất là của chính quyền đô thị nói riêng. Với việc thực hiện chế độ tập thể (ủy ban) trong quản lý hành chính hiện nay, các quyết định chủ yếu, quan trọng nói chung đều phải do tập thể ủy ban quyết định, vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền cá nhân người đứng đầu (Chủ tịch Ủy ban nhân dân) rất hạn hẹp. Điều đó một mặt, làm cho tính tập trung, thống nhất, nhanh nhạy, quyết đoán trong quản lý điều hành hành chính bị hạ thấp; mặt khác, lại là chỗ dựa cho việc thiếu trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu. Cơ chế làm việc tập thể kiểu ủy ban trong quản lý hành chính hiện nay là một trong những vấn đề bức xúc, đang làm hạn chế, suy giảm đáng kể năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước nói chung và chính quyền đô thị nói riêng.

Trong quan hệ giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) với các đô thị trực thuộc (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) thì phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng chung cho tất cả các đơn vị cấp huyện, do vậy, đối với các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phát triển theo hướng đô thị hóa nhanh đã phát sinh nhiều điểm bất cập, không còn phù hợp, cụ thể là: Trách nhiệm quản lý ngành trên địa bàn thiếu rõ ràng; mối quan hệ giữa quản lý ngành và quản lý lãnh thổ (địa bàn) của chính quyền quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh còn chồng chéo về thẩm quyền, trách nhiệm với các sở, ngành cấp tỉnh, làm giảm quyền chủ động, sáng tạo của địa phương; trách nhiệm của sở, ngành cấp tỉnh trong việc xử lý các kiến nghị của đô thị, nhất là các vấn đề có tính chất liên ngành có lúc còn chưa kịp thời; sự phối hợp giữa sở, ngành trong việc chỉ đạo, điều hành ngành, lĩnh vực có vấn đề còn chưa sát thực tế cũng gây không ít khó khăn cho chính quyền các đô thị trực thuộc.

Mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân cấp quận, thị xã, thành phố với Ủy ban nhân dân cấp phường, xã mang tính chất điều hành và chấp hành thông qua việc ban hành và thực hiện các quyết định hành chính. Do mô hình tổ chức chính quyền đầy đủ ở mỗi cấp (có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) nên Ủy ban nhân dân cấp dưới có tính chủ động tương đối trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của cấp mình. Tuy nhiên, có nhiều việc thực hiện không nghiêm kỷ cương trong quản lý điều hành, trong việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quyết định hành chính của cấp trên, việc thực hiện chế tài giữa cấp trên với cấp dưới cũng còn hình thức,

thiếu cương quyết, chưa bảo đảm kỷ luật, kỷ cương của nền hành chính.

Thứ tư là, năng lực chuyên môn và trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức chính quyền đô thị vẫn còn những hạn chế, bất cập. Trước yêu cầu mới của công cuộc cải cách, hội nhập quốc tế hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đang bộc lộ ngày càng rõ hơn, trầm trọng hơn những yếu kém về trình độ, năng lực, về khả năng tư duy mới, cách thức làm việc mới, kỹ năng thực thi công vụ cụ thể, quan hệ giao tiếp với công dân, phẩm chất phục vụ công tâm, liêm khiết, tận tụy... Những biểu hiện này càng rõ nét hơn trong một bộ phận cán bộ, công chức chính quyền đô thị, đang làm suy giảm lòng tin của người dân đối với chính quyền và làm hạn chế đáng kể năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị.

Từ những phân tích luận giải ở trên, để đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương nói chung và chính quyền đô thị nói riêng trong thời gian tới, cần phải thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, sớm đánh giá việc thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội và Đà Nẵng để sớm có những điều chỉnh nhằm khắc phục những bất cập mà thực tiễn đã đặt ra. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý về mô hình chính quyền địa phương. Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định về chính quyền đô thị, nhất là trên lĩnh vực tài chính - ngân sách, quy hoạch đô thị, xây dựng, đất đai... nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản. Cần đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân phù hợp với đặc trưng và yêu cầu của chính quyền đô

thị. Bổ sung thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng thời xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên ủy ban còn lại.

Hai là, cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về tổ chức và hoạt động cho mô hình chính quyền đô thị bảo đảm thống nhất, thông suốt hiệu lực, hiệu quả, tinh gọn, hiện đại. Tiếp tục điều chỉnh hợp lý đơn vị hành chính, trong đó, cần chú trọng việc phân định đơn vị hành chính cơ bản, mang tính tự nhiên và đơn vị hành chính trung gian, mang tính nhân tạo. Muốn vậy, quan niệm đơn vị hành chính xã đơn vị hành chính huyện và đơn vị hành chính tỉnh ở địa bàn nông thôn, đơn vị hành chính thành phố ở địa bàn đô thị là đơn vị hành chính cơ bản, mang tính tự nhiên. Theo đó, xác định các đơn vị hành chính này là cấp chính quyền địa phương, bao gồm hai thiết chế là Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Với các đơn vị hành chính còn lại nên khẳng định là đơn vị hành chính trung gian, thực hiện một số nhiệm vụ quản trị địa phương theo sự ủy quyền của cấp trên và cung ứng dịch vụ công trên địa bàn.

Ba là, tiếp tục sắp xếp và kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả. Việc sắp xếp và kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền đô thị cần trả lời thấu đáo các câu hỏi sau: thứ nhất dựa trên cơ sở khoa học nào? (nhằm tránh sự chủ quan, tùy tiện và duy ý chí); thứ hai mục đích thật sự là gì? (nhằm xác định rõ giá trị hay lợi ích đóng góp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội); thứ ba thẩm quyền quyết định việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy? (nhằm tránh tư duy nhiệm kỳ). Theo đó, giải quyết bài toán sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn phải đặt trong bối

cảnh tổng thể của xây dựng chính quyền đô thị và đổi mới quản trị địa phương theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả.

Thứ tư là, đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền thông minh, hướng đến chính quyền số. Trước hết, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy chính quyền điện tử, chính quyền số; chú trọng thể chế pháp lý về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản trị và giám sát chính quyền địa phương hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển nền tảng số, dữ liệu số, bảo đảm an toàn thông tin. Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của địa phương để phục vụ chính quyền điện tử trên hạ tầng nền tảng điện toán đám mây; thực hiện chia sẻ thông tin qua hệ thống mạng giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan trong chính quyền địa phương các cấp. Sớm hình thành trung tâm thông tin và an toàn thông tin địa phương; tập trung vận hành hiệu quả cổng dịch vụ công trực tuyến, tăng cường ứng dụng công nghệ số vào hoạt động cung ứng dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Như vậy, việc tổ chức mô hình chính quyền đô thị ở nước ta đang từng bước đi vào hiện thực đáp ứng kịp thời nhu cầu xây dựng, quy hoạch, quản lý đô thị hiện nay. Tốc độ đô thị hóa nhanh và mạnh như hiện nay việc Đảng và Nhà nước ta chủ động hoàn thiện thể chế, mạnh dạn tổ chức xây dựng chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại Thành Phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng là một quyết sách sáng suốt để sớm hình thành một mô hình chính quyền đô thị thực thụ góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG TRONG XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Gia đình là một trong những môi trường quan trọng trong việc giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức, tác phong, nền nếp sinh hoạt của mỗi cá nhân. Những giá trị truyền thống tốt đẹp như tình thân yêu nước, yêu lao động, kính trên nhường dưới, hiếu nghĩa với cha mẹ, ông bà, thương yêu đùm bọc lẫn nhau luôn được các thế hệ gia đình Việt Nam trân trọng gìn giữ, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng thời liên tục bổ sung, tiếp nhận những giá trị mới, tốt đẹp của nhân loại, là dòng chảy liên tục và bền vững, tạo nên một diện mạo văn hóa hết sức độc đáo, làm giàu thêm truyền thống của dân tộc. Hiện nay, dưới tác động mạnh mẽ của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, hệ giá trị của gia đình Việt Nam đã và đang có những biến đổi, song những giá trị truyền thống của gia đình vẫn luôn được gìn giữ, trao truyền và lan tỏa, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng gia đình hiện đại.

Truyền thống gia đình Việt Nam chú trọng xây dựng gia đạo, gia phong và gia lễ. Trong đó gia đạo là sức mạnh của gia đình, đạo đức của gia đình. Gia lễ là phép ứng xử của con người theo một nguyên tắc có tôn ti trật tự, theo tiết lễ. Ở thời đại nào văn hóa gia đình cũng là nền tảng cho văn hóa xã hội. Bởi vậy, văn hóa gia đình là một bộ phận, là cái “gốc” của văn hóa làng, văn hóa nước. Vì vậy, việc đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa không thể tách rời việc nghiên cứu, xem xét, đánh giá từ góc độ văn hóa gia đình. Đó là cơ sở xây dựng tư tưởng, đạo đức lối sống tốt đẹp, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh từ trong mỗi gia đình. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Giá trị truyền thống gia đình thể hiện trong quan hệ vợ chồng là sự thủy chung, tình nghĩa giữa vợ và chồng chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, “Thuận vợ, thuận chồng tát Biển đông cũng cạn”; trách nhiệm của cha mẹ với con cái;

sự coi trọng gia đình và huyết thống, dòng tộc; đề cao vai trò của người phụ nữ, người vợ, người mẹ trong gia đình; trân trọng, lưu truyền và phát huy “đạo hiếu”; lòng biết ơn, tôn kính ông bà tổ tiên; tình anh em gắn bó keo sơn; đề cao tính cộng đồng; tình thân đoàn kết xóm giềng; tình yêu quê hương đất nước. Đặc biệt, đề trao truyền giá trị truyền thống và xây dựng gia đình, mỗi gia đình Việt Nam luôn coi trọng giáo dục, coi đây là nền tảng đầu tiên, liên tục và lâu dài tác động đến sự hình thành, phát triển nhân cách con người. Dù hiện nay “nhịp sống số” đang làm thay đổi đáng kể nhu cầu, lối sống của con người nhưng phần lớn các gia đình ở nước ta vẫn dành sự quan tâm đến giáo dục gia phong, gia lễ, gia đạo. Các bậc ông bà, cha mẹ luôn răn dạy con cháu những điều hay, lẽ phải, biết giữ gìn hòa khí, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình, dòng họ; gắn bó với làng xã; đoàn kết, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Đồng thời, mỗi gia đình luôn đề cao truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, lấy sự học làm

điều căn bản để thực hiện đạo lý làm người; chú trọng giáo dục đức tính cần cù, chịu khó trong lao động và ý chí khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Nhiều gia đình đã quan tâm thực hành văn hóa truyền thống gia đình vào dịp lễ tết, duy trì các sinh hoạt văn hóa gia đình, làm cho các giá trị chân, thiện, mỹ từ truyền thống được trao truyền một cách tự nhiên cho thế hệ trẻ; góp phần hình thành lối sống lành mạnh, xây dựng và phát triển nhân cách con người; gìn giữ, phát huy cốt cách của con người Việt Nam, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống hiện đại. Tất cả những giá trị đó được duy trì và phát huy trở thành nền tảng cho sự ổn định xã hội, là cơ sở tạo nên sức sống, duy trì hạnh phúc và sự bền vững của đời sống gia đình.

Xuất phát từ yêu cầu xây dựng, gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam trước tình hình mới. Tại Đại hội VIII, Đảng đã chỉ rõ: “Phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc lưu truyền những giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác”⁽¹⁾. Đến Đại hội lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”⁽²⁾. Đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng, xác định: “phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong xây dựng môi trường văn hóa, con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, hiện đại. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”⁽³⁾. Cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030* cũng xác định: “Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁴⁾. Cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, ngày 20/02/2014, Thủ

tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 279/QĐ-TTg, về việc phê duyệt *Đề án Phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020* nhằm phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” năm 2017 nhằm tạo ra bước phát triển mới trong xây dựng quan hệ ứng xử trong gia đình, ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức trong gia đình; xây dựng, giữ gìn hạnh phúc bền vững của mỗi gia đình, hướng tới sự ổn định, văn minh cho toàn xã hội.

Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách Nhà nước, nhiều giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam tiếp tục được bồi đắp, gìn giữ, trao truyền và lan tỏa. Trước những biến đổi của đời sống xã hội, gia đình Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại. Trong gia đình hiện nay, “các giá trị truyền thống được coi trọng và ưu tiên lựa chọn nhiều hơn giá trị hiện đại. Tính riêng các giá trị truyền thống thì những giá trị có cội nguồn từ văn hóa bản địa có sức sống trường tồn hơn các giá trị vay mượn từ bên ngoài”⁽⁵⁾. Những giá trị truyền thống, nhất là những giá trị đạo đức, chuẩn mực ứng xử trong gia đình, trong cộng đồng vẫn tiếp tục được từng gia đình kế thừa, tiếp thu và phát huy. Trong đó, sự yêu thương và chia sẻ vẫn là giá trị truyền thống nổi bật chi phối mối quan hệ giữa các thành viên trong cả gia đình truyền thống lẫn hiện đại. Với gia đình Việt Nam, chuẩn mực cao nhất của hạnh phúc gia đình không phải là sự sang giàu về vật chất, mà là tình nghĩa, sự gắn bó, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Mỗi người Việt Nam, dù có đi bốn phương trời, già hay trẻ, ở bất cứ cương vị nào đều hướng về gia đình, khát khao được yêu thương, chia sẻ. Cuộc sống dù có những biến đổi, nhưng gia đình vẫn là một tổ ấm yêu thương, một phần thiêng liêng không thể thiếu trong cuộc đời mỗi người, là động lực tinh thần to lớn để

mỗi người nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách của cuộc sống.

Trong những năm gần đây, đời sống xã hội ở nước ta đang có nhiều biến đổi sâu sắc, toàn diện trước tác động của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ. Trước sự tác động đó, giá trị truyền thống của gia đình cũng không tránh khỏi những biến đổi. Trước đây, mọi người đều có chung một mơ ước xây dựng gia đình “tam tứ đại đồng đường”, nhưng hiện nay, gia đình “hạt nhân” mang tính phổ biến, gồm cha, mẹ và con cái. Sự thủy chung trong quan hệ vợ chồng dù vẫn được đề cao, nhưng không chỉ xuất phát từ yêu cầu sinh tồn của gia đình, mà sự thỏa mãn nhu cầu tâm lý - tình cảm của cá nhân ngày càng được coi trọng. Đồng thời, thay cho sự gia trưởng trước đây, sự dân chủ và bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình được đề cao, phù hợp với xu hướng phát triển của gia đình hiện đại.

Tuy nhiên, dưới tác động của mặt trái cơ chế thị trường và sự tiếp nhận thiếu chọn lọc lối sống bên ngoài, một số giá trị truyền thống trong gia đình đang bị mai một và biến dạng. Môi quan hệ giữa các thành viên trong một số gia đình đang trở nên lỏng lẻo và thiếu gắn kết. Trước tác động trái chiều của công nghệ thông tin, giao tiếp trực tiếp của những thành viên trong gia đình có chiều hướng suy giảm, dẫn đến có chiều hướng tăng hiện tượng cô đơn trong chính ngôi nhà của mình. Môi quan hệ vợ chồng có những lúc, những nơi bị biến đổi theo chiều hướng xấu; sự thủy chung, tình nghĩa, hòa thuận vợ chồng có biểu hiện suy giảm; quan hệ hôn nhân của một số gia đình trở nên dễ vỡ, do bị chi phối bởi lối sống cởi mở, thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất, làm cho tỷ lệ ly hôn có xu hướng gia tăng nhanh. Môi quan hệ giữa cha mẹ, ông bà với con cháu có biểu hiện thiếu gắn kết, không gian sống và giao tiếp gia đình thu hẹp, nhu cầu, sở thích cá nhân được coi trọng. Không ít người làm cha, làm mẹ không làm tròn bổn phận, trách

nhệm, không chăm lo cho thế hệ tương lai và cũng có không ít nghịch cảnh con cháu thiếu trách nhiệm với cha mẹ, ông bà, bất hiếu, bất nghĩa. Quan hệ anh em cũng nảy sinh những bất ổn, có khi chỉ vì đồng tiền, lợi ích nhỏ nhen, tầm thường mà đánh mất tình nghĩa anh em ruột thịt. Do những tính toán thiệt hơn, vun vén lợi ích cá nhân đã làm cho tình làng, nghĩa xóm có phần giảm sút. Một số gia đình không chú trọng đến giáo dục, hoặc có quan tâm nhưng lúng túng cả về nội dung và phương pháp, gây ra nhiều hệ lụy. Ở không ít gia đình, mối quan tâm, chăm sóc của một bộ phận cha mẹ dành cho con trẻ suy giảm, thiếu kỹ năng và phương pháp giáo dục khoa học hoặc “khoán trắng” cho xã hội và nhà trường, thậm chí nhiều trẻ nhỏ chịu tác động xấu bởi tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, lối sống thực dụng, trọng tiền tài, vật chất từ cha, mẹ. Những hiện tượng đó đang rung lên hồi chuông cảnh tỉnh đối với mỗi gia đình và cả xã hội, bởi hệ lụy mà nó gây ra là vô cùng đau xót, nhức nhối, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền tảng đạo đức xã hội, nhân cách con người Việt Nam hiện đại.

Trước thực tế nêu trên, để đáp ứng yêu cầu xây dựng nền văn hóa Việt nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục chủ trương: “Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam”⁽⁶⁾. Đề góp phần xây dựng “gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh”⁽⁷⁾ cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tập trung nghiên cứu, tăng cường tuyên truyền, giáo dục các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”⁽⁸⁾. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục những giá trị đạo đức truyền thống, gia phong và văn hóa ứng xử trong gia đình và trong cộng đồng, giúp mỗi

gia đình thấy được sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại. Thực hiện đa dạng hóa hình thức, phương pháp tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác gia đình; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội trong tuyên truyền phổ biến các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, các mô hình gia đình văn hóa. Đặc biệt, cần sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương tiện truyền thông, thông tin hiện đại để tuyên truyền, giáo dục giá trị truyền thống của gia đình phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của từng lứa tuổi, từng đối tượng.

Hai là, tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh. Cần tập trung “khắc phục bệnh thành tích, bệnh hình thức, thực hiện các chuẩn mực văn hóa gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh”⁽⁹⁾, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với xây dựng gia đình và công tác gia đình, nhất là hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình”; “Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”⁽¹⁰⁾. Tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiến bộ của nhân loại, ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan của văn hóa xấu, độc. Thực hiện hôn nhân tiến bộ trên cơ sở tình yêu chân chính và tự nguyện, xây dựng gia đình dân chủ, bình đẳng, hòa thuận, yêu thương và chia sẻ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với công tác gia đình, trong đó tập trung

hoàn thiện tổ chức, bộ máy, tăng cường sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chuyên trách, cán bộ ở cơ sở.

Ba là, chú trọng thực hành giáo dục gia đình, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong xây dựng nhân cách con người Việt Nam thời kỳ mới, “đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ”⁽¹¹⁾, đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình theo Chỉ thị số 11/CT-TTg, ngày 29-3-2017, của Thủ tướng Chính phủ “Về việc đẩy mạnh giá trị đạo đức, truyền thống trong gia đình”. Trong đó, “tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc,... ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên. Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội”⁽¹²⁾. Đồng thời, “đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từng bước khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”⁽¹³⁾. Với tinh thần “gạn đục, khơi trong”, mỗi gia đình cần tăng cường giáo dục gia phong, nếp sống, lối sống tốt đẹp, văn minh cho các thành viên nhằm góp phần hình thành, phát triển con người Việt Nam thời kỳ hội nhập, trao truyền và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Mỗi bậc ông bà, cha mẹ cần chú trọng làm gương cho con cháu thông qua thái độ, cách thức ứng xử hằng ngày đối với người thân, họ hàng, hàng xóm láng giềng và xã hội. Thông qua việc tổ chức cuộc sống gia đình một cách có nền nếp, các thế hệ đi trước truyền thụ cho con cháu những nét đẹp văn hóa gia

đình, bồi dưỡng nhân cách văn hóa cho mỗi người. Tăng cường nhân rộng mô hình “Bữa cơm gia đình ấm áp yêu thương” nhằm gắn kết các thành viên gia đình, nâng cao trách nhiệm của mỗi thành viên trong xây dựng gia đình hạnh phúc. Đồng thời, chú trọng tổ chức thực hành văn hóa trong các sự kiện quan trọng, như ngày giỗ, tết,... để tạo sự gắn kết, trao truyền và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện đại.

Bốn là, tăng cường xây dựng đời sống văn hóa theo hướng tôn vinh giá trị truyền thống của gia đình, cộng đồng và dân tộc. Gắn xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư với Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào cuộc sống theo chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, tránh tình trạng hình thức; xây dựng nếp sống văn hóa từ các gia đình đến khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... Chú trọng xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”,... tạo môi trường tôn vinh những giá trị truyền thống của gia đình. Tổ chức thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc, Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, Ngày Gia đình Việt Nam với những chủ đề thiết thực. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thông tin ở cơ sở; khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa để phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa của cộng đồng dân cư. Tăng cường vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia vào xây dựng văn hóa cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng. Thường xuyên nêu gương, khen thưởng cho những gia đình mẫu mực; đồng thời, lên án, đấu tranh với những hành vi lệch chuẩn, tạo dư luận trong

cộng đồng, góp phần điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của mỗi gia đình.

Giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam là sự kết tinh của văn hóa gia đình và văn hóa dân tộc, chi phối nhận thức và hành vi của mỗi thành viên trong gia đình, đặt nền móng cho sự phát triển của gia đình trong hiện tại và tương lai. Trong xã hội hiện đại, những giá trị truyền thống của gia đình vẫn tiếp tục được bồi đắp và lan tỏa, là yếu tố nội sinh tạo nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại. Vì vậy, mỗi gia đình và toàn xã hội cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc vấn đề này, chủ động phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, góp phần xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh, để gia đình thật sự là tế bào lành mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới./.

Chú thích:

1 *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 112 - 113

2 *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 128

3 *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.263

4 Quyết định số 629/QĐ-TTg, ngày 29-5-2012, của Thủ tướng Chính phủ, “*Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*”

5 Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm: *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr. 129

6, 7, 8 *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, *Sđd*, t. I, tr.143, 144, 143

9, 10, 11, 12,13 *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: Sđd*, t. I, tr. 144, 70, 144, 143

DỪNG KHAI THÁC MỎ SẮT THẠCH KHÊ ĐỂ ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Cho đến nay, sau hơn 12 năm Dự án khai thác Mỏ sắt Thạch Khê tạm dừng (từ tháng 11/2011 - đây là lần tạm dừng thứ 3 kể từ khi Mỏ được các chuyên gia Liên Xô phát hiện vào năm 1964), nhiều hệ lụy xảy đến đối với người dân vùng dự án ở các xã bãi ngang huyện Thạch Hà, nhất là những rủi ro về môi trường, về vấn đề tụt mạch nước ngầm, xâm nhập mặn, sa mạc hóa... kéo theo những tác động lớn đến toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh trật tự, thương mại, du lịch của tỉnh Hà Tĩnh. Nhiều lãnh đạo cao cấp, lãnh đạo các bộ, ngành, tỉnh Hà Tĩnh và các chuyên gia cùng đa số người dân đã đi tới một đồng thuận: Mỏ sắt Thạch Khê không thể khai thác.

1. Khi phát triển bền vững trở thành xu thế tất yếu

Ngày nay, phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới. Đó là xu hướng mang tính tất yếu, khách quan và là mục tiêu cao đẹp của quá trình phát triển của nhân loại, trong đó có Việt Nam. Phát triển bền vững đòi hỏi phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững vì vậy thể hiện quan điểm nhân văn, hiện đại hơn hẳn so với quan điểm “phát triển bằng bất kỳ giá nào”, bởi phát triển bằng mọi giá, là khai thác tối đa các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho hoạt động phát triển, không tính đến sự ảnh hưởng của nó đến chính quá trình phát triển.

Trong các nội dung của phát triển bền vững, phát triển bền vững về môi trường là vấn đề “nóng” hiện nay và được sự quan tâm đặc biệt của cả thế giới. Phát triển bền vững về môi trường đòi hỏi trong quá trình phát triển phải khai thác, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên

không tái tạo; bảo vệ môi trường và chất lượng môi trường sống của con người phải được bảo đảm. Đó là bảo đảm sự trong sạch về không khí, nước, đất, không gian địa lý, cảnh quan; phát triển không vượt quá ngưỡng chịu tải của hệ sinh thái; bảo vệ đa dạng sinh học; quản lý và xử lý tốt chất thải rắn, chất thải nguy hại; có khả năng ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai...

2. Những hệ lụy về môi trường: Tụt mạch nước ngầm, nhiễm mặn và sa mạc hóa - Hiện tại và dự báo từ Dự án Mỏ sắt Thạch Khê

Nghiên cứu về Mỏ sắt Thạch Khê, nhiều chuyên gia, nhà khoa học đã bày tỏ lo ngại nếu khai thác sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển bền vững ở Hà Tĩnh. Cùng với những thiệt hại về kinh tế, sự tổn thất lớn về tài nguyên là những hệ lụy lâu dài về môi trường, trong đó đặc biệt là vấn đề tụt mạch nước ngầm, xâm nhập mặn dẫn tới hoang mạc hóa.

Về tự nhiên, Mỏ sắt Thạch Khê được khẳng định là mỏ quặng sắt độc nhất vô

nhị trên thế giới bởi cấu trúc địa chất hết sức phức tạp khó khai thác của nó. Nếu tiến hành khai thác theo dự án khai thác được phê duyệt năm 2008, với hai giai đoạn (giai đoạn một là 5 triệu tấn/năm, giai đoạn hai là 10 triệu tấn/năm) trên nền tảng công nghệ khai thác lộ thiên và khai thác đến độ sâu âm 550m, thì đây sẽ là 1 trong 10 mỏ lộ thiên được đánh giá là sâu nhất thế giới (tuy nhiên, 9 mỏ còn lại không có điều kiện địa chất và điều kiện khai thác khó như mỏ này, khi nằm sát bờ biển, trong lớp trầm tích và đá vôi, vì thế khai thác cực khó khăn). Còn hiện nay, nếu khai thác theo Phương án trung gian do Công ty cổ phần sắt Thạch Khê (TIC) đề xuất gần đây thì mức âm của mỏ cũng sẽ sâu đến âm 145m so với mực nước biển.

Vấn đề đặt ra là theo khảo sát, Thạch Khê là vùng có hệ thống nước ngầm tầng mặt, nước ngầm khu vực rất lớn, nếu nguồn nước xuống thấp tất yếu ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt của khu vực xung quanh. Quá trình khai thác để thoát nước khu vực moong khai thác sẽ phải bơm một lượng nước thải lớn ra biển (dự tính lượng nước chảy vào moong khai thác lộ thiên - 400m là hơn 1,7 triệu m³/ngày và nước dưới đất là hơn 1,4 triệu m³/ngày) với bán kính được đánh giá dự báo của vùng bị ảnh hưởng do hạ thấp mực nước ngầm khoảng 3,5km (từ tâm mỏ) và phạm vi ảnh hưởng được đánh giá, dự báo bao gồm 5 xã sau: Đinh Bàn, Thạch Khê, Thạch Hải, Thạch Lạc và Thạch Trị (theo báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án (được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1753/QĐ-BTNMT ngày 23/9/2013). Theo quy luật thủy động lực học, khi mực nước ngầm bị tụt thì sự xâm lấn của nước biển (xâm nhập mặn) sẽ gia tăng. Nước biển xâm nhập sẽ vào và dần thay thế khối nước ngọt vốn có trong đất, còn cát, đất đai ở đây sẽ dần nhiễm mặn, thảm thực vật tự nhiên sẽ lụi tàn dần, cây cối, hoa màu sẽ chết... do hoang mạc hóa.

Trên thực tế, trong khoảng thời gian hơn 2 năm, từ 9/2009 đến năm 11/2011 (thì dừng lại), thực hiện Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê tỉnh Hà Tĩnh được phê duyệt năm 2008, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và các cổ đông đã thực hiện bóc đất tầng phủ được khoảng 12,7 triệu m³ với độ sâu âm 34m so với mực nước biển, thu 3.000 tấn quặng. Tuy nhiên, sau khi khai thác ở độ sâu âm 34m, đến nay theo đánh giá của các chuyên gia, nhà nghiên cứu và phản ánh trực tiếp của người dân địa phương, nhất là vùng moong mỏ, nguồn nước ngầm đã bị suy giảm, dần cạn kiệt, nhiễm mặn, nhiễm phèn. Canh tác hoa màu vì vậy mà trở nên khó khăn, mùa đông chưa mưa đã úng do mương máng không có, tiêu chảy không được, mùa khô nước ngầm rút hết. Cây cối vẫn trồng nhưng mưa xuống thì hư, năng hạn sẽ chết... Cùng với đó, do mạch nước ngầm cạn kiệt đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước sinh hoạt của người dân. Hiện nay, toàn bộ nguồn nước tại vùng đất nằm trong quy hoạch Dự án mỏ sắt Thạch Khê đang bị ô nhiễm trầm trọng. Vùng Thạch Đình trước đây (bây giờ thuộc xã Đinh Bàn) 3 phía là nước mặn, chỉ có vùng đầu là có nước ngọt. Để có nước ăn, người dân phải mua nước đóng chai, hoặc xin ở các vùng lân cận. Riêng nước sinh hoạt thì khoan giếng và xây dựng hệ thống lọc. Tuy nhiên, nhiều hộ phải khoan từ 2- 3 giếng, với độ sâu hàng chục mét may ra mới tìm được mạch nước... Khó khăn này không chỉ diễn ra ở vùng đất định cư lâu năm, mà còn là nỗi ám ảnh của người dân khu tái định cư. Do nguồn nước bị nhiễm phèn quá nặng, có hộ đã khoan đến 3 giếng và lọc hàng chục lần vẫn không sử dụng được do nước nhiễm mặn quá nặng.

Như vậy, chỉ với độ sâu âm 34m, nguồn nước đã bị ảnh hưởng trầm trọng, thử hỏi với độ sâu âm 145m (theo Phương án trung gian) và độ sâu âm 550m theo Dự án khai

thác trước đây sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt của người dân (không chỉ vùng khai thác mỏ, mà người dân của cả tỉnh Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận) như thế nào? Rõ ràng, một khi nước mất thì đất cũng “chết”, người dân sẽ lâm vào cảnh khốn đốn. Tụt mạch nước ngầm, nước nhiễm mặn tất yếu sẽ dẫn tới hoang mạc hóa. Tuy vậy, đối với Thạch Khê, vấn đề hoang mạc hóa còn xảy ra bởi hệ quả của vấn đề xử lý chất thải rắn, nhất là đối với đất, đá, cát béc.

Dự án Mỏ sắt Thạch Khê là dự án khai thác mỏ lộ thiên với khối lượng đất, đá béc phủ rất lớn (651,4 triệu m³), do đó, việc thiết kế các bãi thải và công tác đổ thải là rất quan trọng. Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Điều chỉnh khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê (được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 23.9.2013) tính toán, sẽ có hơn 135 triệu m³ (chứa cát, đá cứng...) đổ vào bãi thải đất liền phía Bắc của mỏ, hơn 268 triệu m³ đổ vào bãi thải phía Nam, tạo ra cao trình từ +85m đến +90m. Bên cạnh đó, bãi đổ thải lấn biển sẽ có diện tích 923 ha, được đổ cao nhất là +25 m với tổng dung tích đổ thải 171,89 triệu m³, công suất 10 triệu m³/năm.

Tuy nhiên, vấn đề đáng bàn ở đây là với tổng 403 triệu m³ đổ thải ở phía Bắc và phía Nam mỏ với vị trí đổ nằm sát biển và chiều cao khá lớn (với cao trình đến +90m) dẫn tới nguy cơ sạt lở rất cao, cùng với đó là cát chảy, cát bay, bão bụi... sẽ làm gia tăng hiện tượng hoang mạc hóa và ảnh hưởng lớn tới cảnh quan môi trường xung quanh (không khí, các công trình xây dựng, đất nông nghiệp...). Tuy trong mục tiêu xử lý lâu dài sử dụng bãi thải tạo mặt bằng cho công tác tái định cư và bố trí công trình dịch vụ, phụ trợ phục vụ dự án và cư dân trong vùng nhưng gần như diện tích này không thể trả lại đặc trưng vốn có của hệ sinh thái trước kia; cách làm này cũng khó

thuyết phục vì bãi thải tạo đồi nhân tạo trên nền địa chất yếu.

Còn với 171,89 triệu m³ đổ lấn biển trên quy mô 923 ha sẽ biến toàn bộ diện tích gần 10 km² của hệ sinh thái vốn có biến thành vùng đất cạn, phá hủy hoàn toàn diện tích hệ sinh thái ven bờ và một phần diện tích hệ sinh thái biển gần bờ. Tất cả các quần xã sinh vật đáy bị tiêu diệt. Theo ước tính, cứ 7-10 ha có sự xuất hiện của một loài sinh vật, thì trong khu vực đổ thải này, ít nhất khoảng 100 loài sinh vật mất khu phân bố. Nghiêm trọng nữa là ở chỗ, nếu không có đê, kè chắn bãi thải lấn biển, hoặc có mà không đảm bảo thì khi sóng to, gió lớn, nhất là trong mùa mưa bão vùng ven biển Hà Tĩnh có nguy cơ chịu ảnh hưởng của bão cấp 15, 16; nước dâng trong bão có thể lên đến trên 4,5m; trong trường hợp xảy ra vào thời kỳ triều cường, mực nước dâng trong bão có thể lên đến 5,7m đến 6,2m... sẽ kéo theo theo lượng lớn bùn cát vào bờ làm ảnh hưởng đến môi trường biển. Đến mùa khô, có thể có thể dẫn tới hiện tượng cát bay, sa mạc hóa...

Ngoài ra theo đánh giá, quặng của mỏ sắt Thạch Khê có hàm lượng kèm Zn quá cao (xấp xỉ 0,07%), có arsen; hàm lượng lưu huỳnh cao. Trong quá trình khai thác mỏ, nếu công nghệ chưa xử lý được, mỗi năm sẽ xả hàng nghìn m³ nước thải kim loại nặng (đồng, chì, kẽm, lưu huỳnh...) chảy ra biển, ngấm vào lòng đất ảnh hưởng môi trường sinh thái cũng như sức khỏe cộng đồng. Cùng với đó, sẽ có khoảng từ 3.600 - 4.800 tấn chất thải rắn (cát, đất sét, đá vôi...) khi khai thác cũng được thải ra môi trường, nếu không có phương án xử lý đổ thải sẽ tiếp tục dẫn tới hiện tượng hoang mạc hóa.

Trở lại với khoảng thời gian hơn 2 năm, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam đã thực hiện bóc đất tầng phủ khoảng 12,7 triệu m³, chính việc xử lý không tốt và gián đoạn lượng đất tầng

phủ này là một trong nguyên nhân chính dẫn tới hoang mạc hóa đang ngày một lớn dần và hệ lụy của nó đang ngày càng “găm nhám” cuộc sống vốn đã vô cùng khó khăn của người ở các địa phương vùng mỏ hiện nay. Hàng trăm héc ta đất phía trên khu vực moong mỏ xuất hiện tình trạng hoang hóa, đất đai cằn cỗi.. Trước đây, có các dự án trồng keo chống sa mạc hóa, khi bàn giao mặt bằng, toàn bộ số keo đã bị chặt hạ khiến cho lá chắn bảo cát của người dân không còn nữa. Cùng với hệ lụy của lượng đất tầng phủ, hậu quả người dân phải sống chung với cát chảy, cát bay. Đất cát không chỉ vùi lấp đất sản xuất mà cát còn theo dòng chảy, theo gió vùi lấp cả hoa màu, nương vườn, đường đi lối lại của người dân. Bờ bao moong mỏ thường xảy ra sạt lở, sụt lún không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến đất đai sản xuất, sinh hoạt, thậm chí mồ mả cũng bị vùi lấp. Ngoài hàng loạt ngôi mộ vô danh, thì có nhiều ngôi mộ hữu danh ở Thạch Định, Thạch Hải... giờ cũng không biết ở đâu mà tìm.

Mất đất sản xuất, lao động không được chuyển đổi nghề, không có việc làm; nguồn nước sinh hoạt lẫn nguồn nước phục vụ sản xuất bị cạn kiệt và nhiễm mặn; môi trường ô nhiễm, bãi thải xâm lấn; nguy cơ bị lũ quét và ngập lụt ở khu vực bờ moong; hoang mạc hóa... Nếu cứ tiếp tục khai thác thì chắc chắn vùng đất này sẽ có nguy cơ trở thành “vùng đất chết”. Cuộc sống của người dân vì thế mà bị đảo lộn, khó khăn, hoang mang, bế tắc và mất lòng tin.

3. Chuyên gia cảnh báo

Trước khi có quyết định về thực hiện Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê năm 2008, đã có các nhà khoa học đến từ Đức, Nga khảo sát, đánh giá khả năng khai thác Thạch Khê đều kết luận không thể khai thác vì độ khó và phức tạp của mỏ, do ảnh hưởng đến môi trường biển; khả năng thương mại thấp, chi phí khai thác tốn kém... Trên cơ sở đó, nhiều chuyên gia Việt Nam khuyến cáo không nên làm.

Chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan từng khẳng định: “Bản thân quyết định đầu tư dự án đã là sai lầm... Quyết định đầu tư dự án duy ý chí, theo kiểu muốn khai thác cạn kiệt tài nguyên bằng mọi giá, không tính đến hiệu quả môi trường và hiệu quả kinh tế”¹. PGS.TS Trần Bình Chư, Tổng hội Địa chất Việt Nam nêu rõ: Địa chất mỏ sắt Thạch Khê quá phức tạp, “hiện chưa có một nước nào khai thác quặng sắt dưới sâu, sát bờ biển, trừ khai thác sa khoáng ilmenit - quặng titan. Chính vì vậy, dự án này nên dừng lại vĩnh viễn là hợp lý nhất. Đây là tài nguyên khoáng sản cho tương lai!”². PGS. TS Nguyễn Hồng Phương, Trung tâm Báo tin động đất và Cảnh báo sóng thần, Viện Vật lý địa cầu thì lo lắng: “Mỏ sắt Thạch Khê nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ là nơi có tính địa chấn cao thứ hai trên cả nước, chỉ sau vùng Tây Bắc. Mỏ nằm trong vùng bị ảnh hưởng của 3 nguồn phát sinh động đất chính bao gồm đứt gãy Sông Cả, đứt gãy Khe Bó - Hà Tĩnh và đứt gãy Rào Nậy. Tùy theo chu kỳ thiết kế, rung động nền cực đại tại mỏ sắt Thạch Khê có thể đạt tới cấp VIII theo thang MSK - 64 và cao hơn. Thống kê của Viện Vật lý địa cầu cho thấy, từ 1913 - 2020, tỉnh Hà Tĩnh ghi nhận 22 trận động đất có độ lớn không vượt quá 4,7, gồm trên lục địa và ngoài khơi. Việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê có thể gây ra động đất kích thích. Hiểm họa sóng thần từ khu vực biển Đông là hiện hữu đối với vùng bờ biển Thạch Hà và cần được tính đến cho mỏ sắt Thạch Khê”³...

4. Quan điểm nhất quán của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và của lãnh đạo Hà Tĩnh trong vấn đề khai thác mỏ sắt Thạch Khê: “không đánh đổi môi trường lấy kinh tế”.

Tháng 01/2018, khi về nói chuyện với cán bộ và nhân dân xã Thạch Hải trong chuyến thăm và làm việc tại Hà Tĩnh, nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân lúc đó nêu rõ quan điểm: “Chúng ta

đang có nguồn tài nguyên rất lớn nằm trong lòng đất chưa khai thác được, chúng ta cũng có nguồn tài nguyên “nổi” rất đẹp, rất hoang sơ nhưng chưa được khai thác, đó là biển Thạch Hải. Tôi được biết, Hà Tĩnh đã có báo cáo với Chính phủ về giải quyết tình hình khai thác mỏ sắt Thạch Khê. Theo tôi, để cho Thạch Hải nói riêng và Thạch Hà nói chung phát triển thì có lẽ chúng ta sẽ tạm thời để tài nguyên trong lòng đất và sẽ khai thác tiềm năng về biển”⁴.

Ngày 9/12/2017, trong buổi chủ trì làm việc với lãnh đạo Hà Tĩnh về công tác quản lý tài nguyên, môi trường trên địa bàn tỉnh, tại Hà Nội, đồng chí Trần Hồng Hà - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Phó Thủ tướng Chính Phủ) đã kết luận: Quan điểm của Chính phủ cũng như các bộ, ngành là không đánh đổi môi trường vì kinh tế. Về vấn đề khai thác mỏ sắt Thạch Khê chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn môi trường, hiệu quả kinh tế - xã hội⁵. Đồng chí cũng lưu ý, những nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự cố ô nhiễm môi trường là do tình trạng chú trọng lợi ích kinh tế trước mắt, coi nhẹ công tác bảo vệ môi trường còn khá phổ biến, nhất là trong quá trình thẩm định, xét duyệt, thực hiện các dự án đầu tư.

Đặc biệt, nhân chuyến tham và làm việc tại Hà Tĩnh (10-11/6/2022), Thủ tướng Chính Phủ Phạm Minh Chính đã đi khảo sát thực trạng mỏ sắt Thạch Khê. Thủ tướng nhấn mạnh, việc quyết định dừng hay tiếp tục triển khai dự án phải có đánh giá khoa học, khách quan; có đánh giá tác động tổng thể từ kinh tế đến tính chất xã hội, đời sống người dân, môi trường và các vấn đề liên quan. Sau đánh giá, trường hợp có lợi thì tổ chức triển khai, nếu chưa có lợi thì dừng lại và tiếp tục nghiên cứu⁶. Thủ tướng Chính phủ cũng lưu ý, việc này phải sớm có quyết sách đúng đắn để ổn định đời sống dân cư địa phương. Quyết sách này phải đảm bảo cơ sở khoa học và hợp lòng dân.

Đối với Hà Tĩnh, việc triển khai dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê từ trước đến nay đã không được sự đồng thuận của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, đoàn đại biểu Quốc hội và người dân tỉnh Hà Tĩnh, do còn nhiều băn khoăn về tính khả thi. Từ năm 2011 đến nay, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều văn bản báo cáo, kiến nghị lên Trung ương với lý do bất cập của dự án như dây truyền công nghệ, độ an toàn khi khai thác; năng lực nhà đầu tư; hiệu quả kinh tế, chuyển đổi nghề cho lao động địa phương; phương án vận chuyển... nhưng quan trọng nhất là những rủi ro về mặt môi trường. Hà Tĩnh đã tổ chức nhiều cuộc họp phản biện khoa học, nhiều phiên làm việc với các bộ, ngành trung ương để phân tích, đánh giá trước nhiều băn khoăn, quan ngại về tính khả thi, đặc biệt là vấn đề tác động đến môi trường, xã hội của dự án. Đến tháng 12/2016, Hà Tĩnh đã có văn bản gửi Chính phủ đề nghị tạm dừng Dự án. Năm 2018, dựa trên báo cáo, đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với 2 phương án đưa ra là: dừng hoặc chấm dứt hoạt động dự án, Hà Tĩnh đã kiến nghị Chính phủ chấm dứt hoạt động; đồng thời chỉ đạo giải quyết tồn đọng, hoàn trả nguyên trạng, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân.

Đồng chí Đặng Quốc Khánh, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh (nay là Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) trước đây từng khẳng định sự ảnh hưởng của việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê: “Rõ nhất là ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng quy hoạch, thu hút đầu tư, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch, phát triển đô thị; nguy cơ nhiễm mặn, hoang mạc hóa, tụt mực nước ngầm, cát bay, cát chảy... Sau sự cố môi trường biển, cần thiết phải đặt ra yêu cầu xem xét lại quy hoạch phát triển công nghiệp, nhất là cụm công nghiệp nặng ven biển Hà Tĩnh, trong đó có mỏ sắt Thạch Khê với quan điểm phải tính toán lại sức chịu tải về môi trường dọc dải ven biển,

không đánh đổi môi trường bằng mọi giá vì phát triển kinh tế”⁷.

Tháng 5/2022, trao đổi với Báo Công Thương, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh - đồng chí Võ Trọng Hải giữ nguyên quan điểm là tỉnh đề nghị dừng khai thác mỏ sắt này mặc dù Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam đầu năm 2022 đề xuất Chính phủ cho khai thác lại. Tổng hợp các lý do mà đồng chí Võ Trọng Hải đưa ra bao gồm là rủi ro về mất an toàn trong quá trình khai thác, nguy cơ sự cố nghiêm trọng đến môi trường, ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế - xã hội khác; lo ngại về công nghệ khai thác; băn khoăn về hiệu quả kinh tế của dự án, thị trường tiêu thụ chưa chắc chắn; phương án vận chuyển quặng không khả thi; khai thác quặng không gắn với nhà máy chế biến; lo lắng về việc làm và sinh kế của người dân vùng dự án... Đồng chí nêu rõ: “Tỉnh Hà Tĩnh không đổi môi trường để lấy kinh tế. Đảng bộ nhân dân không đồng tình, khó đồng tình, còn quyền quyết định do Bộ Chính trị, và phải nhìn vào cái được và cái mất trong tương lai”.

Chiều 14/7/2023, trong phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 14, Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, đồng chí Võ Trọng Hải cũng đã trả lời về vướng mắc tại mỏ sắt Thạch Khê, huyện Thạch Hà mà nhiều đại biểu và cử tri quan tâm, một lần nữa đồng chí khẳng định: “Hà Tĩnh kiên quyết đề xuất dừng khai thác mỏ khoáng sản này vì sẽ để lại nhiều hệ lụy”. Đồng chí nhấn mạnh: Nếu khai thác, mỗi ngày sẽ có 3-4 triệu m³ nước thải xả ra biển, 2 tấn mìn nổ cách thành phố Hà Tĩnh 5km theo đường chim bay. Hà Tĩnh rút kinh nghiệm từ bài học về sự cố môi trường của Công ty Formosa từng xảy ra⁸.

Trước đó, ngày 3/7/2023, tại buổi làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam để bàn về giải pháp thực hiện phương án trung gian là khai thác với độ sâu âm 145m so với mực nước biển

để báo cáo Chính phủ, Bộ Chính trị. Đồng chí Hoàng Trung Dũng, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Hà Tĩnh, kết luận: “Lãnh đạo tỉnh hết sức trân trọng về những hệ lụy có thể xảy ra nếu tiếp tục triển khai Dự án khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Thạch Khê. Do mỏ sắt Thạch Khê nằm gần trung tâm TP Hà Tĩnh, sát bờ biển, nơi gần nhất 300m; trong khi đó, các phương án khai thác mà Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đưa ra chưa thực sự thuyết phục nên lãnh đạo tỉnh đề xuất Chính phủ cho chấm dứt khai thác. Về giải quyết một số tồn đọng, lãnh đạo tỉnh cam kết sẽ cùng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có phương án tối ưu nhất để trình Chính phủ”⁹.

Đặc biệt, ngày 27/7/2023, UBND Tỉnh Hà Tĩnh đã có Văn bản số 3922 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo kết quả làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam kiến nghị chấm dứt dự án. Với mong muốn “sẽ đảm bảo vấn đề môi trường dọc ven biển miền Trung..., bảo vệ nguồn tài nguyên đến khi đủ điều kiện về công nghệ để khai thác có hiệu quả, đồng thời không thiệt hại thêm về kinh tế của nhà đầu tư, Nhà nước và người dân vùng dự án, sự phát triển của thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và khu vực”.

5. Kết luận

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới”; đồng thời khẳng định phương hướng phát triển trong tương lai của đất nước là: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”. Phát triển nhanh, bền vững, sáng tạo, bao trùm đất nước trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các ngành, lĩnh vực, các vùng, các địa phương nhằm mục duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với

thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, công bằng, dân chủ, văn minh và bền vững.

Mỏ sắt Thạch Khê với trữ lượng 554 triệu tấn trở thành nguồn tài sản lớn, quý của quốc gia. Tuy vậy, nếu tiến hành khai thác mỏ chỉ để phục vụ cho tăng trưởng kinh tế, mà không đảm bảo cho sự phát triển bền vững của xã hội và môi trường thì điều đó đang đi ngược lại với quan điểm, chủ trương, mục tiêu của Đảng và Nhà nước. Dầu biết rằng khoáng sản nằm trong lòng đất nếu ta không khai thác thì vẫn chỉ là một đồng vô tri vô giác hoàn toàn không có giá trị.

Nhưng ở đây phải hiểu là chúng ta CHƯA khai thác chứ phải KHÔNG khai thác. Chưa khai thác vì xu hướng phát triển hiện nay của thế giới là phát triển dựa trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, tài nguyên tái tạo... chứ không phải dựa vào nguyên tài nguyên sẵn có, không thể tái tạo. Chưa khai thác vì đến nay ta chưa đủ công nghệ; vì những đánh giá khoa học, đánh giá tác động tổng thể từ kinh tế đến tính chất xã hội, đời sống người dân, đánh giá tác động môi trường và các vấn đề liên quan chưa khách quan, chưa toàn diện; vì chúng ta không muốn đánh đổi môi trường lấy kinh tế và không vì đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của thể hệ hiện tại mà làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai.

So sánh “được” và “mất”, có cần thiết phải cố công khai thác bằng mọi giá? Thế hệ mai sau sẽ nghĩ gì về những hệ lụy mà cha ông trước đó đã tạo ra (trong đó có những hệ lụy mà có thể hôm nay chưa

lường hết được)? Những hiệu quả kinh tế khi khai thác quặng ở độ sâu hàng trăm mét dưới lòng biển biển (mà thế giới đã từng lắc đầu) và kéo theo đó là những ảnh hưởng về môi trường, đời sống kinh tế - xã hội, an ninh trật tự... Hay để phát triển bền vững, chúng ta tiếp tục khai thác, sử dụng một cách có hiệu quả tài nguyên “nổi” như trao đổi của nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân. Tài nguyên “nổi” đó chính là những tiềm năng, lợi thế mà mảnh đất này vốn có, đó là tiềm năng về sản xuất kinh tế nông nghiệp, tiềm năng về văn hóa - lịch sử, tiềm năng về du lịch...

Hà Tĩnh đã có bài học đắt giá về sự cố môi trường biển năm 2016!

Tài liệu tham khảo:

1. <https://vtc.vn/khai-thac-mo-sat-thach-khe-khong-nen-tiep-tuc-sai-lam-ar341160.html>, Thứ Hai, 07/08/2017
- 2, 3 <https://daibieunhandan.vn/kinh-te-xa-hoi/bai-2-nhieu-lo-ngai-i312460>, Chủ Nhật, 25/12/2022
- 4 <https://baohatinh.vn/dau-tu/dung-khai-thac-mo-sat-thach-khe-bai-1-tren-duoi-dong-thuan/150937.htm>, Thứ 4, 21/03/2018
- 5, 7 <https://baohatinh.vn/dau-tu/dung-khai-thac-mo-sat-thach-khe-bai-11-khong-danh-doi-moi-truong-lay-kinh-te/151670.htm>, Thứ 7, 31/03/2018
- 6 <https://baohatinh.vn/chinh-tri/thu-tuong-chinh-phu-pham-minh-chinh-khao-sat-mo-sat-thach-khe/233047.htm>, Thứ 7, 11/06/2022
- 8 <https://vneconomy.vn/ha-tinh-de-xuat-dung-du-an-mo-sat-lon-nhat-dong-nam-a.htm>, 15/07/2023
- 9 <https://hatinh.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/tin-bai/16240/lanh-dao-ha-tinh-lam-viec-voi-tkv-ve-du-an-mo-sat-thach-khe>, 04/07/2023.

THỰC HIỆN LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH GÓP PHẦN NÂNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. HỒ THANH

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Nâng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước là nhiệm vụ quan trọng góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Để tinh thần “sống, làm việc theo pháp luật”, “thượng tôn pháp luật” được thể hiện triệt để trong hoạt động kinh tế - xã hội đòi hỏi việc thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính phải được thực thi một cách hiệu lực, hiệu quả. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính góp phần nâng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Xử lý vi phạm hành chính là một công cụ quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm duy trì trật tự, kỷ cương hành chính trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính là một trong những loại trách nhiệm pháp lý, trực tiếp liên quan đến quyền cơ bản của con người, quyền công dân, liên quan đến lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật đã được quy định trong Luật XLVPHC. Nâng cao hiệu lực trong thực hiện Luật XLVPHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm và phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, góp phần nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong năm 2022, ở Hà Tĩnh tình hình xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và cấp huyện và các cơ quan trung ương trên

địa bàn, ngày càng đi vào nề nếp, đảm bảo thực hiện đúng, đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật, tác động tích cực đến hoạt động quản lý nhà nước và nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, tổ chức trong thực thi pháp luật. Số vụ việc vi phạm hành chính giảm mạnh, nhưng số tiền phạt thu tăng. Cụ thể: Tổng số vụ vi phạm: 43.810 vụ, trong đó: bị xử phạt vi phạm hành chính: 43.554 vụ; chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự: 165 vụ; áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên: 91 vụ. Đối tượng bị xử phạt: 45.880 đối tượng, trong đó: Tổ chức: 3.072 đối tượng; Cá nhân 42.808 đối tượng. Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành: 45.011 quyết định, trong đó: đã thi hành 43.085 quyết định, chưa thi hành xong 1.926 quyết định, do tổ chức, cá nhân vi phạm khó khăn trong kinh doanh, chưa có khả năng nộp tiền phạt; hoãn, miễn, giảm: 23 quyết định; bị cưỡng chế thi hành: 08 quyết định; bị khiếu nại, khởi kiện 03 quyết định; Số tiền

phạt thu được: 101.214.138.000 đồng (tăng 26.115.260.000 đồng so với năm 2021). Tiền thu từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: 6.574.532.000 đồng (tăng 5.035.736.000 đồng so với năm 2021). Lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là 107 đối tượng, trong đó: Giáo dục tại cấp xã 84 đối tượng, tại trường giáo dưỡng 03 đối tượng, tại cơ sở giáo dục bắt buộc 08 đối tượng, tại cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 đối tượng.

Tuy nhiên, hiện nay còn một số quy định chưa rõ ràng, gây khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Trên cơ sở đó, Chính phủ cũng đã ban hành các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước có hiệu lực đồng thời với Luật.

- Điểm đ khoản 1 Điều 3: “*người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính*”. Trong trường hợp đối tượng tự nhận mình có hành vi vi phạm hành chính nhưng người có thẩm quyền không chứng minh được hành vi vi phạm thì có lập biên bản vi phạm hành chính hay không?

- Khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020: “*...trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản...*”. Trong trường hợp người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày nghỉ, lễ, tết thì việc chuyển biên bản và hồ sơ đề nghị người có thẩm quyền xử phạt sẽ gặp khó khăn, trong khi có những hành vi vi

phạm nếu không lập biên bản vi phạm hành chính ngay thì việc tìm đối tượng để lập biên bản là rất khó.

- Điểm b khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020: “*Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*”. Hết thời hạn 01 năm thì một số hàng hóa là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ bị hết hạn sử dụng hoặc bị hư hỏng, tài sản giá trị thấp, chất dễ cháy, nổ, ô nhiễm bảo quản khó khăn.

- Khoản 64 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung năm 2020: “*Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ; trường hợp vụ việc phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn tạm giữ không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ*”. Khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định “*vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật này*”. Việc tạm giữ được thực hiện trước khi lập biên bản vi phạm hành chính thì khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì sẽ bị quá thời hạn tạm giữ 02 ngày. Quy định thời hạn tạm giữ là quá ngắn, gây khó khăn trong quá trình xử lý vụ việc, đặc biệt là việc tạm giữ, thực hiện giám định về hàng hóa. Vì đối với các trường hợp để lấy mẫu kiểm nghiệm, giám định thì thời hạn thường trên 10 ngày mới có kết quả.

- Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định có 08 tình tiết giảm

nhẹ khá chung chung, định tính và chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên thực tế: “*Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại*”; “*Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, XLVPHC*”... Khi căn cứ các quy định nói trên, người có thẩm quyền xử phạt khó xác định nên không áp dụng cho “an toàn”, thiếu thống nhất trong áp dụng.

Có nhiều nguyên nhân cụ thể dẫn tới những khó khăn, vướng mắc hạn chế nêu trên, tuy nhiên, nhìn từ góc độ thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành, trên cơ sở phân cấp địa phương tỉnh Hà Tĩnh, bài viết tập trung vào phân tích một số nguyên nhân cơ bản sau:

- Kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ như giám định, kiểm định, phân tích còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu về tính chính xác, nhanh chóng, dẫn đến khó khăn trong việc giám định, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm hành chính. Trang thiết bị về công nghệ thông tin của các đơn vị, địa phương ở cơ sở vẫn còn hạn chế chưa thể đáp ứng điều kiện tuyên truyền trực tuyến.

- Một số lĩnh vực như giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, xây dựng yêu cầu lực lượng thanh tra cần có trình độ chuyên môn sâu, số lượng chưa đáp ứng được so với yêu cầu đặt ra, do đó ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra. Đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý XLVPHC tại UBND cấp huyện và cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, phải đảm đương khối lượng công việc chuyên môn nhiều; kỹ năng, nghiệp vụ yếu còn hạn chế

do đó ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý nhà nước về XLVPHC.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chưa thực hiện theo chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực cho đội ngũ làm công tác tham mưu xử phạt vi phạm hành chính. Hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số đơn vị, địa phương chưa phong phú, đa dạng. Cơ chế phối hợp giữa các ngành, đoàn thể tại địa phương vẫn còn nhiều hạn chế, dẫn tới hiệu quả của việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn chưa cao, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

- Phối hợp giữa các ngành, cơ quan trong xử lý vi phạm hành chính chưa thật sự nhịp nhàng, bị động; phối hợp trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính giữa các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước còn nhiều hạn chế dẫn đến các quyết định cưỡng chế khó thực hiện. Một số địa phương, đơn vị chưa thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra; chưa thực hiện tốt việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra, thanh tra.

- Thực hiện, cơ chế về báo cáo, thống kê, chia sẻ và cung cấp thông tin theo Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/03/2016 và Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30/12/2016 của các cơ quan, đơn vị chưa có, gây khó khăn trong thực hiện, đặc biệt là khó xác định đối với những trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần, tái phạm để được xem là tình tiết tăng nặng trong quá trình xử lý VPHC. Thống kê số liệu về công tác này đang thực hiện bằng hình thức thủ công, một số cơ quan chưa thực sự quan tâm, chưa thực hiện tốt công tác báo cáo.

Để góp phần nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cần tăng cường

một số giải pháp cơ bản trong thực hiện luật xử lý vi phạm hành chính với một số nội dung cụ thể như sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, phải làm cho đối tượng cảm nhận được “cảm giác sai trái” và sự e ngại các thiệt hại về kinh tế nếu thực hiện hành vi vi phạm; ưu tiên tuyên truyền pháp luật về XPVPHC theo từng nhóm ngành, lĩnh vực có số lượng vụ việc vi phạm hành chính cao, phổ biến. Hình thức tuyên truyền cần đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực, có trọng tâm. Nâng cao tính minh bạch, tăng cường trách nhiệm, đạo đức thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình XPVPHC. Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu và cấp phát tài liệu về công tác xử phạt VPHC, công tác giúp UBND cấp xã quản lý Nhà nước về XLVPHC, nhằm trang bị kiến thức quản lý nhà nước và kỹ năng XLVPHC cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác XLVPHC.

Hai là, nghiên cứu, rà soát, cân nhắc lại mức phạt tiền với mức độ nặng, nhẹ tùy vào từng hành vi vi phạm cụ thể. Cần đánh giá một cách tổng thể sự phù hợp của mức tiền phạt tối đa và tối thiểu trong các lĩnh vực với tình hình thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội. Xem xét mức tiền phạt trong lĩnh vực nào cần tăng lên, lĩnh vực nào cần giảm xuống. Đặc biệt, như đã đề cập, đối với trường hợp “nhờn luật” thì mức phạt tối đa vẫn khó có thể đảm bảo tính răn đe đối với người vi phạm. Trong những trường hợp này, cần có cách thức giải quyết phù hợp và thích đáng hơn. Chẳng hạn, người thi hành công vụ, cơ quan công quyền cần phải có đầy đủ thông tin của người vi phạm; từ đó, có thể tính toán lại mức tiền phạt theo cách “tích lũy điểm phạt”; hoặc nhân theo “hệ số vi phạm” (tính theo số lần vi phạm) hay căn cứ vào “lịch sử vi phạm hành chính” để đưa ra mức tiền phạt

nặng hơn. sửa đổi, bổ sung Nghị định xử phạt vi phạm hành chính để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ba là, việc xử phạt đối với những hành vi vi phạm đã bị xử lý nhiều lần (như vượt đèn đỏ, chạy quá tốc độ cho phép...), ngoài phương án tăng mức tiền phạt thì cũng cần phải tăng mức xử phạt bổ sung thậm chí nên thay đổi hình thức phạt tiền bằng hình thức xử phạt khác. Nói cách khác là “nên nghiên cứu để không áp dụng duy nhất hình thức phạt tiền đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính”. Đơn cử như có thể áp dụng biện pháp xử phạt “lao động công ích”. Tuy nhiên, nếu tái áp dụng hình thức này, cần phải giải quyết được những vấn đề then chốt nhất đặt ra như: lao động công ích là những công việc gì? thời gian cụ thể ra sao?; kèm theo đó, cơ chế giám sát, đánh giá kết quả phải đơn giản, dễ thực hiện, tránh làm phát sinh chi phí, tốn kém. Đồng thời, cũng rất cần thiết phải có cơ chế bảo vệ người vi phạm, nhằm tránh khả năng xâm phạm đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Bốn là, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ trong việc giám định, giám sát, hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC dẫn đến cơ chế chia sẻ thông tin đối với người vi phạm. Cập nhật, thay thế các biểu mẫu mới về XLVPHC theo đúng Nghị định 118/2021/NĐ-CP trên phần mềm của để tránh tình trạng sử dụng biểu mẫu thủ công như hiện nay, đồng thời kết nối, chia sẻ thông tin XLVPHC của công dân Việt Nam và người nước ngoài trên hệ thống dữ liệu xuất nhập cảnh phục vụ công tác rà soát, kiểm tra, xử lý đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về XLVPHC./.

HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO NỀN GIÁO DỤC VÌ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM



ThS. TRẦN THỊ BÍCH THỦY

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Không chỉ là nhà văn hóa, nhà cách mạng, nhà tư tưởng lớn, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn là một nhà giáo dục. Di sản của Người về giáo dục, đào tạo, rèn luyện con người hết sức phong phú, nó tiếp nối những giá trị văn minh của thời đại, trên nền tảng giá trị truyền thống dân tộc, phản ánh nhu cầu của đất nước, những chuyển biến của thời đại nhằm xây dựng một nền giáo dục vì Nhân dân ở Việt Nam.

Tâm vóc lớn lao trong sự nghiệp văn hóa của một danh nhân thường được nhìn nhận và khẳng định trên bình diện người đó lãnh hội và sáng tạo những giá trị văn hóa cao đẹp trong quá trình kết tinh truyền thống văn hóa của dân tộc và tiếp thu tinh hoa trong các nền văn minh lớn của loài người; thẩm nhuần các giá trị văn hóa đó trong các lĩnh vực hoạt động và quan hệ xã hội, trong nhiều mặt đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân. Đặc biệt hơn, những hoạt động đó góp phần vun trồng và làm nảy nở những nét nhân cách tốt đẹp phổ biến trong các tầng lớp xã hội, trao truyền qua các thế hệ theo những giá trị văn hóa tỏa ra từ nhân cách vĩ đại của người đó. Theo ý nghĩa đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nhà giáo dục lớn của Nhân dân Việt Nam.

Là một bộ phận của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người, phục hưng văn hóa, sự nghiệp giáo dục, đào tạo, khai sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hướng về Nhân dân, về dân tộc, phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, về các giá trị độc lập tự do, hạnh phúc của đất nước,

của Nhân dân, về phát triển và hoàn thiện nhân cách trong mỗi con người. Mục tiêu của Người trong việc thiết lập, xây dựng một nền giáo dục mới thể hiện tư tưởng tiến bộ, nhân văn, đáp ứng mong muốn của dân tộc trong việc gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Quan điểm giáo dục mới của Hồ Chí Minh có tính chất định hướng, chỉ đạo, chi phối toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, đặt nền móng cho nền giáo dục Việt Nam trong thời đại mới đó là nền giáo dục vì dân.

Xuất phát từ quan điểm coi trọng vai trò, vị trí của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân... Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”¹, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là “làm sao cho dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần được xóa bỏ”²... Vì vậy, trong lĩnh vực giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

nhiều lần căn dặn: “Giáo dục là nhằm vào mục đích thật thà phụng sự nhân dân”, “cần xây dựng tư tưởng: dạy và học để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”. Theo quan điểm đó, việc giáo dục dạy và học phải đem lại cho Nhân dân, cho mỗi người học lợi ích cơ bản lâu dài cũng như cấp bách trực tiếp về chính trị, kinh tế cũng như văn hóa xã hội, lợi ích phát triển và hoàn thiện nhân cách cá nhân cũng như phát triển và hoàn thiện xã hội.

Để xây dựng một nền giáo dục tiên bộ, khoa học, ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào chống nạn thất học, làm cho mỗi người dân đều “biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”, để “nâng cao dân trí”, để mỗi người dân có kiến thức mới tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, “để giữ vững nền độc lập” và “làm cho dân mạnh, nước giàu”. Thành lập Nha thể dục để “khuyên và dạy cho đồng bào tập thể dục”, là cốt “giữ gìn bồi đắp sức khỏe” của mỗi người dân, vì “giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công”, vì “mỗi người dân yếu ớt là cả dân tộc yếu ớt” trái lại “dân cường thì nước thịnh”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định, sau khi dạy cho dân thoát nạn mù chữ, phải dạy những hiểu biết thường thức để cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Xây dựng nền giáo dục mới là để đào tạo thế hệ trẻ thành “những người công hữu ích cho nước Việt Nam” để “làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”, để “Gia đình, trường học và xã hội chăm lo giáo dục,... làm cho các em mai sau trở nên những công dân tốt, những cán bộ tốt, những người chủ tốt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”⁴. Tư tưởng đó đã được Hồ Chí Minh ghi lại ở trang đầu cuốn sổ vàng của Trường Nguyễn Ái

Quốc: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”.

Với mong muốn xây dựng một nền giáo dục mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: Trước hết phải từ bỏ thái độ thờ ơ với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân, từ bỏ mục đích đi học cốt được mảnh bằng để làm ông thông, ông phán, lĩnh lương nhiều, ăn ngon, mặc đẹp, còn số phận dân tộc thế nào, không hay, không biết gì hết. Nhà trường mới phải gắn liền với thực tế của nước nhà, với đời sống của nhân dân, phải đảm bảo cho học sinh những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế, thầy giáo và học trò, tùy hoàn cảnh và khả năng cần tham gia những công tác xã hội ích nước, lợi dân...

Thứ hai, để thực hiện tư tưởng chủ đạo nền giáo dục mới, việc dạy và học trong nhà trường mới phải chú ý đầy đủ các mặt giáo dục ở các bậc giáo dục: “Trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức, cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất”. Đặc biệt, Người nhiều lần nhắc nhở “chúng ta cần phải có giáo dục đạo đức công dân để mọi người hiểu rõ: lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí; quyền lợi công của dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí; đã là người chủ nước nhà thì phải phụ trách đối với Tổ quốc”, “giữ đúng đạo đức công dân, tức là: tuân theo pháp luật nhà nước. Tuân theo kỷ luật lao động. Giữ gìn trật tự chung. Đóng góp (đóng thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung. Hằng hái tham gia công việc chung. Bảo vệ tài sản công cộng. Bảo vệ Tổ quốc”⁵.

Thứ ba, để thực hiện mục đích của nền giáo dục mới tiên bộ, nhân văn, khoa học

thì thầy và trò phải ra sức thi đua dạy thật tốt, học thật tốt. Đây là nhân tố quyết định trực tiếp chất lượng và hiệu quả của giáo dục. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Các thầy giáo, cô giáo phải tìm cách dạy cái gì, dạy thế nào để học trò hiểu chóng, nhớ lâu, tiến bộ nhanh”. Người đã chỉ ra cốt lõi của việc dạy và học kiểu mới đó là “kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực hành, giáo dục với lao động, văn hóa với đạo đức cách mạng”. Người khuyên trong dạy và học “việc cốt yếu là phải làm cho người học hiểu thấu vấn đề”, “cốt thiết thực chu đáo hơn tham nhiều”, “phải nhằm đúng nhu cầu”. Đặc biệt, Người nhấn mạnh “phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học”, phải “học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân”. Để đảm bảo cho việc dạy tốt học tốt “Phải liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình, với xã hội, giữa nhà trường với các đoàn thể, trước hết là đoàn thể thanh niên”; cần phải phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ thật tốt, đoàn kết thật chặt chẽ giữa thầy với thầy, thầy với trò, giữa học trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường với Nhân dân.

Học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, sau hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận là quốc gia có nền giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Chúng ta đã hoàn thành mục tiêu đưa trẻ em đúng độ tuổi được đến trường, cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Đến nay, Việt Nam đã có 700 trường đại học, học viện và trường cao đẳng với gần 73.000 giảng viên, hơn 16.500 tiến sĩ, 500 chương trình đào tạo, phối hợp với nhiều trường đại học trên thế giới và nhiều chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao, cử nhân tài năng, chương trình tiên tiến theo chuẩn quốc tế. (số liệu 2020). Bước sang thiên niên kỷ mới, Việt Nam cũng trở thành một trong những

điểm sáng trên bản đồ giáo dục thế giới khi đăng cai và tổ chức thành công nhiều kỳ thi quốc tế.

Hiện nay, chúng ta đang tích cực tiến hành một “cuộc cách mạng” về giáo dục với việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), bảo đảm cho giáo dục Việt Nam phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Theo lộ trình, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, ngành Giáo dục chính thức triển khai áp dụng chương trình giáo dục phổ thông mới ở bậc tiểu học. Điều cơ bản nhất trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay là định hướng việc dạy và học cũng như việc tổ chức giáo dục vào việc phục vụ tốt hơn nữa cho sự phát triển của mỗi con người, cho những lợi ích đa dạng của nhân dân, cho nhu cầu nhiều mặt của xã hội, cho sự phồn vinh của đất nước và cho sự thắng lợi của những giá trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Tìm hiểu tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình đặt nền móng, xây dựng nền giáo dục mới phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân chúng ta sẽ tìm thấy định hướng đúng đắn cho sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn cách mạng hiện nay./.

Chú thích:

1, Trích trong “Bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa 2 Trường Đại học Nhân dân Việt Nam”, ngày 8/12/1956.

2, Trích trong Bài nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp 2, cấp 3 và Hội nghị Sư phạm vào tháng 7 năm 1956,

3, Trích trong “Thư gửi các em học sinh”. (24/10/1955)

4, Sđd, t.9, tr.259, 179.

RÀ SOÁT, SÀNG LỌC ĐẢNG VIÊN GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



TRẦN THỊ TÚ ANH

Phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Tổ chức cơ sở đảng là nơi nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đồng thời, tổ chức cơ sở đảng còn là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân, là một mắt khâu trọng yếu để duy trì mối liên hệ giữa Đảng với Nhân dân. Làm tốt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng là một yếu tố quan trọng để Đảng vững mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng. Chi bộ tốt thì mọi việc tốt”(1); “Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở. Mỗi chi bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương”(2).

Để không ngừng nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, phải xây dựng được đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng và năng lực công tác tốt. Làm được điều này, việc hàng đầu là phải thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, yêu cầu khách quan, cấp thiết và tính quy luật trong công tác xây dựng đảng trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; Hướng dẫn số 02 - HD/BTCTW, ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tiêu chí, quy trình rà soát,

phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; Kế hoạch số 162-KH/TU, ngày 22/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, nhận thức của cấp ủy các cấp và đội ngũ đảng viên đã được nâng lên, phân biệt rõ giữa công tác rà soát sàng lọc đảng viên với công tác xử lý kỷ luật đảng viên theo Điều lệ Đảng; nhận diện rõ đối tượng cần được giáo dục, sàng lọc; trách nhiệm của cấp ủy, của đảng viên được nêu cụ thể, rõ ràng ở mỗi bước; các bước triển khai theo quy trình rà soát, sàng lọc gắn với công tác đánh giá, xếp loại đảng viên hàng năm được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm hơn, thực hiện dân đi vào nề nếp, từng bước khắc phục tình trạng nề nang, né tránh, hình thức trong công tác đánh giá, xếp loại đảng viên.

Sau 03 năm thực hiện quy trình rà soát, sàng lọc đảng viên của các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã tăng cường công tác công tác quản lý, giáo dục đảng viên; chấn chỉnh công tác kết nạp đảng viên, khắc phục tình trạng chạy theo số lượng, xem nhẹ chất lượng, giữ vững nguyên tắc của Đảng trong công tác kết nạp đảng viên. Kết quả, từ đầu năm 2023 các Đảng bộ trong toàn tỉnh đã kết nạp được 1.138 đảng viên mới bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục theo quy định. Các đảng viên mới được kết nạp đều là quần chúng ưu tú trong các tổ chức chính trị - xã hội, có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, có động cơ vào Đảng đúng đắn. Cấp ủy viên các cấp thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đảng viên, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của đảng viên; bảo vệ những đồng chí trung thực, thẳng thắn trong đấu tranh chống tiêu cực; thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, đảm bảo mọi đảng viên trong chi bộ đều được phân công công tác phù hợp; thực hiện nghiêm quy định về quản lý sinh hoạt đảng và chuyên sinh hoạt đảng. Công tác tự phê bình và phê bình được tiến hành thường xuyên, liên tục; định kỳ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng tiến hành kiểm tra các chi bộ trong thực hiện các quy định về sinh hoạt đảng, việc quản lý đảng viên; kịp thời biểu dương những ưu điểm, yêu cầu khắc phục ngay hạn chế, khuyết điểm, không để tồn tại, kéo dài làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng.

Tuy nhiên, chất lượng đảng viên mới kết nạp ở một số nơi còn thấp, không ít đảng viên dự bị không đủ điều kiện chuyển đảng viên chính thức, phải xóa tên khỏi danh sách đảng viên, từ đầu năm 2023 đến nay, các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh đã xem xét xóa tên 85 đảng viên,

đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức khai trừ 13 đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước, thiếu gương mẫu, uy tín thấp.

Thực tế công tác rà soát, sàng lọc đảng viên vẫn chưa đạt được ý nguyện của Nhân dân cũng như yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 4 và Chỉ thị 28-CT/TW, ngày 20/1/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và sàng lọc đảng viên của Ban Bí thư đặt ra, đến nay vẫn còn những hạn chế, bất cập, cụ thể:

Thứ nhất, việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên là cán bộ, công chức phường được giới thiệu về sinh hoạt với chi bộ tổ dân phố vẫn lúng túng; việc quản lý đảng viên đang làm việc ở cơ quan, doanh nghiệp không có tổ chức đảng gặp khó khăn; buông lỏng quản lý, chất lượng đảng viên khi tổ chức sinh hoạt một cách hình thức; có tổ chức đảng còn lúng túng trong tiến hành các thủ tục đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Thứ hai, công tác rà soát, sàng lọc đảng viên ở một số tổ chức đảng không được thực hiện bài bản, chưa kịp thời đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; công tác quản lý đảng viên chưa được quan tâm đúng mức; nền nếp, chế độ sinh hoạt chi bộ của các đảng viên có lúc, có nơi chưa bảo đảm đúng quy định, còn tình trạng đảng viên “gửi sinh hoạt đảng” hoặc không chuyển sinh hoạt đảng về địa phương. Việc rà soát, sàng lọc đảng viên, đưa ra khỏi Đảng trong thời gian qua chủ yếu là thông qua những cuộc kiểm tra, giám sát, hoặc khi có đơn tố cáo, đề nghị đưa ra khỏi Đảng của các cơ quan pháp luật. Việc tự rà soát, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách của các cấp ủy, tổ chức đảng không nhiều; chưa có tiêu chí, quy trình cụ thể, rõ ràng, mỗi cấp ủy làm theo một cách khác nhau, không có sự thống nhất.

Thứ ba, một số đảng viên thiếu gương mẫu, thiếu bản lĩnh ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Việc quản lý đảng viên đi làm ăn xa ở một số tổ chức đảng vẫn còn chưa thực sự chặt chẽ, vẫn còn hiện tượng đảng viên tự bỏ sinh hoạt đảng, không báo cáo với chi bộ.

Với yêu cầu của Nghị quyết số 21-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”, đòi hỏi việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên mà trước hết là đội ngũ đảng viên có đủ phẩm chất, uy tín. Vì vậy, nhiệm vụ rà soát, giáo dục, sàng lọc đảng viên là yêu cầu tất yếu khách quan. Để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên của Tổ chức cơ sở Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở cần lưu ý một số nội dung sau:

Một là, các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục bám sát các bước rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên theo Hướng dẫn 02-HD/BTCTW, về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi đảng.

Hai là, nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ, đảng viên theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; gắn đánh giá cá nhân với tập thể, với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chức danh đối với từng vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức, của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở từng cấp. Cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá cán bộ đứng đầu theo Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ, đảng viên năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai

phạm mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm.

Ba là, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ gắn với tăng cường trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu trong công tác cán bộ. Cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trên tinh thần bám sát các nội dung của Quy định số 65-QĐ/TW, ngày 28-4-2022, của Bộ Chính trị, “Về luân chuyển cán bộ”; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25-10-2021, của Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, trong đó tập trung tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; bảo đảm đúng quy định, quy trình, công tâm, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong từng khâu của công tác cán bộ; không để lọt người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; kịp thời thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị của cán bộ.

Bốn là, tập trung rà soát, thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế hiện có, bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Khẩn trương hoàn thiện các cơ chế về phân cấp quản lý cán bộ, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ nhân sự; đánh giá, lấy phiếu tín nhiệm, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng công khai, minh bạch; tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú ý quản lý cán bộ, đảng viên làm việc trong lĩnh vực đặc thù,... kiểm soát quyền lực, chống “chạy chức”, “chạy quyền”. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xử lý

nghiêm tập thể, cá nhân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; có cơ chế bảo vệ, khuyến khích nhân dân phản ánh, tố giác cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”,... Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, đề cao thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác của người đứng đầu đối với cán bộ cấp dưới để kiểm tra, xử lý khi có dấu hiệu vi phạm.

Năm là, xây dựng quy chế, quy định cụ thể về chế độ tập sự trước bổ nhiệm, trong đó có chế độ tập sự lãnh đạo, quản lý các cấp, như tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của cán bộ tập sự lãnh đạo, quản lý; thời gian tập sự; quyền và nghĩa vụ của tổ chức đảng, người đứng đầu trong tiếp nhận, theo dõi, hướng dẫn, đánh giá cán bộ tập sự lãnh đạo, quản lý,... Chú trọng giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên, viên chức trong hệ thống chính trị.

Đảng viên là nhân tố cơ bản cấu thành nên tổ chức Đảng. Vai trò lãnh đạo, uy tín, danh dự của tổ chức Đảng, của toàn Đảng đối với xã hội do phẩm chất, năng lực và trình độ của mỗi đảng viên tạo thành. Muốn Đảng mạnh, phải có tổ chức Đảng mạnh; muốn có tổ chức Đảng mạnh vừa phải nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, vừa phải sàng lọc, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Đây là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên và có ý nghĩa cấp thiết trong công tác xây dựng Đảng hiện nay./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 8, Nxb. Sự thật, H.2011, tr.286
2. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 14, Nxb. Sự thật, H.2011, tr.28

ĐỔI MỚI MÔI PHƯƠNG PHÁP....

(Tiếp theo trang 74)

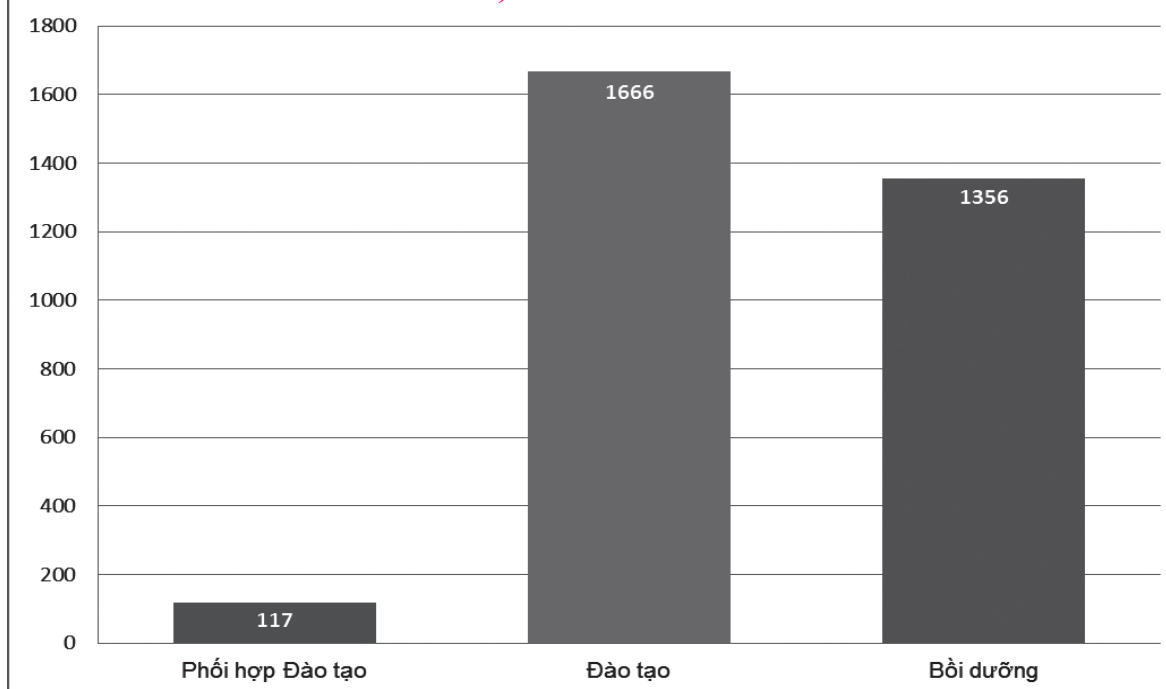
mạnh dạn phát biểu tranh luận và phản biện, bày tỏ ý kiến của mình trước lớp, với giảng viên. Từ đó giảng viên sẽ tiếp nhận ý kiến, giải thích những vấn đề vướng mắc mà người học chưa hiểu rõ. Cố gắng chọn phương pháp học hiểu, tiếp thu ngay tại lớp, chủ động trong việc học, tránh trường hợp soạn bài, ôn bài dồn vào những ngày thi, nhất là vào ngày thi tốt nghiệp sẽ làm cho mình chán ngán “ngộp thở” vì tài liệu quá nhiều.

Học lý luận chính trị cần phải có ý thức tự giác trong học tập, xác định đúng mục đích học tập, tự xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập một cách khoa học, phù hợp để đạt được kết quả cao trong học tập. Trên cơ sở đó vận dụng vào thực tiễn trong công việc của mình góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng phát triển. Đó cũng chính là sự thể hiện tinh thần, ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 04/6/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý./.

Chú thích:

1. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự Thật, HN, 1991, tr21-
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, 2006, tr207
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 208
4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011

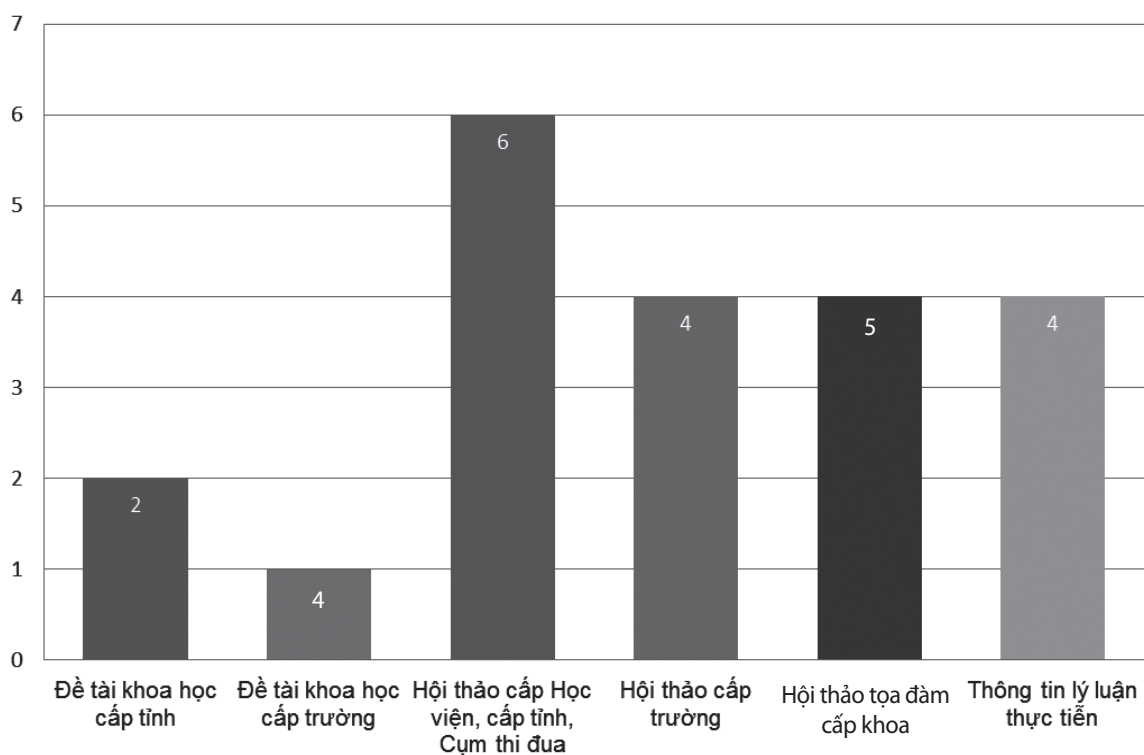
KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2023



PHỤ LỤC KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2023

TT	Loại hình	Số lớp	Tổng số HV
I	PHỐI HỢP ĐÀO TẠO		
1	Cao cấp lý luận chính trị	02	117
II	ĐÀO TẠO		
1	Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	04	295
2	Trung cấp lý luận chính trị	25	1371
III	BỒI DƯỠNG		
1	Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên	06	374
2	Bồi dưỡng ngạch Chuyên viên chính	02	36
3	Bồi dưỡng cán bộ, lãnh đạo quản lý cấp phòng	03	165
4	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ huyện, thành, thị ủy quản lý	03	626
5	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ quy hoạch UVBCHĐB cấp huyện	01	38
6	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với Ủy viên BCH và cán bộ quy hoạch Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh	01	117

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2023



PHỤ LỤC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2023

TT	Loại hình	Số cuộc	Tổng số bài viết
1	Đề tài khoa học cấp tỉnh	02	
2	Đề tài khoa học cấp trường	04	
3	Hội thảo khoa học cấp học viện, cấp tỉnh; Tọa đàm cụm thi đua	06	187
4	Hội thảo khoa học cấp trường	04	97
5	Hội thảo tọa đàm khoa học cấp khoa	05	37
6	Bản tin Thông tin Lý luận và Thực tiễn	04	88



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



Số 47

12/2023

**"Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực
góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"**

Hồ Chí Minh



GS, TS. Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương tặng cờ cho các đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua tại Hội nghị tổng kết công tác trường chính trị năm 2023



Đồng chí Hoàng Trung Dũng - UVBCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh cùng đoàn lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đến chúc mừng Trường Chính trị Trần Phú nhân kỷ niệm 41 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (16/11/2023).



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Trần Thế Dũng phát biểu tại hội thảo khoa học “Xây dựng và phát triển Hà Tĩnh dưới ánh sáng Đề cương về văn hóa Việt Nam”. (02/12/2023)



Trường Chính trị Trần Phú trao cờ luân lưu đơn vị Cụm trưởng Cụm thi đua năm 2024 cho Trường Chính trị Tỉnh Quảng Bình (22/11/2023)



Lãnh đạo Trường Chính trị Trần Phú trao 56 triệu đồng hỗ trợ thôn Nam Hà, xã Diên Mỹ xây dựng nông thôn mới (15/11/2023)



Đồng chí Thái Hiền - giảng viên nhà trường nhận giải C tại Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Ba, năm 2023 (22/10/2023)